

ĐẠO ĐỨC KINH

TAO TE CHING

Zen Teachings on the Taoist Classic

LÃO TỬ

TRẠCH AM TÔNG BÀNH

[1]

Anh Ngữ: THOMAS CLEARY

Việt ngữ: THUẦN BẠCH

NỘI DUNG

Dẫn Nhập	7	15. Người Đắc Đạo Thời Xưa Tinh Tế	114
1. Đạo Có Thể Diễn Tả	14	16. Hết Sức Giữ Được Cực Hư	122
2. Ai Cũng Cho	26	17. Thời Thái Sơ	128
3. Không Trọng Người Hiền	36	18. Đạo Lớn Bị Phế Bỏ	134
4. Đạo, Bản Thể Thì Hư Không	47	19. Dứt Thánh Bỏ Trí	138
5. Trời Đất Bất Nhân	54	20. Dứt Học Thì Không Lo	144
6. Thần Hang Bất Tử	60	21. Dung Mạo Của Đức Lớn	156
7. Trời Đất Trường Cửu	68	22. Khuyết Thì Giữ Được Toàn Vẹn	160
8. Bậc Thượng Thiện Thì Như Nước	72	23. Ít Nói Thì Hợp Với Tự Nhiên	168
9. Giữ Chậu Đầy Hoài	78	24. Nhón Gót Chân Thì Không Đứng Vững	174
10. Cho Hồn Phách	84	25. Có Một Vật Hỗn Độn	180
11. Ba Mươi Nan Hoa	90	26. Nặng Là Gốc Rễ Của Nhẹ	186
12. Ngũ Sắc	94	27. Khéo Đi Thì Không Để Lại Dấu Xe	192
13. Vinh và Nhục	98	28. Biết Trống (Nam Tính)	198
14. Nhìn Không Thấy Gọi Là Di	104	29. Muốn Trị Thiên Hạ	204
		30. Người Giữ Đạo Phò Vua	212
		31. Người Thích Chiến Tranh	220

32. Đạo Vĩnh Viễn Không Có Tên	226
33. Ai Biết Người Là Người Trí	232
34. Đạo Lớn Trùm Khấp	238
35. Giữ Đạo Lớn	242
36. Muốn Thu Thập	246
37. Đạo Thường Hằng Thì Vô Vi	250
38. Người Đức Cao Thì Không Có Ý Cầu Đức	256

TRANSLATOR'S INTRODUCTION

Thomas Cleary

THE *TAO TE CHING* (*Daodejing*) is one of the oldest and most beloved books in the world. Compiled in China more than two thousand years ago, during an era marked by militarism and despotism, the *Tao Te Ching* proposes a serene and unaffected way of life.

Thousands of commentaries have been written on the *Tao Te Ching*, the earliest known dating back as far as the third century B.C.E. These vary widely and touch upon virtually every aspect of human experience.

This translation of the *Tao Te Ching* presents the classic in a unique light, through the eyes of an authentic Zen master, the famed National Teacher Takuan Soho, who lived from 1573 to 1645.

Takuan began the practice of Pure Land Buddhism at the age of ten, and then took up Zen when he was fifteen.

DẪN NHẬP của DỊCH GIẢ

ĐẠO ĐỨC KINH là một trong những quyển sách lâu đời nhất và được yêu thích nhất trên thế giới. Đạo Đức Kinh biên soạn tại Trung Quốc hơn hai ngàn năm trước, vào thời đại chủ nghĩa quân phiệt và chế độ chuyên quyền, đề xướng một thái độ sống thanh thản và không bị cuộc đời chi phối.

Hàng ngàn bài luận giải về Đạo Đức Kinh đã trước tác, bài nổi tiếng sớm nhất vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Những tác phẩm này khác nhau rất nhiều và ảnh hưởng đến hầu như mọi phương diện kinh nghiệm đời người.

Bản dịch Đạo Đức Kinh này trình bày tác phẩm cổ điển dưới ánh sáng độc đáo, qua nhãn kiến của một vị thiền sư chân truyền, vị Quốc Sư nổi tiếng Trạch Am Tông Bành, sống từ 1573 đến 1645.

Trạch Am bắt đầu tu tập Phật giáo Tịnh Độ khi lên mười, rồi tu Thiền lúc mười lăm tuổi.

After attaining Zen enlightenment, he was made assistant teacher at Daitoku-ji, one of the most prestigious monastic centers in Japan. When he was later appointed abbot, however, he resigned after three days.

Takuan is noted for having refused invitations of powerful warlords, and was banished for protesting government regulation of religion. He eventually accepted the request of the emperor to teach, nonetheless, and also instructed the shogun.

Takuan lived in a time of transition in Japan, from a history of endemic warfare to a state of peace that was to endure for more than two centuries. He often emphasizes minimalism in government, especially in matters of warfare and taxation. This reflects the concerns of his own time, but these also paralleled the problems of war-torn Chinese society in the original historical context of the *Tao Te Ching*. Its relevance in this respect today need hardly be emphasized.

Sau khi chứng đắc Thiên, Sư là phụ tá giáo thọ tại chùa Đại Đức, một trong những trung tâm tu tập có uy tín nhất tại Nhật Bản. Về sau Sư được tấn phong trụ trì, nhưng ba ngày sau Sư từ chức.

Trạch Am nổi tiếng vì từ chối lời mời của các lãnh chúa uy quyền, và đã bị trục xuất vì phản đối quy định của nhà nước về tôn giáo. Cuối cùng, Sư chấp nhận lời yêu cầu của hoàng đế ra giảng pháp, chẳng những thế còn chỉ dạy các tướng quân.

Trạch Am sống vào thời kỳ quá độ ở Nhật Bản, từ lịch sử chiến tranh đặc thù sang trạng thái hòa bình kéo dài hơn hai thế kỷ. Sư thường nhấn mạnh tính chất giản lược hoá trong chính phủ, đặc biệt là trong các vấn đề chiến tranh và thuế má. Điều này phản ánh mối quan tâm thuộc thời đại của Sư, nhưng đồng thời những vấn nạn của xã hội Trung Quốc thời kỳ chiến tranh tàn phá trong bối cảnh lịch sử buổi ban đầu của Đạo Đức Kinh. Sự liên quan của Đạo Đức Kinh trong lĩnh vực này thời nay hầu như không cần phải nhấn mạnh.

Takuan's explanation of the *Tao Te Ching* interprets the philosophical and psychological meanings of the ancient text as well as its radical social and political concepts. He illustrates applications of the maxims in a wide range of connections, including health, personal relationships, and individual lifestyle. True to the teachings of the *Tao Te Ching* itself, as well as to the tradition of Zen, Takuan enlightens in simple, down-to-earth terms, drawing on the fabric of everyday experience, and the wellspring of common sense, to reveal the basic sanity of Nature and the inherent wholeness of life.

*

Bình giải Đạo Đức Kinh của Trạch Am luận về ý nghĩa triết học và tâm lý của một văn bản cổ xưa cũng như khái niệm xã hội và chính trị cơ bản. Ngài minh họa sự ứng dụng những châm ngôn trong một phạm vi rộng lớn về các mối tương quan, bao gồm sức khỏe, quan hệ riêng tư, và lối sống cá nhân. Đúng như những lời dạy của chính Đạo Đức Kinh, cũng như truyền thống Thiền, Trạch Am soi sáng với ngôn ngữ giản dị, thực tế, dựa trên kết cấu của kinh nghiệm hàng ngày, và nguồn gốc của lễ thường, để hiển lộ sự lành thiện nền tảng của Thiên Nhiên Trời Đất và tính toàn thể bản hữu của cuộc sống.

*

[1]

A WAY THAT CAN BE SPOKEN

道可道, 非常道; 名可名, 非常名. 無 名天地之始; 有 名萬物之母. 故常無 欲以觀其妙; 常有 欲以觀其故常無, 欲以觀其妙; 常有 欲以觀其微. 此兩者, 同出而異名. 同謂之玄. 玄之又玄. 衆妙之門.

A way that can be spoken is not the eternal Way;

A name that can be named is not a constant name.

There were no names in the beginning of heaven and earth;

Attribution of names is the matrix of myriad things.

Whenever you have no desire, you can observe the subtle;

Whenever you have desire, watch the openings.

These two have the same provenance but different names;

Both are called mysteries.

The mystery of mysteries is called the gateway to myriad subtleties.

[1]

ĐẠO CÓ THỂ DIỄN TẢ

* Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh. Vô, danh thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu. Cố thường vô, dục dĩ quan kì diệu; thường hữu, dục dĩ quan kì kiêu. Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh. Đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn.

Đạo có thể nói ra thì không phải Đạo thường hằng.

Tên có thể đặt ra thì không phải tên thường hằng.

Vô, là tên gọi bản thủy của trời đất;

Hữu, là tên gọi mẹ sinh ra muôn vật.

Cho nên, muốn thấy chỗ vi diệu của Đạo thì phải thường vô (tâm).

Muốn thấy chỗ hiện hành phong nhiêu (sai biệt) của Đạo thì phải thường hữu (tâm).

Cả hai đồng phát xuất từ đạo mà khác tên,

Đồng, nên gọi là huyền.

Huyền rồi lại huyền, là cửa của mọi biến hóa vi diệu.

TAKUAN'S COMMENTARY

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Lao-tzu's book is not like reading ordinary books; one should not get so caught up and bogged down in literal meanings. In some places, this book presents analogies derived right from Lao-tzu's basic intent. In some places it starts from analogy and works its way to the basic intent. So there is something difficult to grasp about what he is saying, like a dream, like a shadow. Just when you think you've found the basic idea, it's a metaphor; and when you think it's a metaphor, it's the basic idea. Even so, this in itself is Lao-tzu's basic intent, his way of proceeding. This is because his basic intent is emptiness. When you read with this in mind, you should be able to understand. Otherwise, you can't.

To sum up Lao-tzu's approach, insofar as the world is as it appears, the Way too is as it appears. Thus it is not something to which people might contrive to attach various conceptions, judging this right and this wrong. In other words, the Way is *as is*.

Sách của Lão Tử không phải đọc như sách thông thường; ta không nên trói buộc và sa lầy vào nghĩa đen. Có chỗ, sách trình bày những điểm tương đồng xuất phát trực tiếp từ hàm ý cơ bản của Lão Tử. Có chỗ thì bắt đầu từ những điểm tương đồng và chuyển hướng đến chủ ý căn bản. Vì vậy, trong lời dạy của Lão Tử có điều gì rất khó lĩnh hội, giống như mộng寐, như bóng như hình. Chỉ khi nghĩ rằng mình nhận biết ý tưởng cơ bản là một ẩn dụ; và khi nghĩ rằng đó là ẩn dụ thì lại là ý tưởng cơ bản. Dù vậy, chính đó là chủ ý của Lão Tử, là phong cách ngài tiến hành. Bởi vì chủ ý của ngài là tánh Không. Khi nắm lòng như thế, ta sẽ hội được ý. Nếu không, sẽ không hiểu.

Tóm tắt cách tiếp cận của Lão Tử, ở mức độ thế gian như đang xuất hiện, thì Đạo cũng như đang xuất hiện. Vì vậy, không phải một điều gì mọi người có thể cố tình gán ghép những quan niệm sai khác, đánh giá đây là đúng và kia là sai. Nói cách khác, Đạo thì như thị.

"A way that can be spoken" means whatever can be called a way. "The eternal Way" is like saying the true Way. The true Way is the real Way that never changes throughout eternity. That is why it is called eternal. So if you say that the Way is just such—and—so, that is not the real Way. This is the fundamental meaning.

"A name that can be named" is a simile. This line is not about entry into the Way; what is said here is a simile. The idea is that the fact that "A way that can be spoken is not the eternal Way" is like the fact that "A name that can be named is not a constant name." Because you think this line expounds the Way, no matter what you say, it is insufficient; but when you see it as a simile in this way, that will be effective.

"A name that can be named" is like calling water "water." If it had always been called fire, we'd call it fire. So it is also with fire.

"Đạo có thể nói ra" nghĩa là bất kể điều gì cũng có thể gọi là đạo (hữu vi tạo tác). "Đạo thường hằng" là chân Đạo (thực tại tuyệt đối vô vi). Chân Đạo là thực Đạo muôn đời không bao giờ thay đổi. Đó là lý do tại sao gọi là thường hằng. Vì vậy, nếu nói rằng Đạo là thế ấy—và—thế kia thì lại không phải Đạo chân thực. Đây là ý nghĩa nền tảng.

"Tên có thể đặt ra" là một ẩn dụ. Dòng này chưa phải nhập Đạo; điều gì nói ở đây là ẩn dụ. Ý nói là sự kiện "Đạo có thể nói ra thì không phải Đạo thường hằng" giống như sự kiện "Tên có thể đặt ra thì không phải tên thường hằng." Bởi vì nghĩ rằng dòng này diễn giải Đạo, dù có nói thế nào vẫn thiếu sót; nhưng khi nhìn biết đó là ẩn dụ thì sẽ hiệu nghiệm.

"Tên có thể đặt ra" giống như gọi nước là "nước." Nếu thường gọi nước là lửa, chúng ta sẽ gọi là lửa. Đối với lửa cũng vậy.

The same thing, water, is called *shui* in Chinese, while in Japan it's called *mizu* in the capital, but people of the western provinces say *minzu*. That's the way it is—since names are all assigned by human beings, they can be changed at will, even now. To say they are not constant names means that just as there are originally no absolute names such as "water" or "fire," likewise "A way that can be spoken is not the eternal Way."

"There were no names in the beginning of heaven and earth" means that when the world began there were no names at all. "Attribution of names is the matrix of myriad things" means that we speak this way because after names develop they become highly variegated. The "matrix" means the origin.

"Whenever you have no desire . . ." Desire is not just for fame and profit and sensuality; all thoughts are desires.

Tương tự, nước, được gọi là *thủy* ở Trung Hoa, trong khi ở thủ đô Nhật Bản gọi là *mizu*, còn cư dân các tỉnh miền Tây nói là *minzu*. Đó là thế đấy—vì con người đặt tên nên danh tính có thể thay đổi theo ý muốn, ngay cả hiện giờ. Bảo rằng tên không phải thường hằng có nghĩa giống như khởi thủy không có tên tuyệt đối như "nước" hoặc "lửa," tương tự như vậy "Đạo có thể nói ra thì không phải Đạo thường hằng."

"Vô, là tên gọi bản thủy của trời đất¹" có nghĩa bản thể thế gian khởi đầu là Vô, chẳng hề có (vật)². "Hữu, là tên gọi mẹ sinh ra muôn vật³" nghĩa là chúng ta nói như thế bởi vì sau khi Có thì sự vật sẽ đa dạng. "Mẹ" nghĩa là cội nguồn.

"Cho nên, muốn thấy chỗ vi diệu của Đạo thì phải thường vô (tâm)" Ý muốn (dục) không chỉ là tham danh lợi và ái dục; tất cả niệm tưởng đều là ý muốn tạo tác.

¹ Dịch sát bản tiếng Anh là: Không tên là khởi thủy của trời đất.

² Tương đương với câu "Xưa nay không một vật" của Lục Tổ.

³ Dịch sát bản tiếng Anh là: Có tên là mẹ sinh ra muôn vật.

Since the Way is freedom from bias and inclination, the Way is not perceptible except where you're not concerned with anything. It is because your mind inclines to thought, fame, profit, and sensuality, that you cannot see the subtlety of the Way.

"Whenever you have desires . . ." Even though the Way cannot be seen except when you have no desire, people have eyes, so they see; they have ears, so they hear. Because such openings exist, there must also be desire. So the existence of desire in these openings is also subtle function. Since the presence of desire is the wonder in the openings, to speak of having no desire does not mean abandoning desire. Why? You can't cut off your ears and eyes and throw them away. As long as there are openings, there must be desires.

Nevertheless, all existents are ultimately mental constructions.

Vì Đạo không thiên vị nghiêng lệch, nên Đạo không thể nhận thức được, trừ trường hợp bạn vô tâm đối với bất cứ điều gì. Do là vì tâm thường nghiêng theo niệm tưởng, danh, lợi, và ái dục, nên không thể nhìn thấy tính vi diệu của Đạo.

"Muốn thấy chỗ hiện hành phong nhiêu (sai biệt) của Đạo thì phải thữu hữu (tâm)." Dù Đạo không thể nhìn thấy, trừ khi vô tâm, người đời vẫn có mắt để nhìn; có tai để nghe. Bởi vì có hiện hành phong nhiêu, nên phải hữu (tâm). Vì thế hữu (tâm) nơi hiện hành phong nhiêu nên cũng có tính vi diệu. Vì hữu (tâm) là hiện hành phong nhiêu, nên nói vô (tâm) không có nghĩa từ bỏ ý muốn. Tại sao? Bạn không thể cắt đứt tai mắt và ném bỏ. Bao lâu còn hiện hành phong nhiêu thì phải hữu (tâm).

Tuy nhiên, tất cả sự hiện hữu cuối cùng đều là tạo tác của tâm.

Therefore having desires is not the Way, yet abandoning them to be desireless is not the Way either. The point is that the Way is nothing in particular; it is *just* so.

To "watch" means to observe. The character for "opening" is interpreted in various ways, but "opening" is best. Since it says to "watch the openings," it must refer to the subtlety in the openings. "These two" refers to having no desires and having desires. "The same provenance" means they come from the same place. "The same" means it is the same for both having no desire and having desire.

"Mysteries" are mysterious subtleties. It's not a mere matter of the mysterious being extra mysterious; it says this is "The mystery of mysteries." "The gateway to myriad subtleties" uses the expression "gateway" to mean the place from whence they emerge.

This word "both" can be understood to refer to being and nothingness. "Having desires" is being, "having no desires" is nothingness.

Vì vậy hữu (tâm) không phải Đạo, nhưng xả bỏ để vô (tâm) cũng chẳng phải Đạo. Vấn đề là Đạo không phải điều gì đặc biệt mà tự như như.

"Thấy" có nghĩa quan sát. Chữ "phong nhiêu" diễn giải nhiều cách khác nhau, nhưng "phong nhiêu" hay nhất. Vì nói "Thấy tính phong nhiêu," phải liên quan đến tính vi diệu ngay chỗ hiện hành phong nhiêu. "Cả hai [vô và hữu]" là vô (tâm) và hữu (tâm). "Đều phát xuất" nghĩa là cùng một xuất xứ. "Đều" có nghĩa vô (tâm) và hữu (tâm) cả hai như nhau.

"Huyền" là sự vi tế huyền diệu. Không phải chỉ là vấn đề huyền diệu lại thêm huyền diệu; mà đây là "huyền diệu của huyền diệu." "Cửa của mọi biến hóa vi diệu" sử dụng khái niệm "cửa" có nghĩa chỗ xuất xứ.

Cụm từ "cả hai" có thể hiểu là hữu và vô. "Hữu tâm" là hữu, "vô tâm" là vô.

[2]

WHEN EVERYONE IN THE WORLD
KNOWS

天下皆知美之爲美,斯惡已;皆知善之爲善,斯不已故有
無相生,難易相成,長短相形,高下相傾,音聲相和,前後相隨.
是以聖人處無爲之事,行不言之教;萬物作焉而不辭,
生而不有,爲而不恃,功成而不居.夫唯不居,是以不去.

When everyone in the world knows beauty is
considered beautiful, this is ugly.

When everyone knows good is considered
good, this is not good.

So being and nonbeing produce each other,
Difficulty and ease make each other,
Long and short form each other,
High and low incline to each other,
Sound and voice harmonize with each other,
before and after follow each other.
This is why sages
attend to the business of not contriving
anything,
putting unspoken teaching into effect.
Myriad beings are created ungrudgingly,
produced but not possessed,

[2]

AI CŨNG CHO

* Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri
thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương
sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao
hạ tương khuynh, âm thanh tương hoà, tiền hậu tương
tuỳ. Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn
chi giáo; vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu,
vi nhi bất thị, công thành nhi bất cư. Phù duy bất cư,
thị dĩ bất khứ.

* Thiên hạ đều biết đẹp cho là đẹp, thì đã có
xấu; đều biết thiện cho là thiện, thì đã có bất thiện
Là vì “có” và “không” cùng sinh;
Khó và dễ cùng thành,
Dài và Ngắn cùng hình,
cao và thấp cùng nghiêng;
âm và thanh cùng hòa;
trước và sau cùng theo nhau.
Cho nên, thánh nhân
Dùng vô vi mà xử sự,
Dùng bất ngôn mà chỉ giáo,
Để cho vạn vật tạo nên mà không từ chối,
sinh ra mà không chiếm hữu,

made without boasting,
the work completed without dwelling on it.

That simple nondwelling is why it doesn't
leave.

TAKUAN'S COMMENTARY

It seems to me that to say "Myriad beings are
created," instead of saying "It gives life to myriad
beings," is the sense of a later section, that "heaven
and earth are not humane."

"Everyone in the world" means all the people
in the world. "Beautiful" and "ugly" refer to form,
like the beauty or ugliness of a person, or the
beauty or ugliness of an object. "Good" and "not
good" refer to what has no form, like people being
good or not good. "Know" means thinking
someone or something to be beautiful or good. If
you think someone or something beautiful, your
mind will be biased; because you have an
inclination to seek good, already that's bad, not
good. When biased, you reject what is bad and not
good; that rejection is not good, it is bad.

Làm ra mà không kể công,
việc thành mà không trụ trước.
Vì không trụ trước nên không mất.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Đối với tôi bảo "ĐỂ cho vạn vật tạo nên," thay
vì nói "Mang lại sự sống cho vạn vật," là ý nghĩa
của phần sau cho rằng "trời và đất bất nhân."

"Thiên hạ" có nghĩa tất cả mọi người trên thế
gian. "Đẹp" và "xấu" nói về hình tướng, giống như
vẻ đẹp hay tướng xấu của một người, đẹp hay xấu
của một vật. "Thiện" và "bất thiện" đề cập những gì
không hình tướng, giống như con người thiện hay
bất thiện. "Biết (tri)" là suy nghĩ về một người hoặc
một vật đẹp hay xấu. Nếu nghĩ rằng một người
hoặc một vật đẹp, tâm của bạn sẽ thiên vị; bởi vì
khi nghiêng về tìm kiếm tốt thì đã xấu rồi, sẽ không
tốt. Khi nghiêng một bên, bạn loại bỏ điều xấu và
không tốt; sự loại bỏ này lại là không tốt, tức xấu.

Things of the world are such that, depending on the time, what is not beautiful can become beautiful, and what is not good can become good.

"Being and nonbeing produce each other" means that existence and nonexistence are interdependent, not separate things. All existence comes from nonexistence, and all nonexistence comes from existence.

By analogy, it is like foliage; leaves of trees come out after shedding, so this is existence from nonexistence. But then when autumn comes, the falling leaves disintegrate into nothing. This is nonexistence from existence.

The line "being and nonbeing produce each other" is the fundamental meaning; the five lines from "Difficulty and ease make each other" go directly into analogies. In all things there is harder and easier. As the folk saying goes, "A slow ox goes slowly and a fast ox goes slowly too." That is to say, there is the difficult and there is the easy.

As for the "long" and the "short," they refer to the forms of things, so that's why they are said to form each other. In reality it means there are long things and short things. The same goes for "high and low."

Sự việc trên thế gian là vậy, tùy thuộc vào thời gian, những gì không đẹp có thể trở nên đẹp, và những gì không tốt có thể trở thành tốt.

"Là vì có và không cùng sinh" nghĩa là hiện hữu và không hiện hữu phụ thuộc lẫn nhau, bất khả phân. Tất cả "có" đến từ "không", và tất cả "không" đến từ "có".

Tương tự, lá cây mọc sau khi rụng, vì vậy đây là có từ không. Nhưng rồi mùa thu đến, lá rơi rụng thành không. Đây là không từ có.

Dòng "có và không cùng sinh" là ý nghĩa căn bản; năm câu sau từ câu "Khó và dễ cùng thành" trực tiếp đi vào sự tương đồng. Tất cả sự vật đều khó và dễ. Có câu nói dân gian, "Một con bò chậm chạp đi chậm và một con bò nhanh nhẹn cũng đi chậm." Ý nói có khó khăn và có dễ dàng.

Đối với "dài" và "ngắn," ám chỉ hình tướng vạn vật, vì vậy đây là lý do nói đến hình tướng mỗi vật khác nhau. Thực tế nghĩa là có những vật dài và có những vật ngắn. Cũng vậy với "cao và thấp."

"Incline" means that when there is a difference in elevation there is an incline, so it says, "High and low incline to each other." The fact is that there are high places and there are low places.

"Sound" means the sound of everything that sounds, while "voices" means the human voice. It says they "harmonize," because where human voices are combined with the tones of string and woodwind musical instruments they blend nicely. But this too simply means there are voices and there are sounds.⁴

"Following" means that where there is an order of precedence, then there is an order of succession. "Before and after" means that when there is something that goes before, then there is something that comes after.⁵

To "attend to the business of not contriving anything" means to just trust naturalness, and not make up anything, or make anything of it.

⁴ A Zen maxim says, "All sounds are the voice of Buddha."

⁵ That is to say, elements of an order or a succession are defined relative to one another. Just as the same individual may be at once ahead of someone and behind someone else in a given order, the same individual may be ahead of someone in one order but behind the same person in another order.

"Nghiêng" nghĩa là khi có chênh lệch về độ cao thì có độ nghiêng, vì vậy nói "cao và thấp cùng nghiêng." Thực tế là có những chỗ cao và có những chỗ thấp.

"Âm" là tiếng sự vật vang dội, trong khi "thanh" là tiếng nói con người. Bảo rằng âm thanh "cùng hòa," bởi vì nơi có tiếng nói con người kết hợp với âm lượng của đàn dây và sáo thổi hòa hợp hay đẹp. Nhưng đây chỉ đơn giản là có âm và có thanh.⁶

"Theo" nghĩa là nơi nào thứ tự thì có trước rồi sau. "Trước và sau" nghĩa là khi điều gì có trước, tất nhiên sẽ có điều gì đến sau.⁷

"Dùng vô vi mà xử sự," nghĩa là chỉ cần tin tưởng vào tính bản nhiên, và không hình thành, hoặc tạo tác điều gì.

⁶ Một châm ngôn Thiền nói: "Tất cả âm thanh là tiếng nói của Phật."

⁷ Đó là để nói, các yếu tố của một thứ tự hay một chuỗi được định nghĩa tương đối với nhau. Cũng như một cá nhân có thể cùng một lúc trước ai đó và sau người khác theo một thứ tự nhất định, một cá nhân có thể phía trước ai đó trong một thứ tự nhưng đứng sau một người trong thứ tự khác.

To "put unspoken teaching into effect" means not discussing theories or imposing doctrines.

After this, down to "without boasting," refers to Nature. From "Myriad beings are created" onward is also analogical. "Created" refers to the creation of myriad beings. For example, as heaven and earth give birth to all beings, they do not refuse because it is onerous, or refrain because it is bad. "Produced but not possessed" means once those beings are born, heaven and earth don't keep them as possessions. "Made without boasting" means heaven and earth make them without conceit.

"The work completed" concludes the preceding three lines. In this way, though the great work of Creation is complete, no one takes the credit. That is why it doesn't go away. What isn't there doesn't leave. No credit is usurped from the side—it doesn't leave for that reason too.

Not refusing, not possessing, not boasting, not dwelling, and not leaving are all because of not minding.

“Dùng bất ngôn mà chỉ giáo” nghĩa là không thảo luận về lý thuyết hoặc áp đặt học thuyết.

Về sau, cho đến câu "không kể công" đề cập Trời. Từ câu "Để cho vạn vật tạo nên" tiếp theo đều là tương đồng. "Tạo nên" đề cập đến việc sinh tạo vô số chúng sinh. Ví dụ, khi sinh ra mọi chúng sinh, trời đất không từ chối vì khó khăn, hoặc ngăn cản vì xấu xa. "Sinh ra mà không chiếm hữu" có nghĩa một khi chúng sinh ra đời, trời đất không nắm giữ như vật sở hữu. "Làm mà không kể công" nghĩa là trời đất tạo thành mà không tự phụ.

"Việc thành" kết luận ba dòng trước đó. Như thế, mặc dù việc Tạo Nên viên mãn, không ai mất phước đức. Đó là lý do tại sao việc tạo nên không mất. Điều gì là không thì không mất đi. Không có phước đức chiếm đoạt từ một bên—phước đức không mất cũng vì lý do này.

Không từ chối, không sở hữu, không kể công, không trụ trước, và không mất, tất cả đều do vô tâm.

[3]

NOT TO ESTEEM SAGACITY

不尚賢，使民不爭；不貴難得之貨，使民不爲盜；
不見可欲，使民心不亂。是以聖人之治，虛其心，實其腹；
弱其志，強其骨。常使民無知無欲，使夫智者不敢爲也，
爲無爲，則無不治。

Not to esteem sagacity causes the people not
to compete;

Not to value hard-to-get goods causes the
people not to steal.

Not seeing anything to desire makes the
mind undisturbed.

Therefore the government of sages
empties the mind and fills the belly,
weakens the ambition and strengthens the
bones,

Always making people innocent and
desireless,

Making the sophisticated not dare to
contrive;

Act without contrivance, and all will be
orderly.

[3]

KHÔNG TRỌNG NGƯỜI HIỀN

* Bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc
chi hoá, sử dân bất vi đạo; bất hiện khả dục, sử dân
tâm bất loạn. Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kì tâm,
thực kì phúc; nhược kì chí, cường kì cốt. Thường sử
dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi giả, vi vô
vi, tắc vô bất trị.

* Không trọng người hiền để dân không tranh.

Không quý của hiếm để dân không trộm cướp.

Không bày hiện vật gợi lòng tham, để dân không
loạn.

Cho nên, thánh nhân cai trị khiến cho dân:

Hư tâm, no bụng,

yếu chí, mạnh xương.

Khiến cho dân vô tri, vô dục,

[khiến] bọn trí xảo không dám âm mưu sanh sự.

Theo chính sách vô vi thì mọi việc đều trị an.

TAKUAN'S COMMENTARY

The word for "esteem" is read that way by all commentators but Mr. Hayashi,⁸ who reads it to mean "take pride." The sense of this is hard to understand if you don't really get Lao-tzu's meaning. On top of that, Mr. Hayashi sees it in conformity with the Way of sages, so he reads it to mean taking pride.

The sense of this line is that wise people, for example, should be wealthy and highly placed, but they are not necessarily so; good people should be fortunate, but they are not necessarily so; stupid people should be poor and lowly, but they are not unable to eat; bad people should be unfortunate, but they are not necessarily so. If you see distinctions right away, the world doesn't hold together. Not to be so hasty, in contrast, is the natural state of heaven and earth—that way the world holds together.

⁸ Hayashi Razan (1583-1657) was a famous neo-Confucian scholar. He was a tutor of the first three shoguns of the Tokugawa regime, and the head of the government Confucian academy.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Chữ "trọng" ở đây hầu hết nhà bình luận đều hiểu như thế nhưng ông Hayashi⁹ cho là "tự hào." Ý nghĩa thật khó hiểu nếu không thực sự nhận ra thâm ý của Lão Tử. Trước hết, ông Hayashi thấy ý nghĩa chữ này phù hợp với Đạo của thánh hiền, vì vậy là tự hào.

Ý nghĩa câu này là những người khôn ngoan, ví dụ, giàu có và địa vị cao sang, nhưng không nhất thiết đúng như vậy; người tốt thì được may mắn, nhưng không hẳn như vậy; người ngu nên nghèo và thấp kém, nhưng không phải là họ không biết ăn; người xấu nên không may, nhưng không hẳn như vậy. Nếu thấy liền khởi phân biệt sẽ không nắm hết thiên hạ. Nếu không khinh suất, ngược lại, là trạng thái bản nhiên của trời đất—là cách gồm thâu thiên hạ.

⁹ Hayashi Razan (1583-1657) là một học giả tân Nho giáo nổi tiếng. Ông là người giám hộ của ba tướng quân đầu tiên của chế độ Tokugawa, và người đứng đầu học viện Nho giáo của chính phủ.

However, while major criminals like murderers, robbers, and arsonists may not be identified for the time being, somehow they're found out, exposed in some unexpected way, and punished. The fortune of the very good is also like this.

This is how the world works. Even when it comes to great good and great evil, if there were nothing at all, heaven and earth would not stand. In any case, the world doesn't take peremptory haste. And this does not apply only to heaven and earth; the punishment and benefit of the spirits of Japanese Shinto are that way too. And so, therefore, is the way of national government. This is said on the basis of the idea that the world will not be orderly unless savants like Yao and Shun govern it without contrivance.¹⁰

Since ancient times, the order and disorder of nations has come from those of ability and intelligence concocting various novel rules. When such talented and intelligent people are esteemed, then everybody boasts of sagacity and plays at being wise.

¹⁰ Yao and Shun were ancient leaders immortalized as sages in Chinese traditions.

Tuy nhiên, trong khi bọn phạm trọng tội như giết người, cướp của, và những kẻ chủ mưu có thể không bị bắt lúc đó, rồi bất ngờ bị lộ mặt, phát giác, và trừng phạt. Tài sản của người thiện lành cũng giống như thế.

Đây là cách thế gian vận hành. Ngay cả khi đến lúc cực thiện và cực ác, nếu rốt cuộc chẳng việc gì xảy ra, trời đất sẽ không đứng vững. Trong mọi trường hợp, thế gian không vội vàng quyết định. Và điều này không chỉ áp dụng cho trời đất; sự trừng phạt và ban phúc của thần linh theo thần đạo Nhật Bản cũng như thế. Và như vậy, đó là đường lối của chính phủ một nước. Đây là dựa vào ý niệm căn bản rằng thế gian sẽ không trị an, trừ khi người hiền như hai vua Nghiêu Thuấn cai trị theo chính sách vô vi.¹¹

Thời xưa, an ninh và loạn lạc của đất nước xuất phát từ những người tài trí tổng hợp những quy tắc mới lạ khác nhau. Khi người tài trí như vậy được trọng vọng, rồi thì ai cũng tự hào mình là người hiền và đóng vai người trí.

¹¹ Vua Nghiêu và vua Thuấn là hai vị lãnh đạo thời xưa xem như bất tử giống các nhà hiền triết trong truyền thống Trung Hoa.

So it's not a matter of deliberately valuing sagacity and despising ignorance. This is Lao-tzu's view. So if you don't read "esteem" as such, Lao-tzu's view doesn't make sense. He says that when sagacity is not esteemed, people don't show off sagacity to play at being intelligent, so they don't compete. When you read it this way, the line makes sense.

"Not to value hard-to-get goods causes the people not to steal." This line is very good. As goods are really precious, it is to be expected they should be valued. So when easily gotten goods are valued, there should be no harm. When hard-to-get goods are valued, the underprivileged cannot refrain from stealing.

"Not seeing anything to desire makes the mind undisturbed." This line is even finer. It means that it's better not to display things that people are likely to crave. Then people will be calm. For example, for those who think rough cotton, colored with a little pattern, serves as the finest dress clothing there is, that will do.

Vì vậy, ở đây không phải vấn đề cố tình trọng vọng hiền đức và khinh khi ngu dốt. Đây là quan điểm của Lão Tử. Vì vậy, nếu không hiểu chữ "trọng" theo như trên, sẽ không hiểu ý của Lão Tử. Ngài nói không trọng vọng người hiền, mọi người sẽ không khoe mình là người hiền để đóng vai người trí, vì vậy họ không ganh đua tranh chấp. Khi hiểu như thế, câu này có nghĩa lý.

"Không quý của hiếm để dân không trộm cướp." Câu này rất hay. Khi của cải quý báu thực sự thì phải trân quý. Do đó khi của cải không quý hiếm thì sẽ vô hại. Khi của cải quý hiếm thì những người thua kém không thể kiềm chế trộm cắp.

"Không phô bày vật gợi lòng tham, để dân không loạn." Câu này còn hay hơn. Nghĩa là tốt hơn không nên bày hiện đồ vật mọi người có thể thèm khát. Và thiên hạ sẽ an ổn. Ví dụ, đối với người nghĩ rằng vải thô, màu sắc hoa văn đơn sơ, dùng làm y phục thanh nhã thì cũng được.

Once they go to the city and see all sorts of gorgeous things, they'll inevitably come to want them. This disturbs people's minds.

"The government of sages empties the mind" means making it so that there is no craving; to "fill the belly" means to let the people eat their fill.

"Weakening" means being humble, without conceit. Because of emptying the mind, one's attitude is humble, not presumptuous.

"Strengthening" is because of filling the belly.

"Innocent" should be viewed in reference to the aforementioned emptying of the mind and weakening of ambition. By emptying the mind and weakening ambition, you make it so there's nothing to know. "Desireless" should be viewed in reference to filling the belly and strengthening the bones. Because of provision for the filling of bellies and strengthening of bones, there is nothing to want.

Một khi lên thành thị và thấy nhiều đồ vật tuyệt đẹp, chắc chắn họ sẽ muốn có. Như thế sẽ làm tâm họ rối loạn.

"Thánh nhân cai trị khiến cho dân hư tâm," tức là không tham muốn; "no bụng," nghĩa là để cho dân có ăn đầy đủ.

"Yếu" có nghĩa khiêm cung, không kiêu ngạo. Bởi vì tâm hư tĩnh nên thái độ sẽ khiêm cung, không ngã mạn.

"Mạnh xương" là vì ăn uống đầy đủ.

"Vô tri (không biết)" nên hiểu là khiến tâm hư tĩnh và tham vọng suy yếu đã nói ở trước. Do tâm hư tĩnh và tham vọng suy yếu như thế nên vô tri. "Vô dục" liên quan đến no bụng và xương mạnh. Do vì ăn đầy đủ và xương mạnh nên không cần phải ham muốn.

"Making the sophisticated not dare to contrive" means that even if they try to know something about all sorts of things, even if there are those who do know, they are prevented from acting on it presumptuously.

"Act without contrivance" means that everything would be in order if all were done without artificiality. That notion is as expressed above. Some say this chapter illustrates taking care of life. Of course, insofar as Lao-tzu's book expounds the Way, because the Way is inseparable from any concern, it can apply to taking care of life as well as anything else. This is the point of the line in chapter 35, "Verbal expressions of the Way are so bland they're flavorless, but their application is inexhaustible." Even so, since the present passage speaks of the government of sages, going on to conclude, "Act without contrivance, and all will be orderly," the government of nations is to be viewed as the basic meaning of the path of governance.

"[Khiên] bọn trí xảo không dám âm mưu sanh sự" nghĩa là ngay cả khi họ cố biết điều gì về đủ loại sự vật, ngay cả khi có vật họ biết, họ vẫn không dám hành động một cách kiêu ngạo.

"Theo chính sách "vô vi" nghĩa là tất cả sự việc đều trị an nếu tất cả đã hoàn thành mà vô sự. Quan điểm này đã đề cập ở trên. Một số người nói chương này minh giải thuật xử thế. Tất nhiên, ở mức độ nào đó sách của Lão Tử diễn giải Đạo, vì Đạo không thể tách rời khỏi sự quan tâm, nên có thể ứng dụng để xử thế giống như mọi phương thức khác. Đây là điểm chính trong câu thuộc chương 35, "Đạo nói ra miệng thì nhạt nhẽo, vô vị; nhưng ứng dụng thì vô tận." Dù vậy, vì đoạn này nói về sự cai trị của thánh nhân, nên kết luận là, "Theo chính sách vô vi thì mọi việc đều trị an," chính phủ của quốc gia được xem là ý nghĩa cơ bản của đường lối cai trị.

[4]

THE WAY is EMPTY

道冲，而用之或不盈，渊兮，似万物之宗。

挫其锐，解其纷，和其光，同其尘；湛兮似或存。

吾不知谁之子，象帝之先。

The Way is empty, so using it may not be complete.

It is so deep it seems to be the source of everything.

It blunts the edges, dissolves the complications, harmonizes the light and assimilates to the world.

Brimming full, it seems as if it is there.

I don't know whose offspring this is, like before the emperors.

TAKUAN'S COMMENTARY

The Way is not something difficult, not something so fancy. It's nothing like the way the world appears, so it is called "empty."

"Using it may not be complete" means that since it's empty, it may be better not to use it completely.

[4]

ĐẠO, BẢN THỂ THÌ HƯ KHÔNG

* Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh, uyên hê tự vạn vật chi tôn. Toả kì nhuệ, giải kì phân, hoà kì quang, đồng kì trần; trạm hê tự hoặc tồn. Ngô bất tri thùy chi tử, tượng đế chi tiên.

* Đạo, thể thì không mà dụng thì cơ hồ bất tận, uyên áo mà tựa như tổ tông vạn vật.

Làm cùn lụt tinh nhuệ, tháo gỡ rối loạn, hoà quang, đồng trần;

Trần đầy mà dường như là tồn tại ngay đó.

Ta không biết con cháu của ai; có lẽ có trước hoàng đế.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Đạo không phải điều khó khăn, không phải điều quá lạ thường. Đạo không giống điều gì xuất hiện theo kiểu thế gian, vì vậy gọi Đạo là "không."

"Dụng thì cơ hồ bất tận" có nghĩa vì là không nên tốt nhất là không nên tận dụng.

"Using it without completeness" means not exerting it fully, not applying it 100 percent. This does not refer only to the present concern; it is so of everything and anything; even, for example, such things as implements and possessions. Even the government of a nation is this way—trying to sweep absolutely everything clean won't work, and isn't done.

"May" is an expression of indefiniteness; if completeness is possible, you complete; if not, you leave it incomplete. This is Lao-tzu's way.

"Seems," like the preceding "may" and the following "seems," is Lao-tzu's way. It is not something with form and appearances, like myriad things and myriad beings, so it "seems." The sense is that it seems like the source or origin of all things and all beings. While it is the source of all things, to say it *is* the source would mean it has form and appearance; so he says it "seems."

"It blunts the edges, dissolves the complications" means that being empty and not complete, seeming to be the source, it is detached from things.

"Dụng thì bất tận" nghĩa là không tận dụng hết được, không sử dụng trăm phần trăm. Đặc tính này không chỉ đề cập đến việc đang quan tâm ở đây; mà đối với mỗi mỗi sự vật cũng vậy; thậm chí như vật dụng và tài sản. Ngay cả chính phủ một quốc gia theo chính sách này—cố gắng trong sạch hóa mọi việc một cách tuyệt đối sẽ không thực hiện được và không thành tựu.

"Cơ hồ" là không xác định; nếu dùng hết được thì hãy tận dụng; nếu không, hãy để bất tận. Đây là đường lối của Lão Tử.

"Tựa như," trước là "cơ hồ" và sau là "tựa như" là phương pháp của Lão Tử. Không phải một điều gì có hình tướng, như là vạn vật và mọi chúng sinh, vì thế là "tựa như." Có nghĩa tựa như tổ tông của vạn vật và mọi chúng sinh. Trong khi Đạo là tổ tông của vạn vật, nếu nói Đạo là tổ tông có nghĩa Đạo có hình tướng; do đó, Lão Tử nói Đạo "tựa như."

"Đạo làm cùn lụt tinh nhuệ, tháo gỡ rối loạn," tức Đạo là hư không và bất tận, tựa như là tổ tông nên tách ra khỏi vạn vật.

To "blunt" means to grind down; the edges refer to the sharpness of the mind's spearheads. "Dissolving" means removing; "complications" refers to having a lot of things on your mind.

Blunting edges and dissolving complications alone is not enough. You also harmonize your light and assimilate to the world. The "light" means ostentation of intellectual brilliance. The "world" means ordinary society. "Assimilate" may also be read as "integrate."

"Full" means like a brimming pool. "Seems as if it is there" means the Way seems to be there. It says "seems" because to say simply that it exists, as an affirmation, would be wrong; so it says "seems." Even "seems" is wrong because it suggests a trace of form, so it makes the point that it's better to say "seems as if"—"it seems as if it is there." To read "it may appear to be there" is the same idea.

"I don't know whose offspring this is, like before the emperors." "Whose offspring" is a person like this, like someone before the Five Emperors¹²?

¹² The Five Emperors of antiquity represent the development of civilization and culture. In this sense, "before the emperors" refers to the idea of recovering pristine human nature prior to artificial social or cultural constructs, or, in Zen terms, perceiving inherent Buddha-nature.

"Làm cùn lụt" có nghĩa nghiền nát; tinh nhuệ là tính sắc bén của mũi nhọn tâm trí. "Tháo gỡ" có nghĩa loại bỏ; "rối loạn" là tâm đa sự.

Làm cùn lụt tinh nhuệ và tháo gỡ rối loạn sẽ không đủ. Phải hoà quang, đồng trần. "Quang" là hiển bày sức sáng của trí tuệ. "Trần" là xã hội đời thường. "Hòa" có thể hiểu là "hòa nhập."

"Trần đầy" giống như một hồ bơi đầy tràn. "Dường như là tồn tại ngay đó" nghĩa là Đạo đang hiện hữu. Nói "dường như" vì đơn giản là đang hiện hữu, nếu khẳng định, sẽ sai lầm; nên nói "dường như." Ngay cả "dường như" cũng sai lầm bởi vì gợi ý dấu vết của hình tướng, vì vậy tốt hơn nên nói "dường như là—"dường như là tồn tại ngay đó." Hiểu là "có thể xuất hiện ngay đó" cũng được.

"Ta không biết con cháu của ai; có lẽ có trước hoàng đế." "Con cháu của ai" là một người như thế, giống ai đó trước thời kỳ Ngũ Hoàng đế¹³?

¹³ Ngũ hoàng đế thời cổ đại diện cho sự phát triển của nền văn minh và văn hóa. Theo nghĩa này, "trước khi hoàng đế" đề cập đến ý tưởng phục hồi bản tánh nguyên sơ của con người trước khi cấu trúc xã hội và văn hóa nhân tạo, hay nói theo Thiên, nhận thức Phật tánh bản hữu.

Anyway, this chapter has only one meaning from the beginning. To read "the emperors" as the Five Emperors is my own idea.

Blunting edges, dissolving complications, harmonizing light, and assimilating to the world are clarified in detail in the fifty-sixth chapter.

[5]

SKY AND EARTH ARE NOT BENEVOLENT

天地不仁，以萬物爲芻狗；聖人不仁，以百姓爲芻狗。

天地之間，其猶橐籥 131[4] 乎！虛而不屈，動而愈出。多言數窮，不如守中。

Sky and earth are not benevolent; they treat myriad beings as straw dogs.

Rulers are not benevolent; they treat peasants as straw dogs.

Between sky and earth is like a bellows, empty yet inexhaustible, producing more and more with movement.

If you say a lot, you'll repeatedly be stumped; that's not as good as staying within.

Dù sao, chương này chỉ có ý nghĩa ngay từ đầu. Theo ý của riêng tôi "hoàng đế" là Ngũ Đế.

Làm cùn lụt tinh nhuệ, tháo gỡ rối loạn, hoà quang đồng trần sẽ nói rõ chi tiết trong chương 56.

[5]

TRỜI ĐẤT BẤT NHÂN

* Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cầu; thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cầu. Thiên địa chi gian, kì do thác thực hồ! Hư nhi bất khuất, động nhi dữ xuất. Đa ngôn sô cùng, bất như thủ trung.

* Trời đất bất nhân, coi vạn vật như chó rơm;

thánh nhân bất nhân, coi trăm họ như chó rơm.

Khoảng giữa trời đất như ống bễ, hư không mà bất tận, càng động, hơi càng ra.

Càng nói nhiều lại càng không nói hết, chi bằng giữ yên nội tâm.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Not benevolent" means that since it is not anything whatsoever, application of the Way has no contrivance and no concern, but once you've said "benevolent," benevolence can be expressed in words, so from the perspective of the Way it's a level lower. So sky and earth are only the Way, not something benevolent. Therefore it is said that "Sky and earth are not benevolent."

"Straw dogs" are said in commentaries to be used for sacrifices, but in my ignorant opinion it doesn't matter whether or not they are used for sacrifices. It's enough to say they are dogs made of straw. If they were live dogs, there would be a feeling of affection, but because they're made of straw there's no affection, no feeling toward them. This means being mindless and imageless. Thus rulers too, like that, are mindless and imageless toward the people. Therefore they govern without contrivance and without concern. It is due to half-baked pretenses of benevolence butting in and doing all sorts of things that there is unrest. So it is said that "Rulers are not benevolent."

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Bất nhân" nghĩa là vì không phải một vật, nên hoạt dụng của Đạo thì vô vi vô sự, nhưng một khi đã nói "nhân," lòng nhân vì có thể diễn tả bằng lời, nên quan điểm của Đạo cho rằng như thế là mức độ thấp. Vì thế trời đất chỉ là Đạo, không phải điều gì là nhân từ. Do đó nói "Trời đất bất nhân."

"Chó rơm" trong phần bình luận có nghĩa sử dụng làm vật hy sinh, nhưng theo ý kiến ngu muội của tôi không quan trọng dù có sử dụng để hy sinh hay không. Chỉ cần nói là những con chó làm bằng rơm. Nếu là chó sống, sẽ có một cảm giác về tình thương, nhưng vì chó bằng rơm không có tình thương không có cảm giác đối với chúng. Điều này có nghĩa vô tâm và vô tướng. Thánh nhân cũng vậy, giống như thế, vô tâm và vô tướng đối với dân. Vì vậy thánh nhân cai trị vô vi và vô sự. Do lòng nhân kiêu nửa vùi xen vào và xử sự mọi việc nên có lo âu. Vì vậy, nói "Thánh nhân (nhà cai trị) bất nhân."

To substantiate the statement that "Sky and earth are not benevolent," it says that within sky and earth is nothing at all, "like a bellows." Inside a bellows is nothing; it is empty. Because there is nothing, no matter how much comes out, it is never emptied out. If there were something inside, it would eventually be emptied out, no matter how long it took. So it is saying that sky and earth produce life by being like a bellows, not by benevolence.

"Producing more and more with movement" means the more the movement, the more the production.

"If you say a lot, you'll repeatedly be stumped." When you say this and that, the more you talk, the more your reasoning runs out. Since the Way is not susceptible to verbal expression, if you say a lot you repeatedly get stuck. "That's not as good as staying within" means not speaking. In other words, it's preferable to stay within and not speak.

This is emptiness. It is what the Buddha called "not saying a word."

Để chứng minh câu "Trời đất bất nhân," nên nói khoảng giữa trời đất là không, "như ống bễ." Bên trong ống bễ là không; trống rỗng. Vì là không nên dù mát mát bao nhiêu đi nữa, không bao giờ cái không mát. Nếu có vật bên trong, sẽ có lúc mát, dù lâu hay mau. Vì vậy, nói rằng trời đất sinh tạo sự sống giống như ống bễ, không phải vì nhân từ.

"Càng động, hơi càng ra" là chuyển động càng nhiều, tạo ra sự sống càng đông đảo.

"Càng nói nhiều lại càng không nói hết." Khi nói này nói nọ, càng nói nhiều, càng nhiều lý luận. Vì Đạo là không bị lời nói ảnh hưởng, nếu nói huyền thuyên sẽ gặp nhiều khó khăn. "Chi bằng giữ yên nội tâm" nghĩa là không nói. Nói cách khác, hay nhất là không phóng ra ngoài và không nói.

Đây là tánh không, là điều Đức Phật gọi là "không nói một lời."

Buddha said, "In forty-nine years of teaching, I have not said a single word.¹⁴"

[6]

NURTURE THE SPIRIT, AND IT WON'T DIE

谷神不死，是謂玄牝，玄牝之門，是謂天地根。
綿綿若存，用之不勤。

Nurture the spirit, and it won't die; this is called the mystic female.

The house of the mystic female is called the root of heaven and earth.

Continuous, as if there,
using it is effortless.

TAKUAN'S COMMENTARY

In ancient times, the Chinese character for "valley" was used interchangeably with one meaning "food" and "nourish," so commentaries since olden times all read "nourish," it seems. Mr. Hayashi reads it as "valley spirit," saying it is the soul of emptiness.

¹⁴ This is not meant literally, but refers to the conception that Buddha taught people as he found them and did not declare a fixed dogma.

Phật nói, "Trong bốn mươi chín năm giảng dạy, Ta không nói một lời.¹⁵"

[6]

THẦN HANG BẤT TỬ

* Cốc thần bất tử, thị vị huyền tần, huyền tần chi môn, thị vị thiên địa căn.

Miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần.

* Thần hang bất tử, gọi là Huyền Tần (Mẹ nhiệm màu); cửa Huyền Tần là gốc của trời đất.

Miên viễn như còn hoài,

Dùng mà không phải tinh cần.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Thời xưa, chữ Nho "cốc (hang)" dùng hoán chuyển cho nghĩa "thực phẩm" và "nuôi dưỡng," vì vậy tất cả bình luận từ thời xưa thường là "nuôi dưỡng." Ông Hayashi đọc là "thần hang," ý nói linh hồn của tánh không.

¹⁵ Đây không phải nghĩa đen, nhưng đề cập đến quan niệm rằng Đức Phật chỉ dạy người nào có duyên gặp gỡ và không tuyên thuyết giáo điều cố định.

Even so, when you read it that way as "valley" and rationalize that it means the soul of emptiness because a valley is hollow, you can say what you will, but that won't be the original meaning. The so-called valley spirit is particularly unsatisfying. The obvious reading of "nurture" will do just fine.

The sense of this section is not just using purity without contrivance to govern oneself and to govern the state or the world; but also to use purity without contrivance to nurture the spirit. When you nurture it, it doesn't die; this means prolonging life is possible.

"Not dying" means like the saying we still use popularly today, "Do such and such, and you won't die."¹⁶ So it's a mistake to see it like the immortalists do, to mean living as long as sky and earth, never dying. That's not what it means. "Nurture the spirit, and it won't die" means that when you use purity without contrivance to nurture your spirit, this also has the effect of lengthening life.

¹⁶ That is to say, it is not meant literally but hyperbolically, used as a form of recommendation.

Dù vậy, khi đọc là "hang" và suy luận ra ý nghĩa linh hồn của tánh không vì hang thì rỗng, bạn có thể nói theo ý mình, nhưng sẽ không đúng ý nghĩa ban đầu. Gọi thần hang thật ra không đạt. Đọc là "nuôi dưỡng" hay hơn.

Ý nghĩa đoạn này không chỉ sử dụng sự thanh tịnh vô vi để tu thân và trị nước bình thiên hạ; mà còn sử dụng sự thanh tịnh vô vi để nuôi dưỡng tinh thần. Khi được nuôi dưỡng tinh thần sẽ không chết; nghĩa là tuổi thọ sẽ dài lâu.

"Bất tử" nghĩa giống như câu chúng ta vẫn thường dùng ngày nay, "Hãy làm như vậy và như vậy, và bạn sẽ bất tử."¹⁷ Vì vậy, sẽ sai lầm khi hiểu là người bất tử, là sống thọ bằng trời đất, không bao giờ chết. Không phải nghĩa như thế. "Thần hang bất tử" nghĩa là khi sử dụng sự thanh tịnh vô vi để nuôi dưỡng tinh thần thì hiệu quả là kéo dài tuổi thọ.

¹⁷ Ý nói không phải nghĩa đen mà là ngoa dụ, dùng như hình thức khuyến khích.

"Mystic" implies profound calm, and also inconceivable subtlety. "Female" refers to the path of keeping profoundly calm and flexible; this is the way to nurture the spirit. This means that the way to nourish the spirit so that it doesn't die is called "the mystic female."

"The house of the mystic female" means the location. When books speak of the houses of the creative and the receptive, or the houses of the seasons, this refers to their associations. The location of the mystic female is where even sky and earth begin. This is "the root," it says. The sense is that all movement returns to stillness, existence ultimately returns to nothingness. Returning to stillness and nonbeing is the beginning of sky and earth because they are originally empty and silent.

Now then, when it comes to things that last long, nothing endures as long as sky and earth. That is because they are empty and calm, not acting contentiously or adamantly.

"Huyền" ngụ ý an tĩnh thâm sâu, và cũng vì diệu không thể nghĩ bàn. "Huyền Tẫn (Mẹ nhiệm màu)" là con đường giữ an tĩnh thâm sâu và nhu nhuyễn; là đường đạo nuôi dưỡng tinh thần. Đường đạo nuôi dưỡng tinh thần để không chết gọi là "Huyền Tẫn (Mẹ nhiệm màu)."

"Cửa Huyền Tẫn" nghĩa là vị trí. Khi sách nói về cửa sáng tạo và cửa tiếp nhận, hoặc cửa thời tiết, đều đề cập liên quan đến sự liên kết. Vị trí của Huyền Tẫn là chỗ trời và đất bắt đầu. Đây là "gốc." Nghĩa là tất cả chuyển động đều trở về tịch lặng, cuối cùng có trở về tánh không. Trở về tịch lặng và tánh không là khởi đầu của trời đất, vì trời đất xưa nay là không và tịch.

Bây giờ thì, đối với những sự vật bền lâu, không có gì trường tồn bằng trời đất. Do vì trời đất là không và tịch, không phải hành động gây hấn hoặc cứng cõi.

So it means keeping profoundly calm and flexible, as active contention and adamant exertion are bad for the health.

"Continuous" means continuing consistently, without interruption. "As if there" means that while the spirit is certainly present, because it prefers not to be adamant and forceful in its behavior, and so is profoundly calm and flexible, it seems as if the spirit were barely there. That is to say, it seems as if you could scarcely tell whether it is there or not. This is how to nurture the spirit.

"Using it" means once it is employed; "effortless" means there is no forced effort. It's a matter of not straining to compete with people or strive forcefully. In any case, to take care of the vital spirit and use it sparingly so as not to let it outside—this is Lao-tzu's meaning.

So however you understand this section, it must include extension of life. For example, when people say things were such and such rather than so-and-so, you just say "I see" and let it go at that. This is Lao-tzu's method.

Vì vậy, có nghĩa giữ tịch tĩnh thâm sâu và nhu nhuyễn, vì gây hấn tích cực và nỗ lực cứng cõi sẽ không tốt cho sức khỏe.

"Miên viễn" là liên tục kiên định, không hề gián đoạn. "Như còn hoài" là trong khi tinh thần chắc chắn hiện diện, do vì trong cách cư xử không cứng cõi và mạnh bạo, nên tinh thần sẽ tịch tĩnh thâm sâu và nhu nhuyễn, có vẻ như chỉ có phương diện tinh thần thôi. Ý là khó nói chắc chắn là như thế hay không. Đây là cách nuôi dưỡng tinh thần.

"Dùng" có nghĩa một khi được sử dụng thì "không phải tinh cần" là không nỗ lực ép buộc, tức là không căng thẳng để tranh đua với thiên hạ hay phấn đấu mạnh bạo. Trong mọi trường hợp, bảo trọng sinh mệnh tinh thần và sử dụng vừa chừng, như vậy sẽ không thất thoát—đây là ý nghĩa của Lão Tử.

Do đó, đoạn này bao gồm ý nghĩa mở rộng vào đời sống. Ví dụ, khi người ta nói việc này là vậy là vậy không phải là thế là thế, bạn chỉ cần nói "tôi biết" và hãy cho qua. Đây là phương pháp của Lão Tử.

[7]

THE SKY is LASTING, THE EARTH is
ENDURING

天長地久。 天地所以能長且久者， 以其不自生，
故能長生。

是以聖人後其身而身先， 外其身而身存。
非以其無私耶？ 故能成其私。

The reason they can last and endure is
because they don't produce themselves; that is why
they can last, enduring.

Therefore leaders
put themselves last, so they themselves are
first;

They detach from themselves, so they
themselves survive.

Is it not because of having no self that they
can establish themselves?

TAKUAN'S COMMENTARY

"They don't produce themselves" means, in
short, to be mindless. Sky and earth are mindless
things, so they don't produce themselves or foster
themselves.

[7]

TRỜI ĐẤT TRƯỜNG CỬU

* Thiên trường địa cửu. Thiên địa sở dĩ năng
trường thả cửu giả, dĩ kì bất tự sinh, cố năng trường
sinh.

Thị dĩ thánh nhân hậu kì thân nhi thân tiên, ngoại
kì thân nhi thân tồn. Phi dĩ kì vô tư dã 132[5]? Cố
năng thành kì tư.

* Sở dĩ trời đất trường cửu là vì không sống
riêng cho mình, nên mới trường sinh được.

Vì vậy thánh nhân

đặt mình ở sau mà được ở trước,

đặt mình ra ngoài nên mới tồn tại.

Phải chăng vì không tư riêng, mà thành tựu
chính mình?

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Không sống riêng cho mình" có nghĩa ngắn gọn
là vô tâm. Trời đất đều là vật vô tâm, vì vậy không
sống riêng hoặc nuôi dưỡng chính mình.

"That is why they can last, enduring" is in some texts written "that is why they can live forever," but "enduring" is better because it should follow on "last and endure" above.

"Therefore leaders put themselves last . . ." Because sky and earth are thus, so are rulers. To "put themselves last" means that leaders set their personal concerns aside and don't think about them or get caught up in them, instead giving precedence to the concerns of the people. Because the people appreciate that, the leader becomes foremost.

To "detach" means to relinquish and not be concerned. "They themselves survive" means being personally established. This has the same meaning as the preceding line.

"Is it not because of having no self that they can establish themselves?" Isn't it because of having no selfishness, being compassionate above all? That is why, in the final analysis, the leader accomplishes his own purposes first.

"Nên mới trường cửu" trong một số văn bản ghi là "nên mới trường thọ", nhưng "trường cửu" hay hơn vì phải theo câu "trường cửu" ở trên.

"Vi vậy thánh nhân đặt mình ở sau ..." Bởi vì trời đất là như thị, thánh nhân cũng như thị. "Đặt mình ở sau" nghĩa là thánh nhân (nhà lãnh đạo) đặt mỗi bận tâm cá nhân qua một bên và không nghĩ đến hoặc không để bị lôi cuốn, ngược lại ưu tiên quan tâm đến thiên hạ. Bởi vì thiên hạ cảm kích được thì người lãnh đạo sẽ thành lỗi lạc.

"Đặt mình ra ngoài" nghĩa là buông bỏ và không quan tâm. "Nên mới tồn tại" là thành tựu chính mình. Ý nghĩa câu này tương tự câu trước.

"Phải chăng vì không tư riêng, mà thành tựu chính mình?" Có phải vì không ích kỷ và đặt lòng từ bi trên hết? Đó là lý do tại sao phân tích rất ráo thì người lãnh đạo lại thành tựu việc mình trước tiên.

HIGHER GOOD Is LIKE WATER

上善若水。水善利萬物而不爭，處眾人之所惡，故幾於道。居善地，心善淵，與善仁，言善信，正善治，事善能，動善時。夫唯不爭，故無尤。

higher good is like water
the good in water benefits myriad beings
and does not contend;
it abides where most people detest, so it is
near to the Way.

In a dwelling, goodness is the place.
In the mind, goodness is depth.
In giving, goodness is benevolence.
In speech, goodness is truthfulness.
In government, goodness is order.
In work, goodness is ability.
In action, goodness is timing.
But only by not contending is there no
blame.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Higher good" means the best goodness.

BẬC THƯỢNG THIỆN THÌ NHƯ NƯỚC

* Thượng thiện nhược thủy. Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng nhân chi sở ố, cố cơ ư đạo. Cư thiện địa, tâm thiện uyên, dĩ thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời. Phù duy bất tranh, cố vô vu.

* Điều thượng thiện thì như nước.

Điều thiện trong nước là lợi ích cho vạn vật mà không tranh, trụ chỗ mọi người đều ghét cho nên gần với đạo.

Cư ngụ thì điều thiện là địa thế;
Trong tâm điều thiện là sự uyên thâm,
Cư xử thì điều thiện là dùng lòng nhân,
Nói năng thì điều thiện là giữ thành tín,
Chấp chính thì điều thiện là sửa trị,
Làm việc thì điều thiện là tài năng,
Hành động thì điều thiện là thời cơ.
Chỉ vì không tranh, nên không bị oán trách.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Điều thượng thiện" là điều thiện tốt nhất.

"The good in water benefits myriad beings" means that nothing will grow without water. That being so, whereas one's main intention may be to prevail, water does no such thing, not contending for supremacy at all. So the text says that it "does not contend." Moreover, it conforms to square or round, and becomes as people do with it, east, west, north, south, not contesting. What is "detested" is low, unclean places.

"In a dwelling, goodness is the place" on down refers to people of higher goodness. "Goodness is the place" means that when people of higher good are placed in noble positions, they are at ease in their nobility. It means that the rich and the noble and the poor and the humble are all at ease in their places. In any case, it's a matter of being able to be at peace wherever you may be.

"Goodness is depth" means being profoundly calm and receptive without prejudice. "In giving, goodness is benevolence" means giving generously whether or not you like someone.

"Điều thiện trong nước là lợi ích cho vạn vật mà không tranh," nghĩa là không vật gì lớn mạnh mà không có nước. Như thế, trong khi ý định của người có thể thắng thế, nước không như thế, không tranh giành quyền tối cao. Vì vậy, trong văn bản là "không tranh." Hơn nữa, nước ứng hợp với hình vuông hoặc tròn, và thành vật gì tùy con người tác động đến, phía đông, tây, bắc, nam, không quan trọng. Chỗ nào "mọi người ghét" thì thấp, ô uế.

"Cư ngụ thì điều thiện là địa thế" càng xuống thấp thì thiện đức càng cao. "Điều thiện là địa thế" có nghĩa khi người cao sang đặt ở địa vị cao sang sẽ bình thản ở địa vị cao sang. Nghĩa là người giàu và người nghèo và người khiêm nhường đều bình thản ở địa vị của mình. Trong mọi trường hợp, vấn đề là có thể an lạc bất cứ ở địa vị nào.

"Điều thiện là sự yên tâm" nghĩa là tịch lặng tâm sâu và kham nhẫn không thành kiến. "Cư xử thì điều thiện là dùng lòng nhân" đồng nghĩa với việc bao dung dù ưa hay ghét.

"Goodness is truthfulness" means telling it like it is, without being clever.

"Goodness is order" means that as long as there is no artificial contrivance in the administration of government, the people will cause no disturbance.

"Goodness is ability" means that when you do things with no mind, there is no obstruction or blockage.

"Goodness is timing" means that advance and withdrawal, going out and staying in, are in accord with what is appropriate at the time. Whatever you do, when you can accord with what is appropriate, then you have no mind in either advance or withdrawal, being basically mindless. Cases of going ahead when it is wrong to do so just because of a desire in the mind to go ahead; or of withdrawing, or of going out or staying in, are all examples of this. Without that mind, you naturally accord with what's fitting.

Since "not contending" means being mindless and not contending with people, harmonizing with them instead, there should be no blame from others.

"Điều thiện là thành tín" có nghĩa nói chân thật, không quá khéo.

"Điều thiện là sửa trị" là bao lâu có vô vi trong sự điều hành của chính phủ, người dân sẽ không gây xáo trộn.

"Điều thiện là tài năng" có nghĩa làm mà vô tâm thì không bị ngăn ngại hoặc tắc nghẽn.

"Điều thiện là thời cơ" nghĩa là tiến tới và thoái lui, ra ngoài và ở trong, đều tương ứng với điều gì phù hợp lúc đó. Dù làm việc gì, khi bạn có thể tương ứng với những điều thích hợp, sẽ không chủ tâm dù tiến hay thoái, căn bản là vô tâm. Trường hợp tiến tới khi phạm sai lầm chỉ vì trong tâm mong muốn tiến tới; hoặc thoái lui, hoặc ra ngoài hoặc ở trong, đều là điển hình về việc này. Nếu không có tâm mong muốn như thế, tự nhiên sẽ tương ứng với điều phù hợp.

Vì "không tranh" nghĩa là vô tâm và không tranh với người, ngược lại hài hòa với họ sẽ không bị người khác oán trách.

[9]

TO HOLD AND FILL SOMETHING

持而盈之, 不如其已; 揣而銳之, 不可長保.

金玉滿堂, 莫之能守; 富貴而驕, 自遺其咎. 功成身退, 天之道.

To hold and fill something is not as good as stopping.

If you hone and sharpen something, it can't be kept forever.

If gold and jade fills the halls, no one can safeguard them.

If you are rich, with high status, and are arrogant, you leave your own indictment.

When your work is done and your reputation established, personal retirement is the Way of Nature.

TAKUAN'S COMMENTARY

"To hold" means to hold on, not letting go. To "fill" means to try to reach fulfillment. Be it riches and nobility, or be it official position, those who tenaciously keep trying to advance more and more will eventually stumble and fall.

"Stopping" means knowing when to stop.

[9]

GIỮ CHẬU ĐẦY HOÀI

* Trì nhi doanh chi, bất như kì dĩ; suỷ nhi nhuệ chi, bất khả trường bảo. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; phú quý nhi kiêu, tự di kì cữu. Công thành thân thoái, thiên chi đạo.

* Nắm giữ và chứa đầy, chẳng bằng thôi đi; trau dồi và mài giũa thì không bền lâu.

Vàng ngọc đầy nhà, làm sao giữ nổi;

Phú quý mà kiêu là tự rước họa.

Công thành danh toại nên tự thoái lui, đó là đạo trời.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Nắm giữ" là ôm giữ, không buông bỏ. "Chứa đầy" là cố gắng đạt đến thành tựu. Người nào muốn giàu sang, hoặc có địa vị, kiên trì tiếp tục cố gắng thăng tiến nhiều hơn nữa, cuối cùng sẽ vấp ngã.

"Thôi đi" nghĩa là biết dừng đúng lúc.

This applies not only to riches, nobility, and official position, but also to knowledge, virtue, art, and ability. If you keep trying to enlarge and expand these yourself, you will inevitably be subjected to the hatred of others. So riches, nobility, knowledge, virtue, art, and ability are each best forgotten.

"Honing" means something like polishing. To make an effort to grind and polish in order to be able to cut through anything is referred to as "sharpening." "It can't be kept forever" means that when something is honed and sharpened like that, eventually the edge will break, the point will readily snap. This means that people are in any case better off dull.

"Gold and jade" offers evidence to prove the foregoing two passages. "No one can safeguard them" means they cannot be kept forever; that is why there is trouble between the first generation and the second generation.

"You leave" means you forward your own problems. Those problems are not brought on by anyone else; you send them yourself.

"When your work is done and your reputation established . . ."

Điều này không chỉ áp dụng cho giàu sang phú quý, và đối với chức vụ quan trọng, mà còn đối với kiến thức, đạo đức, nghệ thuật, và tài năng. Nếu tiếp tục cố gắng bành trướng và bành trướng những tính năng trên, chắc chắn bạn sẽ phải chịu người khác căm ghét. Vì vậy, giàu sang phú quý, chức vụ quan trọng, kiến thức, đạo đức, nghệ thuật, và tài năng mỗi mỗi tốt nhất quên đi.

"Trau dồi" nghĩa giống như đánh bóng. Nỗ lực chà sát cho trơn láng để cắt đứt bất cứ vật gì gọi là "mài giũa." "Không bền lâu" nghĩa là khi một vật được gọt giũa và mài bén như thế, cuối cùng góc cạnh sẽ bể, điểm nhọn sẽ gãy. Nghĩa là trong mọi trường hợp tốt nhất chớ ngu dại.

"Vàng ngọc" là bằng chứng xác minh hai đoạn trên. "Làm sao giữ nổi" nghĩa là không thể giữ vàng ngọc mãi mãi; đó là lý do tại sao có rắc rối giữa thế hệ đầu và thế hệ sau.

"Tự rước" là bạn xúc tiến vấn đề của mình. Những vấn đề này không ai khác gây ra; bạn tự tạo cho mình.

"Công thành danh toại ..."

For example, in spring the generous production of myriad things is the work of spring. When that work is done, fulfilling the definition of spring, then spring gives way to summer. The same goes for the flourishing of summer, harvesting in autumn, and storing in winter. This is called the Way of Nature.

So while people may do well up to the point where their work is done and their reputation established, they're not good at retiring. In Japan, Yoshitsune was successful and famous, but he didn't know enough to retire, and ultimately got killed.¹⁸ Fan Li of Yue,¹⁹ and Zhang Liang of Han,²⁰ in contrast, knew that to withdraw oneself is the Way of Nature, so they were not harmed.

¹⁸ Minamoto Yoshitsune (1159-1189) was a younger brother of Minamoto Yoritomo, the first shogun of the Kamakura military government. Yoshitsune helped Yoritomo defeat the rival Taira clan for supremacy, then afterward joined forces with the emperor against Yoritomo. He was subsequently brought down and forced to commit suicide.

¹⁹ Fan Li was a grandee of the state of Yue, an adviser to the king. After the king annexed the neighboring state of Wu, Fan Li retired, changed his name, and became a medicine peddler. A biographical note on Fan Li appears in *Alchemists, Mediums, and Magicians*.

²⁰ Zhang Liang tried unsuccessfully to assassinate the First Emperor of China. While in hiding afterward, he studied with a wizard, and eventually became adviser to the imperial house of the newly established Han dynasty. After assisting in the stabilization of the Han regime, he retired to practice Taoism.

Ví dụ, mùa xuân vạn vật đâm chồi nảy lộc (xuân sang) là công việc của mùa xuân. Khi xong việc là thành tựu sự định nghĩa của mùa xuân, sau đó xuân nhường chỗ cho hạ về. Cũng vậy mùa hè đơm hoa kết trái (hạ trưởng), rồi thu hoạch vào mùa thu (thu thu), và mùa đông tàng trữ (đông tàng). Đây là Đạo Trời.

Vì vậy, khi mọi người thực hiện tốt đẹp đến mức công việc thành công và nổi danh, họ sẽ không muốn về hưu. Ở Nhật, Nghĩa Kinh²¹ đã thành công và nổi tiếng, nhưng ông không biết đủ để nghỉ hưu, và cuối cùng bị giết. Phạm Lãi nước Việt²², và Trương Lương²³ nhà Hán, ngược lại, biết rằng tự rút lui là Đạo Trời, vì vậy họ không bị hại.

²¹ Minamoto Yoshitsune (1159-1189) là anh trai của Minamoto Yoritomo, tướng quân đầu tiên của quân đội chính phủ Kamakura. Yoshitsune giúp Yoritomo đánh bại gia tộc Taira đối thủ dành quyền tối cao, rồi sau đó lực lượng tham gia với hoàng đế chống Yoritomo. Sau đó, ông bị hạ bệ và buộc phải tự tử.

²² Phạm Lãi là một nhà quý tộc của nước Việt, cố vấn cho nhà vua. Sau khi vua thôn tính các nước láng giềng của nước Ngô, Phạm Lãi đã về hưu, thay đổi tên của mình, và đi bán thuốc rong. Chi tiết tiểu sử trên Phạm Lãi xuất hiện trong *Alchemists, Mediums, and Magicians*.

²³ Trương Lương đã cố gắng không thành công để ám sát Hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc. Sau đó trong khi lẩn trốn, ông theo học với một thuật sĩ, và cuối cùng trở thành cố vấn cho hoàng gia của triều đại Hán mới thành lập. Sau khi hỗ trợ trong việc ổn định của chế độ Hán, ông nghỉ hưu để tu tập Đạo giáo.

[10]

BEARING BODY AND SOUL

載營魄抱一，能無離乎？專氣致柔，能嬰兒乎？
滌除玄覽 133 [6]，能無疵乎？愛國治民，
能無爲乎？明白四達，能無知乎？生之畜之，生而不有，
爲而不恃，長而不宰，是謂玄德。

Bearing body and soul, embracing unity, can
you keep them from parting?

Concentrating energy, making it supple, can
you be like a baby?

Cleaning mystic perception, can you make it
flawless?

Loving the people, governing the nation, can
you exclude artifice?

Clearly comprehending in all directions, can
you have no knowledge?

Producing this, nurturing this,
producing without possessing, creating
without being proud,

mastering without domineering—this is
called mysterious virtue.

[10]

CHO HỒN PHÁCH

* Tài doanh phách bảo nhất, năng vô ly hồ?
Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ? Địch trừ huyền
lãm, năng vô tì hồ? Ái quốc trị dân, năng vô vi hồ?
Minh bạch tứ đạt, năng vô tri hồ? Sinh nhi súc chi
134 [7], sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường nhi bất
tử, thị vị huyền đức.

* Cho hồn phách thuần nhất, bất ly được không?

Tụ khí, làm nhu nhuyễn như anh nhi, được
không?

Gột rửa nhận thức huyền diệu, không còn tì vết
được không?

Yêu nước trị dân bằng chính sách vô vi, được
không?

Minh bạch tất cả mà như vô tri được không?

Sinh đó, nuôi đó,

Sinh không chiếm hữu, làm không tự hào,

chỉ huy mà không làm chủ tể (độc tài)—như vậy
gọi là huyền đức.

TAKUAN'S COMMENTARY

Mr. Hayashi's idea is evident in the fact that he reads, "Work to carry the soul." The grammar cannot be construed that way, no matter what. All you have to do is read the original text as it is. This refers to bearing the circulation of oxygen and blood, and the heavenly and earthly souls. What that means is the reason people are troubled by desires for sound, form, scent, flavor, honor, and gain, is because they have ears and eyes, mouth and nose. Lao-tzu's idea is this—why be compelled by circulation of oxygen and blood, and the heavenly and earthly souls? They are but items loaded on this body; when you just embrace unity, you will not be compelled by the desires of eyes and ears, nose and tongue, mind and imagination.

"Embracing unity" refers to the Way of emptiness. "Can you keep them from parting?" refers to not losing unity. "Can you keep from" really means "Don't!" Putting it as an interrogative is Lao-tzu's usual way of not ramming things down people's throats. Both mean the same "Don't part," meaning "Don't lose unity."

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Ý của ông Hayashi hiển nhiên thực tế là "Cho hồn." Ngữ pháp không thể hiểu theo cách đó, dù kiểu gì. Tất cả việc phải làm là đọc hiểu văn bản gốc nguyên si. Câu này nói về việc chuyển tải oxy và máu, và hồn của trời đất. Lý do là con người rối loạn bởi tham dục đối với thanh, sắc, hương, vị, danh và lợi, vì họ có tai và mắt, miệng và mũi. Ý của Lão Tử là thế này—lý do tại sao bị sự lưu chuyển của oxy và máu ép buộc, và các linh hồn trên trời và đất? Đó là những yếu tố nạp vào cơ thể; khi thuần nhất (nhất như), bạn sẽ không bị tham dục của mắt và tai, mũi và lưỡi, tâm ý và niệm tưởng ép buộc.

"Thuần nhất" là Đạo của tánh không. "Bất ly được không?" nghĩa là không mất nhất tính. "Rời" thực sự nghĩa là "Chớ!" Đưa vào nghi vấn là cách thông thường của Lão Tử không dâm vào họng người. Cả hai "Không rời" và "Đừng để mất thuần nhất" đồng nghĩa.

"Concentrating energy" concentration means unified focus. It means making the mood calm. It means refining the state of mind.

To "make" means to bring about fully. "Supple" means adaptable. To "make supple as a baby" does not merely mean not seeing or hearing; it means there is nothing the matter at all. "Like a baby" means become like a baby.

To "clean" means to clean out thoughts of fame and gain. Now one whose thoughts of fame and gain are cleared out may be too pure, disliking this and liking that, affirming this and denying that, becoming narrow-minded. But being like that is not attainment of the Way. As it says in the first chapter, even with desire you see the subtle, so the point is to use consciousness cleared of thoughts of fame and gain to perceive mystically, without any bad flaws. "Mystic perception" is like subtle observation. "Can you make it flawless?" alludes to discriminatory judgments, likes and dislikes, as flaws.

"Loving the people, governing the nation, can you exclude artifice?" There is always a trade-off. Seeing to it that this doesn't happen is called "excluding artifice."

"Tụ khí," tụ là tập trung hiệp nhất, làm cho tâm thái tịch lặng, thanh lọc trạng thái tâm.

"Làm" nghĩa là mang lại đầy đủ. "Nhu nhuyễn" nghĩa là thích nghi. "Làm nhu nhuyễn như anh nhi" không phải chỉ là không thấy hoặc nghe; mà có nghĩa không có vấn đề. "Như anh nhi" là hạnh anh nhi.

"Gột rửa" là tẩy sạch niệm tướng danh và lợi. Bây giờ người nào có niệm tướng danh và lợi được tẩy sạch có thể quá tinh khiết, ghét điều này và ưa điều kia, khẳng định việc này và phủ nhận việc kia sẽ thành hẹp hòi. Nhưng như thế vẫn không đạt Đạo. Như đã nói trong chương đầu tiên, ngay cả với tham dục bạn vẫn có sự vi diệu, vì vậy chủ đích là sử dụng tâm thức xóa sạch niệm tướng danh và lợi để nhận thức một cách huyền diệu, không tì vết xấu xa. "Nhận thức huyền diệu" giống như sự quán chiếu vi diệu. "Không còn tì vết được không?" ám chỉ sự phán đoán phân biệt, ưa ghét, giống như tì vết.

"Yêu nước trị dân bằng chính sách vô vi, được không?" Thường thì hay có sự thỏa hiệp. Nhận định như thế mà không thỏa hiệp gọi là "vô vi."

"Clearly comprehending in all directions" means that though your intellect is clear and penetrates the four quarters, you should have no objects of knowledge.

"Producing this . . ." and so on means that being as such is mystic virtue. Producing and nurturing myriad beings, though producing there is no possessiveness; though creating all things, there is no pride in the achievement.

"Without being proud" means not being conceited. "Mastering without domineering" means even while mastering myriad beings and things, not to keep domineering or asserting control. This too is just a matter of being mindless. This means being in a situation without minding, forgetting. This refers to one who has actually entered the state of emptiness. "Mysterious virtue" means recondite virtue.

[11]

THIRTY SPOKES

三十輻，共一轂，當其無，有車之用。埏埴以爲器，當其無，有器之用。

"Minh bạch tất cả" nghĩa là mặc dù tri giác của bạn sáng tỏ và thông suốt bốn phương, phải không có đối tượng của hiểu biết.

"Sinh đó..." và vân vân nghĩa là được như vậy là huyền đức. Sinh ra và nuôi dưỡng vô số chúng sinh, sinh mà không chiếm hữu; mặc dù để vạn vật tự lớn lên, vẫn không tự hào về thành tích.

"Làm mà không tự hào" là không kiêu ngạo. "Chỉ huy mà không làm chủ tể (độc tài)" có nghĩa ngay cả chỉ huy vô số chúng sinh và mọi sự, không nắm quyền kiểm soát độc tài hay quyết đoán. Ở đây cũng chỉ là vấn đề vô tâm, nghĩa là trong tình huống mà không bận tâm, xả ly. Sự kiện này đề cập đến một người đã thực sự chứng nhập trạng thái Không. "Huyền đức" là đức độ cao tột, huyền diệu.

[11]

BA MƯƠI NAN HOA

* Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kì vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, đương kì vô, hữu khí chi dụng.

鑿戶牖以爲室，當其無，有室之用。故有之以爲利，無之以爲用。

Thirty spokes join at one hub; precisely where there is nothing is the function of the carriage.

Working clay to make vessels, precisely where there is nothing is the function of the vessels.

Opening doors and windows for a room, precisely where there is nothing is the function of the room.

Therefore the benefit of the existent is the use of nonexistence.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Spokes" are the wheel spokes of a carriage; they number thirty. They join at one hub. The wheel hubs hold the axle of the carriage. That is where thirty spokes converge, so it is said they join.

"Precisely where there is nothing" refers to the fact that there is a hole in the hub to admit the axle, enabling the carriage to roll. This is a metaphor for the usefulness in nothingness. In molding clay, "where there is nothing" refers to the space inside the teacup or teapot, into which something can be put.

Tạc hộ dũ dĩ vi thất, đương kì vô, hữu thất chi dụng. Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.

* Ba mươi nan hoa cùng qui vào một trục bánh xe, nhờ khoảng không mà xe mới dùng được.

Nhồi đất sét để làm chén bát, nhờ khoảng không mà chén bát mới dùng được.

Đục cửa nẻo làm phòng ốc, chính nhờ khoảng không mà phòng ốc mới dùng được.

Bởi vậy, lấy có để làm lợi, lấy không để làm dụng.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Nan hoa" là cãm xe của chiếc xe; có ba mươi nan hoa, tụ dính vào một trục của bánh xe. Các trục bánh xe giữ trục cỗ xe. Đó là nơi mà ba mươi nan hoa hội tụ, vì vậy bảo rằng chúng nối kết.

"Nhờ khoảng không" đề cập việc có lỗ trống trong trục bánh xe để nhận trục cỗ xe, làm xe chạy. Đây là ẩn dụ cho tính hoạt dụng của cái Không. Khi nặn đất sét, "nhờ khoảng không" ám chỉ không gian bên trong tách trà hoặc ấm trà, có thể đặt đồ vật vào.

"Opening doors and windows . . ." If a room is sealed on all sides, it cannot be used. Open a door, and people can go in and out; open windows, and light can come in.

"The existent" refers to implements or utensils; the "nothing" of "nonexistence" refers to where there is nothing. The idea is that the emptiness of nothingness produces the benefits. The sense of this chapter is that the Way too is thus. When virtuous people let go of their own virtue, then they can accept what people bring from outside. In terms of wisdom too, if you consider your own knowledge to be wisdom, then you cannot admit even good ideas from others. So if you consider your own wisdom nothing, then you'll be informed of all sorts of good things from outside. This is why Lao-tzu regards empty nothingness as the Way.

[12]

THE FIVE COLORS

五色令人目盲； 五音令人耳聾； 五味令人口爽；
馳騁畋獵令人心發 136 [9] 狂； 難得
之貨令人行妨。是以聖人爲腹不爲目，故去彼取此。

"Đục cửa nẻo . . ." Nếu bịt kín hết tứ phía căn phòng, sẽ không sử dụng được. Đục cửa thì mọi người vào ra; đục cửa sổ thì ánh sáng sẽ tràn vào.

"Có" là dụng cụ hoặc đồ dùng; "không" là "không có" ý nói chỗ không một vật. Có nghĩa tánh không rỗng rang tạo ra lợi ích. Ý nghĩa chương này là Đạo cũng như thế. Khi người đức hạnh không chấp dính vào đức hạnh của mình, rồi thì có thể chấp nhận sự kiện từ bên ngoài vào. Với trí tuệ cũng vậy, nếu định ninh kiến thức của mình là trí tuệ, bạn sẽ không thừa nhận ý kiến của người khác dù có hay đẹp. Vì vậy, nếu xem trí tuệ nơi mình là không, sẽ được đủ loại thông tin hay đẹp bên ngoài. Đây là lý do tại sao Lão Tử xem tánh không rỗng rang là Đạo.

[12]

NGŨ SẮC

* Ngũ sắc linh nhân mục manh; ngũ âm linh nhân nhĩ lung; ngũ vị linh nhân khẩu sảng; trì sính điền liệt linh nhân tâm phát cuồng; nan đắc chi hoá linh nhân hành phương. Thị dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mục, cố khứ bỉ thủ thử.

The five colors blind people's eyes,
The five notes deafen people's ears,
The five flavors change people's palates,
The chase and the hunt craze people's minds.
Hard-to-get goods make people's behavior
offensive.

This is why sages act for the gut and not for
the eyes, so they abandon that and adopt this.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Blind people's eyes" means that looking at all
sorts of colors dazzles the eyes. What follows is the
same idea. "Change" is derived from the basic
meaning "differ." When the "palate is changed"
means that people who always eat rich food get
jaded in their taste. "The chase and the hunt"
refers to hunting on horseback. "Going crazy" is
racing around. As for "hard-to-get goods," while
there is no harm in easily obtained goods,
oppression of the peasantry and all sorts of evils
come about because of seeking hard-to-get goods.
This is called offensive behavior.

As for "acting for the gut," the "gut" means the
inside. "Acting for the gut" means cultivating the
inside. In "not acting for the eyes," the "eyes" refer
to the outside, so this means not seeking things
outside.

* Ngũ sắc làm người mờ mắt;
ngũ âm làm người ù tai;
ngũ vị làm người tê lưỡi (thay đổi khẩu vị);
ruổi ngựa săn bắn làm lòng người phát cuồng;
Của cải khó được làm người có hành vi gây hại.
Cho nên thánh nhân cầu no bụng mà không cầu
vui mắt, bỏ cái này mà lựa cái kia.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Làm người mờ mắt" có nghĩa là nhìn vào đủ
loại màu sắc khiến mù quáng. Sau đây là những ý
tương đương tự. "Thay đổi" từ ý nghĩa cơ bản là "khác
nhau." "Tê lưỡi" nghĩa là những người luôn dùng thức
ăn sang trọng sẽ tê lưỡi vì chán ngấy mùi vị. "Ruổi
ngựa săn bắn" là việc săn bắn trên lưng ngựa. "Lòng
người phát cuồng" vì chạy đuổi loanh quanh. Về câu
"Của cải khó được," trong khi vô hại đối với đồ vật dễ
được, tìm cầu đồ vật quý hiếm sẽ tạo áp lực đối với
tầng lớp nông dân và sẽ gây ra biết bao tệ nạn. Điều
này gọi là hành vi gây hại.

Trong câu "cầu no bụng," "bụng" có nghĩa bên
trong. "Cầu no bụng" là tu tập nội tâm. Trong câu
"không cầu vui mắt," "mắt" chỉ cho bên ngoài, như
vậy có nghĩa không tìm cầu vật bên ngoài.

"That" refers to the property of kings above.
"Adopting this" refers to the Way of empty nothingness.

[13]

FAVOR and DISGRACE

寵辱若驚，貴大患若身。何謂寵辱若驚？寵爲上，辱爲下，得之若驚，失之若驚，是謂寵辱若驚。何謂貴大患若身？吾所以有大患者，爲吾有身，及吾無身，吾有何患？故貴以身爲天下，若可寄天下；愛以身爲天下，若可託天下。

1/ In favor and disgrace, you're upset. Valuing big trouble is your body. 2/ What are favor and disgrace? 3/ Disgrace is considered lowly. Getting them, you're upset; losing them, you're upset.

4/ What does it mean to say "Valuing big trouble is your body?" 5/ The reason we have big trouble is because we have bodies; had we no bodies, what trouble would there be? 6/ Therefore if you respect using your body for the benefit of the world, 7/ then you can be trusted with the world.

8/ If you carefully use your body for the benefit of the world, 9/ then you can entrust it with the world.

"Cái này" đề cập đến tài sản của vua chúa đã nói ở trên. "Lựa cái kia" chỉ cho Đạo hư vô rỗng rang.

[13]

VINH và NHỤC

* Sùng nhục nhược kinh, quý đại hoạn nhược thân. Hà vị sùng nhục nhược kinh? Sùng vi thượng, nhục vi hạ, đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh, thị vị sùng nhục nhược kinh. Hà vị quý đại hoạn nhược thân? Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn? Cố quý dĩ thân vi thiên hạ nhược khả kí thiên hạ; ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.

1/ Vinh và nhục đều sinh ra rối loạn, sợ hoạn nạn vì có thân. 2/ Tại sao vinh và nhục sinh ra rối loạn? 3/ Vì vinh được tôn, nhục bị hèn; được thì lòng [mừng rỡ mà] rối loạn, mất thì lòng [rầu rĩ mà] rối loạn; cho nên bảo vinh nhục sinh ra rối loạn.

4/ “Sợ vạ lớn vì có thân?” nghĩa là gì?

5/ Lý do chúng ta sợ vạ lớn là vì có thân. Nếu không có thân [hoặc quên mình có thân] thì còn sợ gì tai vạ nữa. 6/ Cho nên người nào quý trọng thân vì thiên hạ, 7/ nên giao phó thiên hạ cho họ.

8/ Người nào biết thương thân vì thiên hạ, 9/ nên phó thác thiên hạ cho họ.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Favor and disgrace." The line below that says "What are favor and disgrace?" asks about the preceding "In favor and disgrace, you're upset." It is an abbreviation of "What does it mean to say that favor and disgrace startle you?" Here you'll miss the point if you don't see it that way. There are a lot of abbreviations throughout this book. This isn't the only one. Evidence of that is in the subsequent, "What does it mean to say 'Valuing big trouble is your body'?" which is also a rephrase of a preceding line. By this it can be seen that "Disgrace is considered lowly" is also an abbreviation. It means that favor is made out to be superiority, while disgrace is made out to be inferiority. Considering favor superior, people value it and delight in it; considering disgrace inferior, people hate it and despise it. So the fact that people are upset when they get them and when they lose them too is because everyone's attention is arrested by favor and disgrace.

"Valuing big trouble is your body" means that since you have big trouble because of the existence of this body, to insist on deliberately prizing the body is to value big trouble.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Vinh và nhục." Dòng dưới nói "Vinh và nhục là gì?" hỏi về câu trước "Vinh và nhục đều sinh ra rối loạn." Đó là viết tắt của "vinh và nhục sinh ra rối loạn nghĩa là gì?" Ở đây bạn sẽ bỏ qua điểm chánh nếu không nhận thấy như thế. Có rất nhiều ý viết tắt suốt cuốn sách. Đây không phải là trường hợp duy nhất. Bằng chứng tiếp theo là "Nghĩa là gì khi nói 'Sợ vạ lớn vì có thân?'" cũng là diễn đạt lại ý của dòng trước. Như thế, có thể thấy "nhục bị hèn" cũng là viết tắt. Nghĩa là vinh được tôn, trong khi nhục thì hèn. Cho vinh là tôn quý, mọi người trọng vọng và vui thích; cho nhục là hèn kém, mọi người ghét bỏ và chê khinh. Vì vậy, thực tế là người ta rối loạn khi sở đắc và cũng vậy khi mất mát do vì mọi người đều chăm chú không ngoài vinh và nhục.

"Sợ vạ lớn vì có thân" nghĩa là gặp rắc rối lớn lao vì có thân này, nhân mạnh sự cố tình trọng vọng thân khiến gặp tai vạ lớn.

"Because of having a body" means that to experience this body alone subjects you to compulsions of eye, ear, nose, tongue, body, and mind, and you toil in all sorts of ways. "What trouble would there be?"—that being so, realize that there is nothing so useless and malignant as this body. When you are able to actually understand this, you won't prize this body, and you won't seek anything else, either.

Even so, this does not mean to tell us to neglect the body—it tells us to develop detached perception and consciousness. This is only said to forestall seeking. It's like when Buddhists speak of this body as suffering.

"Therefore if you respect . . ." The sense of the word "respect" here differs from the sense of "value." Here it implies awe and deference. The sense of this line is that to govern the world with this body is something to be feared, foregone, disliked. It means refraining in awe from the repulsive task of governing the world. Such people have no thought of gaining fame and fortune by ruling the world. Therefore the world should be entrusted to such people, it says.

"Là vì có thân" nghĩa là chỉ biết sống có thân sẽ chịu sự ép buộc của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, và bạn sẽ làm việc cực nhọc đủ kiểu. "Còn sợ gì tai và nữa?"—như vậy sẽ nhận ra không có gì vô ích và tai hại như thân này. Khi thực sự hiểu như thế, sẽ không trọng vọng thân, cũng không tìm cầu điều gì khác.

Dù vậy, không có nghĩa bảo chúng ta thờ ơ đối với thân—câu này bảo là không dính mắc vào nhận thức và ý thức, chỉ là ngăn ngừa tìm cầu. Giống như đạo Phật bảo thân này là khổ.

"Cho nên người nào quý thân ..." Ý nghĩa chữ "quý" ở đây khác với chữ "sợ." Đây là hàm ý sợ hãi và tôn trọng. Câu này nghĩa là cai trị thiên hạ với thân này phải là điều đáng sợ, hãy buông đi, không ưa đảm. Ý nói phải biết sợ, kiềm chế đối với nhiệm vụ kinh khiếp là cai trị thiên hạ. Người như vậy cai trị thiên hạ không có ý tranh giành danh và lợi. Do đó nên phó thác thiên hạ cho họ.

That's because people who use government for fame and profit develop all sorts of conceits, but these faults don't come out in this other type of person.

"Carefully" means sparingly. It means using the body for the world sparingly, precisely because using the body to govern the world is a pathetic business. Because such people don't govern for their own livelihood, they can be trusted with the world.

QUESTION: In the beginning of this section it makes the body out to be something useless and malignant, but in the end it seems to say to take care of the body. What about that?

ANSWER: Though they seem to be two that way, the reality is one. Why? To want to rule the world is to want to pamper this body. When you don't prize this body, you don't want to rule the world.

[14]

WHEN YOU LOOK AT IT YOU DON'T SEE

視之不見名曰夷;聽之不聞名曰希;搏之不得名曰微。此三者不可致詰,故混而爲一。其上不皦,其下不昧,繩繩不可名,復歸於無物。是謂無狀之狀,無物之象,是謂惚恍。迎之不見其首,隨之不見其後。執古之道,以御今之有;能知古始,是謂道紀。

Là vì người lợi dụng chính phủ vì danh lợi sẽ càng thêm cao ngạo, nhưng đối với hạng người khác sẽ không mắc lỗi này.

"Biết thương (cẩn trọng)" nghĩa là tiết độ, là sử dụng thân tiết độ đối với thế gian, chính vì dùng thân để cai thiên hạ việc thảm bại. Bởi vì người tiết độ sẽ không lãnh đạo vì mưu sinh cho mình, có thể giao phó thiên hạ được.

HỎI: Trong phần đầu đoạn này thân như là vô ích và tai hại, nhưng phần cuối thì dường như nói bảo trọng thân. Vậy là sao?

ĐÁP: Mặc dù dường như có hai phương diện, thực tế là một. Tại sao? Muốn cai trị thiên hạ là phải nuông chiều thân này. Khi không trọng vọng thân, sẽ không muốn cai trị thiên hạ.

[14]

NHÌN MÀ KHÔNG THẤY

* Thị chi bất kiến danh viết di; thính chi bất văn danh viết hi; bác chi bất đắc danh viết vi. Thủ tam giả bất khả trí cật, cố hồn nhi vi nhất. Kì thượng bất kiêu, kì hạ bất muội, thăng thăng bất khả danh, phục qui ư vô vật. Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng, thị vị hốt hoảng. Nghinh chi bất kiến kì thủ, tuy chi bất kiến kì hậu. Cháp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu; năng tri cổ thủy, thị vị đạo kì.

When you look at it, you don't see; this is called unvaried.

When you listen to it, you don't hear; this is called rarefied.

When you grasp it, you don't get it; this is called subtle.

These three cannot be pinned down, so they merge into one.

Above it is not clear, below it is not obscure.

Too multifarious to be named,
it reverts back to nothing.

This is called a description of the indescribable,
an image of the imageless.

This is called indistinct:

facing it, you don't see its beginning; following
it, you don't see its end.

Hold to the ancient Way to manage present
existence, and you can know the ancient beginning.

This is called the order of the Way.

TAKUAN'S COMMENTARY

"When you look at it, you don't see" means there
is no trace of form indicating what kind of thing it is.

* Nhìn mà không thấy gọi là di (bất biến),
lắng nghe mà không nghe gọi là hi hữu,
nắm mà không giữ được gọi là vi.

Ba việc ấy không thể phân định, vì thế hỗn hợp
thành một.

Ở trên không sáng, ở dưới không tối,
Dài dằng dặc nên không thể đặt tên.
Rồi lại trở về chỗ không một vật.

Cho nên gọi là hình trạng của vô trạng, tướng của
không một vật. Cái hình trạng của cái không có vật.

Gọi là mơ hồ (hốt hoảng).

Giáp mặt thì không thấy đầu,
theo sau thì không thấy đuôi.

Giữ đạo xưa, để ngự trị cái có hiện nay.

Biết được chỗ thủy
tức là nắm được kỷ cương của Đạo.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Nhìn mà không thấy" nghĩa là không có dấu vết
của hình tướng chỉ ra là vật gì.

"Unvaried" means unchanging; while things that change can be described, there is no way to see what is unvaried.

"Unvaried" can also be read "flat," meaning the same thing. For instance, you can see examples of height in mountains and fluidity in rivers, but you can't see empty flatness.

"When you listen to it . . ." Because it has no voice, there's no way to hear it. To be "rarefied" is to be uncommon. This means "the great sound is rarely voiced."

"You don't get it" means it cannot be taken in hand. "Subtle" means minute, and it means indistinct or vague.

The idea up to here is that the "Way" is something so invisible, inaudible, and ungraspable as to be unvaried, rarefied, and subtle. But these three are not threefold; this set of three is said to define the foregoing invisible, inaudible, ungraspable, rarefied, invariable, and subtle. As such, they cannot be ultimately defined. To "pin down" means to question, in the sense of finding out. "So they merge into one" means they therefore merge into one. This is the Way of nothingness.

"Di" là bất biến; trong khi vật thay đổi có thể mô tả được, nhưng không cách nào để thấy vật bất biến.

"Di" cũng có thể hiểu "bằng phẳng," nghĩa là đồng nhau. Ví dụ, có thể thấy chiều cao của núi non và tính lưu chuyển của dòng sông, nhưng không thể thấy cái bằng phẳng trống không.

"Lắng nghe mà..." Vì vô thanh, không cách nào nghe được. "Hi hữu" tức lạ thường hiếm thấy, nghĩa là "âm thanh tuyệt vời hiếm khi cất tiếng."

"Nắm mà không giữ được" là không thể nắm giữ trong tay. "Vi" là nhỏ nhiệm, và có nghĩa không rõ ràng hoặc mơ hồ.

Đến đây ý nghĩa "Đạo" là điều gì vô hình, vô thanh, không thể nắm giữ vì bất biến, hiếm hoi, và vi tế. Nhưng ba tính chất ấy không phải ba thành phần; bộ ba này xác định đặc tính vô hình, vô thanh, và không thể nắm giữ, hiếm hoi, bất biến, và vi tế. Như vậy, cả ba không thể xác định rõ ràng. "Phân định" có nghĩa truy cứu đến cùng tìm cho ra lẽ. "Vi thể hỗn hợp thành một" là hợp nhất. Đây là Đạo của hư vô.

Reference to the Way as "one" here and there in Lao-tzu's book means this.

"Above . . ." means that the Way of empty nothingness is, therefore, not something that can be known clearly by deliberately looking high and low, searching and seeking. Yet if you think it's obscure because it can't be clearly known, nevertheless it's not obscure either. It cannot be clearly known, yet cannot be deliberately concealed either. The point is that it is something you have to experience yourself and realize yourself.

"Multifarious" means manifold. "Too multifarious to be named" means that the countless phenomena and events in the world, the totality of all things and beings, is too multifarious to name one by one. Even though there are so many existents, that is to say, they all wind up nothing. To say they "revert" means that those indescribably multifarious things all originally emerged from nothing. Those things that came from nothing return to original nothingness in the end.

"This is called a description of the indescribable . . ." A description is a form or likeness.

Đạo là "nhất như" ở đây và chỗ khác trong sách của Lão Tử là nghĩa này.

"Ở trên . . ." tức Đạo là tánh không rỗng rang, do đó, không phải điều gì có thể biết rõ ràng bằng cách cố ý nhìn cao hay thấp, tìm kiếm. Tuy nhiên, nếu nghĩ rằng Đạo là tối nghĩa vì không thể biết rõ ràng, thật ra không phải bí hiểm. Đạo không thể biết rõ, nhưng không thể cố tình che dấu. Vấn đề là Đạo phải tự thể nghiệm và tự chứng ngộ.

"Dài dằng dặc" nghĩa là đa dạng. "Dài dằng dặc nên không thể đặt tên" là vô số hiện tượng và sự kiện trên thế gian, toàn bộ mọi sự vật và chúng sinh, quá đa dạng để đặt tên từng thứ một. Dù rất nhiều vật hiện hữu, ý nói tất cả rốt cuộc không một vật. Nói "trở về" là tất cả sự vật đa dạng bất khả tư nghì xưa nay sinh khởi từ không một vật. Những sự vật từ không một vật cuối cùng sẽ trở về cái không xưa nay.

"Cho nên gọi là hình trạng của vô trạng" Hình trạng là có hình tướng hoặc tương tự như vậy.

The sense of this line is that all things originally emerge from nothing and ultimately return to nothing, so they are descriptions of the indescribable, images of the imageless, something indistinct. "Indistinct" means vague, as if there, yet as if not.

"Facing" means looking at something head-on; "following" means looking from behind. "Facing it, you don't see its beginning; following it, you don't see its end" means the Way is ultimately beginningless and endless, beginning and end both invisible.

"Hold to the ancient Way . . ." The "ancient Way" doesn't mean the virtues of the past. Since all things are originally nothing, the "ancient Way" means original nothingness. You do not see beginning or end—this is the ancient Way.

To "manage" means to handle. Dealing with present existence realizing the ancient Way, knowing that all things in the human world are nothing at first, means that you are not confused by presently existing forms.

The "ancient beginning" is the aforementioned past origin. "Knowing the ancient beginning" means knowing nothingness, that is, the Way of empty nothingness. The "order of the Way" means the rule or the law of the Way.

Ý nghĩa câu này là tất cả sự vật xưa nay từ không và cuối cùng trở về không, cho nên gọi là hình trạng của vô trạng, tướng của không một vật, một điều gì mơ hồ. "Mơ hồ" là mập mờ, như có như không.

"Giáp mặt" là nhìn ngay mặt; "theo" là nhìn từ phía sau. "Giáp mặt thì không thấy đầu, theo sau thì không thấy đuôi." Có nghĩa Đạo rốt ráo thì vô thủy và vô chung, khởi và kết đều vô hình tướng.

"Giữ Đạo xưa..." "Đạo xưa" không phải đạo đức của quá khứ. Vì xưa nay không một vật, "Đạo xưa" là cái không xưa nay. Không thấy khởi đầu hoặc kết thúc—đó là Đạo xưa nay.

"Ngự trị" là giải quyết. Ứng phó với cuộc sống hiện tại và giác ngộ Đạo xưa, nhận biết mọi sự vật trong nhân giới khởi thủy là không, nghĩa là chúng ta sẽ không mê lầm vì sắc tướng đang hiện hữu.

"Cổ thủy" là nguồn gốc cổ xưa đã nói ở trên. "Biết được cổ thủy" là nhận biết cái không, là Đạo của cái không rỗng rang. "Kỷ cương của Đạo" là quy tắc hay quy luật của Đạo.

[15]

THOSE SKILLED AS SCHOLARS IN
ANCIENT TIMES

古之善爲道者,微妙玄通, 深不可識.夫唯不可識,
故強爲之容.豫兮,若冬涉川;猶兮,若畏四鄰;儼兮,其若客;渙
兮,若冰之將釋;敦兮,其若樸;曠兮,其若谷;
混兮;其若濁.孰能濁以靜之徐清?孰能安以動之徐生?保此
道者,不欲盈.夫唯不盈,故能蔽而新.

Those skilled as scholars in ancient times, with
subtle mystic comprehension,

were so deep that they could not be known.

Just because they could not be known, a
description is forced on them:

Hesitant, as if crossing a river in winter,
cautious, as if wary of all around;
composed, like a guest;
relaxed, like ice about to melt;
plain, like raw timber;
broad, like a valley;
opaque, like clouded water.

Who, when clouded, can gradually clear by
stilling it?

Who at rest can gradually come alive by
persisting in it?

[15]

NGƯỜI ĐẮC ĐẠO THỜI XƯA TỈNH TẾ

* Cổ chi thiện vi đạo giả, vi diệu huyền thông,
thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cưỡng vị
chi dung. Dự hề, nhược đông thiệp xuyên; do hề,
nhược úy tứ lân; nghiêm hề, kì nhược khách; hoán hề,
nhược băng chi tương thích; đôn hề, kì nhược phác;
khoáng hề, kì nhược cốc; hỗn hề, kì nhược trọc. Thục
năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh? Thục năng an dĩ động
chi từ sinh? Bảo thủ đạo giả, bất dục doanh. Phù duy
bất doanh, cố năng tế nhi tân [thành].

* Bậc toàn thiện thời xưa vi diệu huyền thông,
uyên thâm khó biết. Vì khó biết, nên miễn cưỡng
hình dung như sau:

Do dự như mùa đông lội qua sông,
thận trọng như sợ lảng giềng bốn bên,
nghiêm kính như khách lạ,
thanh thản như băng tan,
chất phác mộc mạc như gỗ thô,
khoáng đạt như hang núi,
hỗn độn như nước đục.

Ai nhờ tĩnh mà đục hóa trong?

Ai nhờ động mà an nghỉ thành sinh động?

Those who preserve the Way do not want fullness;

only by not filling is it possible to wear out and not make anew.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Those skilled as scholars in ancient times" means good people of old. The idea expressed here is that good people of old were just subtle mystics, not sharp operators; deep, not superficial; so they cannot be figured out, and therefore there is no way to describe them. "A description is forced on them" means that if one were forced to describe them, it would be as "hesitant" and so on. People who have been able to cultivate and attain the Way of "subtle mystic comprehension" that is so deep it cannot be known are actually indescribable.

"Hesitant" means holding back. Enthusiastic do-gooders are mundane people. The good people of old, even when going good, seemed unable to go ahead, and did not do so with adventurous enthusiasm.

"Crossing a river in winter" means crossing gradually, little by little. This is the sense of Chuang-tzu's saying, "When doing good, don't get near fame."

Người nào giữ được đạo thì không muốn chứa đầy. Vì không muốn chứa đầy nên bỏ cũ mà chẳng canh tân.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Bậc toàn thiện thời xưa" nghĩa là bậc cổ đức. Ý ở đây muốn nói bậc cổ đức chỉ vi diệu huyền thông không phải người điều khiển bén nhạy; uyên thâm không nông cạn; vì vậy khó biết, do đó không có cách nào để mô tả các ngài. "Nên miễn cưỡng hình dung" nghĩa là nếu buộc phải mô tả, sẽ "do dự" và vâng vâng. Người đã tu tập và đạt Đạo sẽ "vi diệu, huyền thông," vì uyên thâm khó biết nên khó mô tả.

"Do dự" là biết dừng lại. Người nhiệt tình làm việc hay tốt là phạm nhân. Bậc cổ đức, thậm chí khi việc làm tốt đẹp, dường như không muốn dẫn đầu, và không làm một cách nhiệt tình mạo hiểm.

"Mùa đông lội qua sông" nghĩa là vượt qua từ từ, từng bước một. Đây là ý nghĩa câu nói của Trang Tử: "Khi làm tốt, chớ tiến gần đến chỗ tiếng tăm."

This means not doing so much good that it will get you fame. Chuang-tzu doesn't mean not to do it for fame—that is the teaching of Confucius.

“Cautious” also means hesitant. This means not doing evil is like refraining because of fear of those around. This is the sense of Chuang-tzu's statement, “If you do wrong, don't get near punishment.” What Chuang-tzu means is that even if you do something wrong, don't do anything so bad that you get your head chopped off.

These two lines mean that even when seeing the bad, you don't despise and reject it too much; and even when seeing the good, you don't proceed too enthusiastically. The idea is that even seeing good, you don't go right ahead, and even seeing bad, you don't reject it.

“Composed” means dignified. Guesthood is a composed state of inner calm. It does not mean strict manners. It does not refer to the outward form, but to the inner mind. Ultimately it refers to the tranquility of people who have attained the Way.

“Melting” means something viscous or thick. “Plain” implies sincerity.

Tức là không nên làm quá nhiều điều tốt để nổi danh. Trang Tử không có ý nói không nên làm vì danh—đây là lời dạy của Không Tử.

"Thận trọng" là dè dặt, có nghĩa kiềm chế không làm điều ác vì sợ những người xung quanh. Đây là ý nghĩa câu của Trang Tử, "Nếu làm sai, chớ chớ tiến gần chỗ hình phạt." Ý Trang Tử nói ngay cả khi làm điều gì sai trái, chớ để quá đổi khiến mất đầu.

Hai câu này nghĩa là ngay cả khi thấy điều xấu, chớ xem thường và từ chối quá mức; và ngay cả khi thấy điều tốt, cũng chớ làm quá nhiệt tình. Ý nói là khi thấy tốt, chớ tiến tới, và ngay cả thấy xấu, cũng không chối bỏ.

"Nghiêm kính" là trang nghiêm. Khách lạ là trạng thái an tĩnh nội tại, không có nghĩa cư xử nghiêm khắc, không đề cập hình tướng bên ngoài mà là nội tâm. Rốt ráo đây là bình an của người đạt Đạo.

"Tan chảy" là một chất có độ nhớt hay độ dày. "Chất phác mộc mạc" ngụ ý chân thành.

"Raw timber" is wood that hasn't been planed, like a tree cut down and just left there. This means having no embellishments. "Broad" refers to breadth of mind. "Like a valley" means like the heart of a valley.

"Opaque" means undifferentiated, not distinguished.

"Who, when clouded, can . . ." means who is able, while seeming clouded, to be inwardly calm so as to clear gradually somehow. This refers to good people of ancient times cultivating and attaining the Way, people without artificiality, without issues.

"At rest" means tranquil, at peace. To "come alive" is like saying to go into action, to become active.

"Not wanting fullness" means not wanting to fill. It is as if there were not enough of anything. This is not uniformity, it is total diversity.

"Only by not filling" means just because of not wanting fullness. To "wear out" means like old clothing, not new clothes. This is all metaphorical. It is worn-out here and there, not something new and neat.

"Gỗ thô" là gỗ chưa bào phẳng, giống như khúc cây vừa mới chặt và để nguyên si, nghĩa là không tô điểm. "Khoáng đạt" là tâm rộng lớn. "Nhu hang núi" có nghĩa như giữa thung lũng.

"Hỗn độn" nghĩa là không sai biệt, không biến biệt.

"Ai nhờ tĩnh mà đục hóa trong" là người trong khi bị mờ đục, nội tâm có thể an tĩnh được để dần dần sáng trong. Đây là đề cập bậc cổ đức tu luyện và đạt Đạo, bậc vô vi, vô sự.

"An nghỉ" là bình yên. "Sinh động" là đi vào hành động, trở thành hoạt dụng.

"Không muốn chứa đầy" nghĩa là không muốn tích chứa, như thể lúc nào cũng không đủ. Đây không phải sự đồng nhất, mà sự đa dạng tổng thể.

"Vì không muốn chứa đầy" là chỉ vì không muốn phải đầy đủ. "Bỏ cũ" giống như bỏ y phục cũ, không sắm y phục mới. Tất cả đây là ẩn dụ. Đây đó đều cũ, không có đồ vật mới và thanh lịch.

REACHING EXTREME EMPTINESS

致虛極，守靜篤，萬物並作，吾以觀復。夫物芸芸，各復歸其根。歸根曰靜，是謂復命。復命曰常。知常曰明，不知常，妄作知常容，容乃公，公乃全(王)，全(王)乃天，天乃道，道乃久，沒身不殆。

Reaching extreme emptiness, maintaining calm steadily, as myriad beings all act, I thus watch their return.

Beings are multitudinous; each reverts to its origin.

Reverting to the origin is called calm; calm is called return from a mission.

Return from a mission is called normalcy;
knowing normalcy is called clarity.

If you don't know normalcy, you randomly make trouble.

If you know normalcy, you accept.

Acceptance is impartial;

impartiality is regal;

the regal is celestial, the celestial is the Way;

the Way is everlasting—you are not endangered to the end of your life.

HẾT SỨC GIỮ ĐƯỢC CỰC HƯ

* Trí hư cực, thủ tĩnh đốc, vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục qui kì căn. Qui căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh. Phục mệnh viết thường. Tri thường viết minh, bất tri thường vọng tác hung. Tri thường dung, dung nãi công, công nãi toàn (vương), toàn (vương) nãi thiên, thiên nãi đạo, đạo nãi cửu, một thân bất đãi.

* Đạt đến cực hư, giữ vững cực tĩnh, vì vạn vật tác hành, nên quan sát sự trở về.

Vạn vật trùng trùng đều trở về căn nguyên.

Trở về căn nguyên thì tĩnh. Tĩnh gọi là “phục mệnh.”

Phục mệnh gọi là thường.

Biết thường gọi là minh. Không biết thường thì vọng động gây hung họa.

Biết thường thì bao dung,

bao dung thì công bình,

công bình thì toàn vẹn (vương quyền),

toàn vẹn (vương quyền) thì phù hợp với trời,

phù hợp với trời thì phù hợp với đạo,

hợp với đạo thì vĩnh cửu—suốt đời không nguy.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Reaching extreme emptiness" means reaching empty nothingness as far as possible. When you reach the extreme of empty nothingness, you keep calm steadily. "Keeping calm" means maintaining tranquil silence, not conceiving a single thought. So people like this, even if myriad phenomena and myriad beings loom large as mountains before their eyes, watch for their return back to nothingness. Because they know all will eventually return to nothing, they don't keep anything on their minds, and don't seek anything. This is "as myriad beings all act, I thus watch their return." Their "return," like their "reversion," is like saying their end. "Reverting to the origin" means going back to their original nothingness.

"Calm is called return from a mission" refers to the aforementioned "watching their return." The "mission" is the life, or destiny, of the basic organism. All the commentators take it to mean returning to the noumenon of the fundamental substance, but this is an interpretation that started in the Sung dynasty.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Đạt đến cực hư" là chứng đạt tánh không rỗng rang tận cùng. Khi chứng đạt cực hư, sẽ giữ vững cực tĩnh. "Giữ vững cực tĩnh" là duy trì sự tĩnh lặng bình yên, không một niệm. Vì vậy, người như thế, cho dù khi vô số hiện tượng và vô số chúng sanh nhiều như núi trước mắt, đều thấy trở về tánh không. Bởi vì biết rằng cuối cùng tất cả sẽ trở về không một vật, trong tâm không một vật để giữ và không một vật để tìm. Đây là "vì vạn vật tác hành, nên quan sát sự trở về." "Trở về" giống như "đảo chiều," như nói lời cuối. "Trở về căn nguyên," nghĩa là trở về xưa nay không một vật.

"Tĩnh gọi là phục mệnh (trở về mệnh)" đề cập ý ở câu trên là "quan sát sự trở về." "Mệnh" là sinh mệnh, hay vận mệnh, của sinh vật căn bản. Tất cả lời bình đều quy về ý nghĩa trở về bản thể, nhưng đây là lời bình giải bắt đầu vào thời Tống.

If you consider this point carefully, since "return from a mission" means reporting back, so it is here too. "Reporting back" means returning from a mission as an emissary and reporting on the outcome. It's also used when someone other than an emissary comes to the ruler and reports an occurrence. So, since having entered into that tranquil calm is to have returned to the original state, this is "reporting back."

"Normalcy" means that reversion to tranquil calm is what the first chapter calls "the eternal Way." Since reversion to tranquil calm is becoming free from artificiality, this is the way of normalcy, the eternal Way.

"Knowing normalcy" means knowing the eternal Way. To "randomly make trouble" can also be read "acting at random is harmful." The sense is the same. When you don't know the normal way of tranquillity without artificiality, you randomly do things that are harmful.

To "accept" means to acknowledge everything. People who have become free of artifice know the world is something neutral, indifferent, something basically as is; so they don't like, dislike, or hate, but accept everything.

Nếu xem xét chỗ này cẩn thận, vì "trở về mệnh" là quay lại, thì ở đây cũng vậy. "Tuồng trình trở về" là trở về từ một sứ mệnh như một sứ giả và phúc trình kết quả. Sự kiện này cũng áp dụng khi có người không phải sứ giả đến gặp nhà lãnh đạo và báo cáo công việc. Do đó, vì nhập vào tĩnh lặng bình yên là trở về tâm thái xưa nay, đây là "Tuồng trình trở về."

"Thường" là trở về tĩnh lặng bình yên, chương đầu gọi là "Đạo thường hằng." Vì trở về tĩnh lặng bình yên là vô vi, đây là con đường của tâm bình thường, là Đạo thường hằng.

"Biết thường" là biết Đạo thường hằng. "Vọng động gây hung họa" cũng có thể hiểu là "Vọng động gây tai hại." Ý nghĩa như nhau. Khi không biết đạo bình thường là sự yên tĩnh vô sự, sẽ hành động bừa bãi do đó gây tai hại.

"Bao dung" là chấp nhận tất cả sự vật. Người đã vô vi thì biết thế gian là trung dung, vô tư, một điều gì cơ bản là như thị; vì vậy họ không ưa không ghét, nhưng kham nhẫn tất cả.

It is only because of not knowing this that you have likes and dislikes and cannot accept.

"Impartial" means no subjectivity or selfishness. The "regal" refers to being unselfish; this is called kingship or the regal way. This is none other than the celestial Way. So this Way never changes, and never ends, so it is called "everlasting."

"You are not endangered to the end of your life" implies that without this perceptive knowledge, everyone in the world is in danger!

[17]

IN HIGH ANTIQUITY

太上，不知有之；其次，親而譽之；其次，畏之；其次，侮之。

信不足焉，有不信焉。悠兮，其貴言。功成事遂，百姓皆謂：我自然。

In high antiquity, those below knew these existed.

Next, they liked them and praised them.

Next, they feared them

Next, they despised them.

Chỉ vì không biết như thế mà sanh ưa ghét và không thể bao dung.

"Công bình [vô tư]" là không chủ quan hay ngã chấp. "Toàn vẹn (vương quyền)" là không ngã chấp; gọi là vương quyền hoặc đạo vua. Đây không gì khác hơn là Đạo trời. Vì vậy, Đạo không bao giờ thay đổi, và không bao giờ kết thúc, nên gọi là "vĩnh cửu."

"Suốt đời không nguy" ngụ ý nếu không nhận thức sáng suốt như thế, tất cả mọi người trên thế gian đang lâm nguy!

[17]

THỜI THÁI SƠ

* Thái thượng, bất tri hữu chi; kì thứ, thân nhi dụ chi; kì thứ, úy chi; kì thứ, vũ chi.

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên. Du hề, kì quý ngôn. Công thành sự toại, bách tính giai vị: ngã tự nhiên.

* Thời thái sơ dân không biết là có vua,

Kế dân quý và khen;

Kế dân sợ;

Kế dân khinh lờn.

So when their reliability was inadequate, there was distrust in them.

Yet they still valued talk.

When work is done and things are accomplished, the people all think they did it of their own accord.

TAKUAN'S COMMENTARY

"High antiquity" means ancient times. "Those below knew these existed" means those below were only aware of the fact that there were rulers over them, and had no thought of liking them or lauding them; so of course they had no thought of reviling them or fearing them either. Why? Because they governed without contrivance, and didn't make anything of it, so those below were mindless of them.

One version says "didn't know these existed," but the ultimate meaning is the same. "These existed" means rulers existed.

"They liked them and praised them" means that later on, freedom from artifice waned, and rulers governed in an innocent manner called "benevolence," so people liked them and praised them.

Dân không tín nhiệm nên không tin.

[Tuy nhiên] vua vẫn quý lời nói,

Làm xong việc cho dân,

Mà dân cứ tưởng tự nhiên mình làm.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Thời thái sơ" là thời xa xưa. "Dân không biết là có vua" nghĩa là những người thấp chỉ biết thực tế là có người cai trị trên mình, và không nghĩ là thích hay khen họ; nên dĩ nhiên không nghĩ là chê hoặc sợ họ. Tại sao? Bởi vì người cai trị vô vi, và vô sự, vì vậy dân chúng sẽ vô tâm đối với họ.

Nguyên văn là "không biết là có vua," nhưng nghĩa rất ráo tương tự. "Có vua" là có người cai trị.

"Dân quý và khen" nghĩa là sau này, thái độ vô vi giảm bớt, và người cầm quyền cai trị một cách vô tư gọi là "nhân từ", vì vậy dân quý và khen.

"They feared them" means that later still, government even by benevolence didn't work, so rulers governed strictly by duty, and so people feared them.

"Despised" means after that, once even benevolence and duty had disappeared, nothing worked anymore, so the people despised the rulers.

What happened was that gradually, in this manner, the reliability of the leadership became inadequate, so those below did not trust them. Nevertheless, instead of considering that this is because of insufficient reliability, they still glare around and talk this way and that, saying things like, "If such is the case, then do thus and so." This is what is meant by "Yet they still valued talk."

"When work is done and things are accomplished" means that in an era like high antiquity, being governed without artificial contrivance, naturally, even though the work gets done and things get accomplished, the people below don't think of it as due to the leadership, but simply think they themselves are naturally the way they are.

"Dân sợ" là sau này tuy có duy trì lòng nhân vẫn không tác dụng, vì vậy nhà cầm quyền cai trị nghiêm khắc vì bản phận, và dân sợ họ.

"Khinh lờn" là sau đó, khi nhân và nghĩa không còn nữa, không có gì tác động đến dân nữa, vì vậy dân khinh lờn người cai trị.

Sự kiện xảy ra dần dần, như thế, sự tín nhiệm người cai trị không còn, vì vậy dân không tin họ. Tuy nhiên, thay vì không tín nhiệm, dân sẽ dò xét chung quanh và bàn tán thế này thế nọ, nói những câu đại loại: "Nếu như thế, phải làm như vậy, và như vậy." Đây là ý nghĩa câu "[Tuy nhiên] vua, vẫn quý lời nói."

"Làm xong việc cho dân" nghĩa là vào thời thái sơ, cai trị mà vô sự vô vi, một cách tự nhiên, làm xong việc cho dân, mà dân không nghĩ người cai trị làm, lại tưởng tự nhiên mình làm.

WHEN THE GREAT WAY is ABANDONED

大道廢，有仁義；智慧出，有大偽；六親不和，有孝慈；
國家昏亂，有忠臣。

When the Great Way is abandoned, there are benevolence and duty.

When ingenuity emerges, there is much fabrication.

When relatives are not in harmony, there are respect and kindness.

When a nation is benighted and chaotic, there are loyal ministers.

TAKUAN'S COMMENTARY

"When the Great Way . . ." means governing by the Great Way without artificiality is not a matter of practicing benevolence and doing duty. It is because of not attaining that freedom from artificial contrivance that matters of benevolence and duty come up. This is still not objectionable.

For example, speaking in terms of a husband and wife with a good relationship, they pass the days and the years without any particular fuss, not doing anything special—this is best. Occasionally saying something nice or saying something endearing is "benevolence." This is already secondary.

ĐẠO LỚN bị PHÉ BỎ

* Đại đạo phé, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại nguy; lục thân bất hoà, hữu hiếu từ; quốc gia hôn loạn, hữu trung thân.

* Đạo lớn phé bỏ, mới có nhân và nghĩa;
trí xảo xuất hiện mới có trá nguy;
Lục thân (cha mẹ, anh em, vợ chồng) bất hòa mới sinh hiếu từ;
đất nước tăm tối loạn lạc mới có tôi trung.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Đạo lớn ..." là cai trị với Đại đạo mà vô sự tức không phải vấn đề thi hành nhân và nghĩa. Mà vì không đạt tới vô sự vô vi mới đặt ra vấn đề nhân và nghĩa. Chỗ này vẫn không hẳn bác bỏ.

Ví dụ, nói về người chồng và người vợ có quan hệ tốt, vượt qua những năm tháng không phiền toái, không làm điều gì đặc biệt—thế là tốt lắm rồi. Đôi khi nói lời hay ý đẹp hay điều gì gây cảm giác "nhân từ." Chỗ này vẫn còn thứ yếu.

Next after that, guiding with duty, such as "Take care of it properly!" or "Watch your manners!" is lowest. The couple on the best of terms gets along without any of that sort of thing. This is the idea.

"When ingenuity emerges . . ." Getting up when the sun rises, going to bed when the sun goes down, drinking when thirsty, eating when hungry, dressing heavily when it's cold, dressing lightly when it's hot, dealing with the world as it is this way, just going along with Nature, doesn't need any cleverness. It is because of all kinds of exercise of cleverness that a lot of lies are told.

"When relatives . . ." From here on are metaphors. When the Great Way is discarded, there are benevolence and duty; when ingenuity emerges, there is much fabrication, as, for example, in the following cases.

Children look after their parents with affection, ministers expect to be directed by rulers, and expect to serve the public; there's no reason for them to label this filial kindness or loyal service. It is when the world degenerates and relatives don't get along that there are "respect" and "kindness." The point is that it is only after a state is benighted and chaotic that someone would be called a good public servant or said to have been loyal in some way.

Tiếp theo, hành động theo tình nghĩa, như "Hãy bảo trọng đúng đắn!" hoặc "Hãy nhìn cách cư xử của bạn!" là thái độ thấp nhất. Cặp vợ chồng hòa thuận tốt đẹp khi có chuyện thì không cần kiêu cách kể trên. Ý là như vậy.

"Trí xảo xuất hiện ..." Thức dậy khi mặt trời mọc, đi ngủ khi mặt trời lặn, khát uống, đói ăn, trời lạnh mặc y phục dày, trời nóng mặc y phục mỏng, ứng phó với thế gian như thi, chỉ cần hài hòa với Thiên Nhiên Đất Trời, không cần khéo xảo. Do vận dụng đủ loại tinh xảo mà phát sinh nhiều lời dối gian.

"Lục thân ..." Kể từ đây đều là ẩn dụ. Khi Đại Đạo phế bỏ, mới có nhân và nghĩa; khi trí xảo xuất hiện, mới có trá ngụy, như ví dụ sau đây.

Con trẻ chăm sóc bố mẹ vì tình thương, quan chức mong đợi nhà lãnh đạo chỉ huy, và hy vọng phục vụ công chúng; không có lý do để họ dán nhãn lòng tử tế hiếu thảo hoặc trung thành phục vụ. Do vì thế gian thoái hóa và thân quyến trong gia đình không hòa thuận nên không "hiếu" và "tử." Vấn đề là chỉ sau khi vận nước tăm tối và loạn lạc sẽ xuất hiện bề tôi trung nghĩa phục vụ dân, gọi là trung thần.

[19]

ELIMINATE SAGES, ABANDON
INTELLECTUALS

絕聖棄智，民利百倍；絕仁棄義，民復孝慈；絕巧棄利，盜賊無有。此三者以爲文不足，故令有所屬：見素抱樸，少思寡欲。

Eliminate sages, abandon intellectuals, and the people will benefit a hundredfold.

Eliminate benevolence, abandon duty, and the people will return to filial piety and kindness.

Eliminate cleverness, abandon profiteering, and thievery will not exist.

These three are considered lack of culture, providing something to follow.

See the basic, embrace the plain; lessen selfishness, diminish desire.

TAKUAN'S COMMENTARY

This chapter is especially hard to understand. "Eliminate sages, abandon intellectuals" speaks in terms of people. "Eliminate benevolence, abandon duty" speaks in terms of policy. "Eliminate cleverness, abandon profiteering" speaks in terms of practices. Seen in this way, Lao-tzu's intent comes across fine.

[19]

DỨT THÁNH BỎ TRÍ

* Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu.

Thử tam giả dĩ vi văn bất túc, cố linh hữu sở thuộc 155[8]: hiện tổ bão phác, thiếu tư quả dục.

* Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần;

Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại hiếu từ;

Dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không có.

Ba yếu tố (thánh trí, nhân nghĩa, xảo lợi) vì là văn vẻ (bề ngoài) không đủ (trị dân) cho nên điều khiến dân phải tuân theo là:

Thấy bề ngoài thì mộc mạc, trong thì chất phác, ít riêng tư, ít tham dục.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Chương này đặc biệt khó hiểu. "Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần" nói về người dân. "Dứt nhân bỏ nghĩa" nói về chính sách. "Dứt xảo bỏ lợi" nói về thực hành. Trên quan điểm này, ý hướng của Lão Tử siêu vượt phương diện lành thiện.

"Sages" are wise people, "intellectuals" are smart people. This passage refers to the remote past when there were no such things as "sages" and "intellectuals." The following "Eliminate benevolence, abandon duty" and "Eliminate cleverness, abandon profiteering" are the same idea. At that time, people went along with the course of events naturally, with no such thing as law or ritual; so, because the people got by as they were by nature, people were free.

However, in later ages, so-called sages and intellectuals emerged, invented laws and designed rites, and so as there came to be claims of illegality and impropriety, the people's liberties became restricted. So it says that when sages and intellectuals are eliminated, as in ancient times, that would be more beneficial for the people.

"Eliminate benevolence, abandon duty" means that in the remote past when there were no such things as "benevolence" and "duty," people naturally cared for their children and their parents, so parents and children were conscientious and kind.

"Thánh" là người khôn ngoan, "trí" là người thông minh. Đoạn văn này đề cập quá khứ xa xưa khi không có những bậc "thánh" và "trí." Tiếp theo là "dứt nhân bỏ nghĩa" và "dứt xảo bỏ lợi" ý nghĩa tương tự. Thời đó, mọi người theo sự kiện dòng đời một cách tự nhiên, không có những luật lệ hay lễ nghi; sử dĩ như vậy vì con người sống theo tư chất tự nhiên, tự do tùy tiện.

Tuy nhiên, thời đại về sau, xuất hiện những bậc gọi là thánh hiền và trí giả, phát kiến luật lệ và tạo lập nghi thức, thế nên có vấn đề bất hợp pháp và phạm luật, tự do con người bị hạn chế. Vì vậy, khi loại trừ bậc hiền và trí, như thời thái sơ, dân sẽ có lợi hơn.

"Dứt nhân bỏ nghĩa" là trong quá khứ xa xưa khi không có "nhân" và "nghĩa," mọi người chăm sóc con cái và cha mẹ theo tự nhiên, vì vậy bậc cha mẹ và con cái có lương tâm và thiện lành.

But in later ages, when doctrines of benevolence and duty came about, people started saying things like, "That's not the way to treat parents," "An heir doesn't talk that way," "A child by a first wife is to be treated thus, a child by a concubine is to be treated so," and from there the customs of the world degenerated.

So if we do as in high antiquity when there were no terms for benevolence and duty, the people will all return to original conscientiousness and kindness.

Here Lao-tzu's idea is that what the world calls benevolence and duty are not true conscientiousness and kindness, because they are thought of as bribes.

"Eliminate cleverness, abandon profiteering." Cleverness means intellectual skill, profiteering means utilitarianism. In remote antiquity people all did things in roundabout ways, making do with inconvenience. In later times they contrived all sorts of intellectual skills and strove for advantageous utility, so they would even steal.

"These three" refers to "Eliminate sages, abandon intellectuals," "Eliminate benevolence, abandon duty," and "Eliminate cleverness, abandon profiteering."

Nhưng thời sau này, khi có học thuyết nhân và nghĩa, mọi người bắt đầu nói kiểu như, "Không được đối xử với cha mẹ thế này," "Con cái không được nói thế kia," "Con của vợ chánh phải đối xử thế này, con của thê thiếp phải đối xử thế kia," và từ đó phong tục nhân gian suy vi.

Vì vậy, nếu chúng ta sống như thời thái sơ khi không có điều lệ nhân và nghĩa, người dân tất cả sẽ trở về lương tâm và thiện lành xưa nay.

Ở đây ý của Lão Tử là điều thế gian gọi là nhân và nghĩa không phải lương tâm và thiện lành chân chánh, vì được xem như mua chuộc.

"Dứt xảo bỏ lợi." Trí xảo là kỹ năng tri thức, lợi là trục lợi. Thời thật xa xưa con người đều hành động lòng vòng, làm mà không tiện lợi. Thời đại về sau, con người trù tính đủ loại kỹ năng tri thức và phấn đấu vì tiện ích thuận lợi, do đó, thậm chí họ có thể trộm cướp

"Ba yếu tố" tức là "Dứt thánh bỏ trí," "Dứt nhân bỏ nghĩa" và "Dứt xảo bỏ lợi."

That they are "considered lack of culture" means these three tend to simplicity, with little embellishment. Therefore the people "have something to follow." "Something to follow" is like saying there is something to go along with.

"Seeing" is knowing; "the basic" is the path of elemental simplicity. "Embracing" is preserving; "the plain" is the virtue of innocence. "Something to follow" means the people's hearts readily rally around. It means unity is easily achieved; it is easy to go along.

[20]

STOP ACADEMICS AND THERE'S NO DISTRESS

絕學無憂.唯之與阿,相去幾何?善之與惡,相去若何?人之所畏,不可不畏.荒兮其未央哉!眾人熙熙如享太牢,如春登臺;我獨泊兮其未兆 156[9],如孩,儻儻兮若無所歸.眾人皆有餘,而我獨若遺;我愚人之心也哉,沌沌兮!俗人昭昭,我獨昏昏;俗人察察,我獨悶悶,澹兮其若海,颺兮若無止.眾人皆有以,而我獨頑且鄙.我獨異於人,而貴食母.

Vì thế ba yếu tố dứt bỏ trên bị xem "là vẩn vè (bê ngoài)" nghĩa là ba yếu tố trên hướng đến đơn giản, ít trang trí. Do đó phải có điều gì "khiến dân phải tuân theo." "Phải tuân theo" là đồng hành.

"Thấy" là biết; "bê ngoài thì mộc mạc (sơ đẳng)" là con đường đơn sơ giản dị. "Trong" là gìn giữ; "chất phác" là đức hạnh của tính hồn nhiên. "Khiến dân phải tuân theo" là lòng người dễ dàng tập hợp chung quanh, nghĩa là dễ đoàn kết; dễ đồng hành.

[20]

DỨT HỌC THÌ KHÔNG LO

* Tuyệt học vô ưu. Duy chi dữ a, tương khứ kỉ hà? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà? Nhân chi sở úy, bất khả bất úy. Hoang hề kì vị ương tai! Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như xuân đặng đài; ngã độc bạc hề kì vị triệu; như anh nhi chi vị hải; luy luy hề nhược vô sở qui. Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược dị; ngã ngu nhân chi tâm dã tai, độn độn hề! Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn; tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn, đạm hề kì nhược hải, liêu hề nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngoan thả bỉ. Ngã độc dị ư nhân, nhi quý thực mẫu.

Stop academics and there's no distress;
 How far apart are "Yes" and "Yeah"?
 How far apart are "good" and "bad"?
 What people fear cannot but be feared.
 Wild, they never stop!
 Everyone is cheerful, as if they are having a
 feast, like climbing a terrace in springtime;
 I alone am indifferent, showing no sign,
 like an infant before it can smile, squirming,
 as if having nowhere to rest.
 Everyone has excess; I alone seem lacking.
 I have the mind of an ignoramus, blank!
 Worldly people are bright; I alone seem dim.
 Worldly people are inquisitive;
 I alone am at a loss, light as an ocean breeze,
 seeming to stop nowhere.
 Everyone has purpose;
 I alone am dull, and lowly too.
 I alone am different from others; I value seeking
 to feed from the mother.

TAKUAN'S COMMENTARY

What Lao-tzu's book refers to as "academics," on
 examination, turns out to mean formalities. Indeed, in
 Confucian books too, "academics" amounts to
 formalities.

* Dứt học thì không ưu tư.
 Dạ (giọng kính trọng) với ời (giọng coi thường)
 khác nhau bao nhiêu?
 Thiện với ác khác nhau thế nào?
 Chỗ người sợ, ta không thể không sợ.
 Hoang cuồng thay, không sao hết được!
 Mọi người hớn hờ như ăn tiệc ngon, như xuân
 lên đài;
 riêng ta lặng bật, không chút biểu lộ
 như anh nhi chưa biết cười; bò loanh quanh
 như thể không nhà để về.
 Người đời có dư, riêng ta như thiếu thốn;
 tâm ta ngu muội, ngơ ngơ!
 Người đời sáng chói, riêng ta tối tăm;
 Người đời phân biện;
 riêng ta luống cuống, thanh đạm như gió biển,
 như chẳng dừng trụ.
 Người đời đều có mục đích,
 Riêng ta ngu dốt, hèn mọn.
 Riêng ta khác người, mà quý mẹ nuôi muôn loài.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Sách của Lão Tử ý nói "học," xét lại là hình
 thức. Thật vậy, sách Nho cũng thế, "học" là hình thức.

What "academics" means is to study things like, for example, who said what or did what in ancient times, the sages determined this and that, and so on. Therefore it is, after all, a ritual.

Of course, the original meaning that sages gave to scholarship wasn't studying those things, but rather studying the Way and virtue. Yet scholars of that standard are one in ten thousand, if that.

So the sense of "Stop academics and there's no distress" is that what is called "scholarship" in the world consists of saying various things, making up various things to increase people's confusion. So when you eliminate that, there is no distress or confusion. Distress implies anxiety and uncertainty.

"'Yes' and 'Yeah'" refer to rules of propriety in responding to people when called. "Yes" is respectful and polite, while "Yeah" is a casual response. "How far apart are 'Yes' and 'Yeah'?" means how different are they—to whom would it be problematic to speak in this way or that?

"'Good' and 'bad'" means you say a certain way is good and praise it, and say a certain way is bad and despise it; but even so, how different are they?

"Học" là nghiên cứu sự vật, ví dụ như, ai nói hoặc làm điều gì thời xưa, thánh hiền xác định thế này và thế nọ, và vân vân. Vì vậy rốt cuộc là lễ giáo.

Tất nhiên, nghĩa gốc ban đầu thánh hiền xác định học rộng không phải là học sự vật, nhưng ngược lại là học Đạo và đức. Tuy nhiên, học giả đạt chuẩn chỉ một phần mười ngàn.

Vì vậy, ý nghĩa "dứt học thì không ưu tư" là "học rộng" nơi thế gian bao gồm châm ngôn nhiều loại, tạo dựng đề mục đa dạng khiến người đời càng gia tăng mê loạn. Vì vậy, khi dứt học, sẽ không còn ưu tư hay mê loạn. Ưu tư ngụ ý lo sợ và bất định.

"'Dạ (giọng kính trọng)' và 'ơì (giọng xem thường)'" ý nói quy tắc đúng đắn trong việc trả lời khi có người gọi mình. "Dạ" là tôn trọng và lịch sự, trong khi "ơì" là phản ứng thường tình. "Dạ với ơì khác nhau bao nhiêu?" nghĩa là khác nhau thế nào giữa hai tiếng—đối với ai sẽ thành vấn đề khi nói chuyện phải theo cách này hay cách kia?

"'Thiện' và 'ác'" là nói cách nào thì tốt và ban khen, và nói cách nào thì xấu và khinh bỉ; nhưng ngay cả như thế, cả hai khác nhau chỗ nào?

Lao-tzu's meaning is that originally "good" means uncontrived disinterest, so this is not something verbally said to be good. Thus the so-called good of running around in the world is not too different from bad.

"What people fear" follows on the above, saying that even so, what ordinary people fear should of course be feared. What ordinary people fear are the sky, the earth, spirits, laws, and punishment.

The preceding "How far apart are 'Yes' and 'Yeah'? How far apart are 'good' and 'bad'?" is a way of proceeding that is characteristic of Lao-tzu, who doesn't utilize wit.

"Wild" means people's craving and seeking for honor and gain are wild and disorderly no end. So the masses cheerfully crave and seek honor and gain with pleasure and delight, as pleased with this as if they were enjoying a feast.

"Like climbing a terrace in springtime" means that they feel there is no better entertainment than honor and gain; they feel as gratified as if they were enjoying the view from a high place on a spring day.

Lão Tử quan niệm là điều "tốt" từ xưa nay có nghĩa không quan tâm, vô vi, vì vậy không phải là điều gì gán cho là tốt. Như vậy điều gọi là tốt loanh quanh chuyện thế gian không khác lắm với xấu.

"Chỗ người sợ" tiếp câu trên, nói rằng tuy như thế, điều mọi người thường lo sợ tất nhiên ta phải biết sợ. Người đời thường lo sợ trời, đất, thần linh, pháp luật, và sự trừng phạt.

Câu "'Dạ' với 'ơ' khác nhau bao nhiêu? 'Thiện' với 'ác' khác nhau thế nào?" là phương pháp đặc trưng của Lão Tử, không sử dụng thông minh lanh trí.

"Hoang cuồng thay" ý nói sự ham muốn tìm kiếm danh và lợi của người đời là điên cuồng và gây xáo trộn không sao hết được. Vì vậy, quần chúng hờn hờ khao khát và tìm kiếm danh lợi, vui mừng và thỏa thích giống như ăn bữa tiệc ngon.

"Như mùa xuân lên đài" nghĩa là họ cảm thấy không có mục giải trí nào vui sướng hơn so với danh và lợi; họ hài lòng như thưởng ngoạn cảnh quang ngày xuân nhìn từ đài cao.

"Indifferent" means not heavily attached or involved. "Showing no sign" means not manifesting a single thought of honor or gain.

"Squirming, as if having nowhere to rest" means not having any motive or intention.

"Everyone has excess" means everyone wants a superabundance of honor and advantage.

To "seem lacking" means seeming to have forgotten about honor and advantage. "I have the mind of an ignoramus" because of having forgotten name and gain. "Blank" means nothing's there. This is the undifferentiated mind.

"Bright" means clarifying, "inquisitive" means examining things in detail. "At a loss" means ignorant, "light" means unattached, "as an ocean breeze" means like wind blowing over the sea without going anywhere. The idea here is that worldly people have something in mind they aim for, so they labor for that. Without that, one is like this passage says.

Also, the use of "like" and "as if" all along here is likewise Lao-tzu's procedure.

"Lặng bật" nghĩa là không vương mắc nặng nề hoặc dính líu. "Không chút biểu lộ" là không khởi một niệm về danh và lợi.

"Bò loanh quanh như thể không nhà để về" là không có một động cơ hay ý định nào.

"Người đời có dư" là mọi người đều muốn danh và lợi thừa thãi.

"Như thiếu thốn" là dường như quên hết danh lợi. "Tâm ta ngu muội" vì đã quên hết danh lợi. "Ngơ ngơ" là không có một vật. Đây là tâm vô phân biệt.

"Sáng chói" là tỏ rõ, "phân biện" là thẩm sát từng chi tiết. "Luống cuống" là không biết, "thanh đạm (thư thái)" vì không dính mắc, "như gió biển" giống như gió thổi trên mặt biển, mà chẳng dừng trụ. Ý ở đây là người đời có một vật trong tâm để họ nhắm đến cho nên phải làm lụng vì mục đích đó. Nếu không một vật trong tâm, trạng thái sẽ giống như nội dung đoạn này đề cập.

Ngoài ra, việc sử dụng "như" và "như thể" tất cả đều là phương cách của Lão Tử.

To "have purposes" means that the reason people are thus is they do things for some purpose, so after all it is done for their sake.

"Dull" means ignorant; he is dull because of not knowing any desire. "Lowly" means not seeking honor, not thinking about repute. Those who seek honor and think of repute easily get excited thinking about what won't work or what they can't do, but once you no longer see honor you're down-to-earth. "Dull" and "lowly" refer to the aforementioned "mind of an ignoramus."

"I value seeking to feed from the mother" corresponds to the foregoing "like an infant before it can smile." "Seeking to feed from the mother" refers to an infant nursing at the breast. Lao-tzu's meaning is that an infant's nursing, without greed, is valuable in the sense that this state of mind is good.

"Có mục đích" nghĩa là sở dĩ người đời như vậy vì họ làm lụng có mục đích, do đó cuối cùng mục đích thành tựu vì lợi ích của họ.

"Ngu dốt" là thiếu hiểu biết; ngu vì không biết mong muốn. "Hèn mọn" là không tìm kiếm địa vị, không nghĩ đến tiếng tăm. Người tìm kiếm địa vị và cho rằng tiếng tăm dễ đạt sẽ lo lắng suy tư khi việc không thành hoặc mình không làm nổi, nhưng một khi không còn tìm kiếm địa vị sẽ sống thực tế. "Ngu dốt" và "hèn mọn" nhắc câu "tâm ta ngu muội" ở trên.

"Quý mẹ nuôi muôn loài" tương đương với câu trước "như anh nhi chưa biết cười." "Quý mẹ nuôi muôn loài" đề cập trẻ sơ sinh còn bú. Ý của Lão Tử là nuôi trẻ phải không tham lam, quý báu ở chỗ trạng thái của tâm là thiện lành.

THE APPEARANCE OF GREAT VIRTUE

孔德之容，惟道是從。

道之爲物，惟恍惟惚；惚兮恍兮，其中有象；恍兮惚兮，其中有物。窈兮冥兮，其中有精；其精甚眞，其中有信。自古及今，其名不去，以閱眾甫。吾何以知眾甫之狀哉？以此。

The appearance of great virtue only follows the Way.

The Way as an entity is but vague, indistinct.

Indistinct and vague, therein are forms;

vague and indistinct, therein are things.

Mysterious and inscrutable, therein is spirit.

That spirit is very pure; therein is truth.

From of old up to the present, the name has not disappeared; thereby are examined all beginnings. How do I know all beginnings are so? By this.

TAKUAN'S COMMENTARY

To say that "great virtue" has an appearance does not mean talent, or the appearance of bravery, but entering into emptiness that is nothing when you look. When you reach that state, you naturally have the appearance of mature virtue.

DUNG MẠO CỦA ĐỨC LỚN

* Khổng đức chi dung, duy đạo thị tông. Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt; hốt hề hoảng hề, kì trung hữu tượng; hoảng hề hốt hề, kì trung hữu vật. Yếu hề minh hề, kì trung hữu tinh; kì tinh thậm chân, kì trung hữu tín. Tự cổ cập kim, kì danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ. Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai. Dĩ thử.

* Dung mạo của đức lớn chỉ tuân theo đạo. Đạo là một thực thể nhưng mập mờ, thấp thoáng;

thấp thoáng mập mờ mà trong có tướng mạo;

mập mờ, thấp thoáng mà trong có vật;

thâm viển và khó hiểu mà trong đó có tinh anh.

Tinh anh đó chân thuần, trong đó có tin thực.

Xưa nay, danh vẫn không mất; vì thế xét duyệt tất cả khởi nguyên. Do đâu biết được bản nguyên của vạn vật? Do như thế (tức đạo).

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Nói "đức lớn" có dung mạo không có nghĩa tài năng, hay lòng dũng cảm, mà thể nhập vào tánh không tức không một vật khi nhìn. Đạt đến trạng thái này, tự nhiên có dung mạo của đức hạnh thuần thực.

Having the appearance of mature virtue is due to following the Way as it is, so it says that only the Way is followed. That Way is then described.

"Indistinct and vague" both mean indefinite, indescribable, inexpressible. This refers to the substance. The appearance of great virtue is indescribable and indefinite, but that doesn't mean there's nothing at all. There seem somehow to be forms therein; there seem somehow to be things. It's not nothing as children or fools suppose, so it says there are forms and there are things.

"Mysterious and inscrutable" means deep and dark. Within that profound darkness there is an indescribable spirit. "Pure" means unadulterated essence. "Truth" means clear, unsurpassed, perfect truth. This chapter, from "The Way as an entity" to "therein is truth" is hard to express. Because it is the inexplicable subtle Way, it repeats the same thing over and over, changing the rhyme, praising in various ways as something without artificiality, pure, and subtle. Those who succeeded in entering to the uncontrived Way in those days must have been rare.

"Has not disappeared" means it does not change; "the name" means the term "The Way."

Có hình tướng đức hạnh thuần thực là do tu tập Đạo như thi, vì thế, nói rằng chỉ có tuân theo Đạo. Về sau Đạo sẽ biểu lộ.

"Thấp thoáng mập mờ" cả hai đều có nghĩa không xác định, không thể diễn tả hay biểu lộ. Đây là nói về thể. Dung mạo của đức lớn thì không thể diễn tả và không xác định, nhưng không có nghĩa rớt ráo là không có gì. Như thế thì có vẻ như có hình tướng; có vẻ như có vật. Đức lớn không phải điều gì ấu nhi hay ngu phu giả định, vì vậy nói rằng có hình tướng và có vật.

"Thâm viễn và khó hiểu" là sâu xa và tối tăm. Trong bóng tối sâu dày có tinh anh không thể diễn tả. "Chân thuần" là bản chất không pha trộn. "Tin thực" là chân lý sáng tỏ, cứu cánh, viên mãn. Chương này, từ câu "Đạo là một thực thể" đến câu "trong đó có tin thực" thật khó diễn bày. Bởi vì đó là Đạo vi diệu không thể lý giải, cứ lặp đi lặp lại điều tương tự, thay đổi vần điệu, ca tụng nhiều cách khác nhau về một điều gì vô sự, chân thuần và vi diệu. Ngày nay người chứng đạt Đạo vô vi quả thật hiếm hoi.

"Vẫn không mất" nghĩa là tên của Đạo không thay đổi; "danh" tức "Đạo."

"Thereby are examined" means in terms of this uncontrived Way. "Examine" means to observe each particular. Because it means looking through, to read it "go through," "supervise," or "examine" means the same thing. "All beginnings" means all good deeds. What this means is that all good deeds, if not uncontrived, cannot be called basic good. Therefore it "supervises all beginnings."

How do I know this is so? "By this"; meaning that to know that too is by means of the uncreated wellspring of the Way.

[22]

THE FLEXIBLE REMAIN WHOLE

曲則全， 枉則直， 窪則盈， 敝則新， 少則得， 多則惑。是以聖人抱一爲天下式。不自見故明不自是故彰；不自伐，故有功；不自矜故長。夫唯不爭故天下莫能與之爭。古之所謂曲則全者，豈虛言哉！誠全而歸之。

The flexible remain whole. The twisted straightens. The hollow is filled. The worn-out is renewed. The lacking gain, plenty confuses.

"Vi thể xét duyệt" là nói về Đạo vô vi. "Xét duyệt" là quan sát từng chi tiết cụ thể. Bởi vì có nghĩa nhìn thấu, nên hiểu là "thấu suốt", "giám sát", hoặc "thâm xét" đều được. "Tất cả khởi nguyên" nghĩa là tất cả hành vi thiện. Có nghĩa tất cả hành vi thiện nếu không phải vô vi thì không thể gọi là điều thiện căn bản. Vì vậy "xét được tất cả bản nguyên."

Do đâu mà biết được trạng thái này? "Do như thế"; nghĩa là để biết được thì phải bằng phương tiện thuộc về bản nguyên không tạo tác của Đạo.

[22]

KHUYẾT THÌ GIỮ ĐƯỢC TOÀN VỆ

* Khúc tắc toàn, uốn tắc trực, oa tắc doanh, tệ tắc tân, thiếu tắc đắc, đa tắc hoặc. Thị dĩ thánh nhân bảo nhất vi thiên hạ thức. Bất tự kiên cố minh bất tự thị cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng cố trướng (hoặc trưởng). Phù duy bất tranh cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh. Cổ chi sở vi khúc tắc toàn giả, khởi hư ngôn tai! Thành toàn nhi qui chi.

* Khuyết (nhu nhuyễn) thì giữ được toàn vẹn; cong thì lại ngay; hồng thì lại đầy; cũ nát sẽ mới, ít sẽ được thêm, nhiều sẽ hóa mê.

Therefore sages embrace the one, and act as a model for the world.

They do not see themselves, so they are aware.

They do not affirm themselves, so they are distinguished.

They do not take pride in themselves, so they are successful.

They are not conceited, so they last. Only because they do not contend, no one in the world can contend with them.

Is the old saying that the flexible remain whole empty talk?

When truthfulness is complete, it resorts to this.

TAKUAN'S COMMENTARY

Flexibility is seen in swords and trees. A sword made only of highly tempered steel snaps easily. If it is raw steel, it flexes freely, and so it doesn't snap. The same goes for trees. Strong trees don't bend, so they break. Weak trees like willows bend in the wind, so they don't break. This is what is meant by "the flexible remain whole."

As for "The twisted straightens," a carpenter's string can be stretched anywhere to straighten things because it can be twisted around in any way.

Vì vậy thánh nhân nắm giữ cái một (đạo) làm mô thức cho thiên hạ.

(Thánh nhân) không cho mình là sáng, nên sáng;

Không cho mình là phải, nên chói lọi;

Không khoe công, nên có công;

Không kiêu căng, nên hơn người.

Chỉ vì không tranh, nên trong thiên hạ không ai tranh với các ngài.

Chỗ người xưa gọi là khuyết (nhu nhuyễn) thì lại toàn vẹn,

Há phải lời nói sai đâu?

Khi chân thành toàn vẹn sẽ trở về với đạo.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Tính nhu nhuyễn nhìn thấy trong thanh kiếm và cây cối. Thanh kiếm làm bằng thép nóng rèn ở nhiệt độ cao nên đâm chém dễ dàng. Nếu thép thô, kiếm dễ gãy, vì vậy không đâm chém được. Cũng vậy đối với cây cối. Cây mạnh không uốn cong, nên dễ gãy. Cây yếu như cây liễu dễ uốn cong trước gió, nên không gãy. Đây là ý nghĩa câu "Nhu nhuyễn thì giữ được toàn vẹn."

Vì "cong thì lại ngay," nên sợi dây của thợ mộc có thể kéo thẳng dài tận đâu đâu vì dây có thể xoắn lại cách nào cũng được.

These two lines are similes for how the hard and strong readily speak out, but the flexible and yielding do not perish. Also, in office, someone who is absolutely direct and cannot be flexible cannot criticize the ruler's wrongs discreetly, and so instead brings destruction on himself. One who can be flexible in following the ruler naturally criticizes discreetly. This is the sense of these two lines.

"The hollow is filled." Water is an example of this. Water doesn't accumulate on high ground, nor does it sink in. So it is with people. If you lower yourself and consider yourself inadequate, people will bring good, and good things will gather.

"The worn-out is renewed." The leaves of plants and trees are examples of this. Dry leaves fall, so new leaves come out. If the dry leaves didn't fall, the fresh foliage couldn't come out. This is the worn-out being renewed. For people too, whether in poverty, lowliness, or misfortune, or in bad company, if you can tolerate the bad, not thinking it bad, and soften the badness, then both intellect and character improve.

Hai câu này là ẩn dụ đối với tính cứng và mạnh thì sẵn sàng nói thẳng ra, nhưng với tính nhu nhuyễn và khiêm nhường thì không mất mát. Cũng vậy, trong cơ quan, người nào hoàn toàn bộc trực và không nhu nhuyễn sẽ không biết phê bình những sai lầm của lãnh đạo một cách kín đáo tế nhị, vì vậy tự hủy hoại mình. Người nào có thể nhu nhuyễn tuân theo lãnh đạo thì tự nhiên biết phê bình một cách kín đáo tế nhị. Đây là ý nghĩa hai câu trên.

"Hỗng thì lại đầy." Nước là một ví dụ. Nước không tích tụ trên mặt đất cao, cũng không lắng xuống được. Người cũng vậy. Nếu tự hạ thấp và tự xét mình không đầy đủ, sẽ có người khác mang cho, và sẽ thu thập những điều tốt đẹp.

"Cũ nát sẽ mới." Lá cây là ví dụ. Lá khô rụng, vì vậy lá non sẽ mọc. Nếu lá khô không rụng, cành lá tươi mới sẽ không mọc được. Đây là cũ nát sẽ mới. Cũng thế đối với người, cho dù nghèo khó, thấp hèn, hoặc bất hạnh, hoặc sống với thân hữu xấu, nếu bạn có thể kham nhẫn điều xấu, không cho là xấu, và làm dịu nhẹ cái xấu, rồi thì cả hai đức tính sáng suốt và tánh nett sẽ được cải thiện.

After all, if you haven't been poor you won't get rich, and if you haven't been lowly you won't become noble.

"The lacking gain." Though this means wealth, it applies to everything. When you're poor and have little, you work hard and eventually acquire a lot.

"Plenty confuses." When you have a lot, you start doing all sorts of things, and get confused by that. For example, even in something like poetics, when you study poetics too much you get confused by a multiplicity of issues and become a lousy poet. Even without studying poetics, poets devote themselves diligently and know what poetry is all about, so they are skillful.

"Embrace the one." "Embrace" means to hold and keep. "One" is the smallest number. That "one" refers to the Way of emptiness without artifice. Sages simply relinquish everything and keep to the Way of emptiness, and become models for the whole world.

"They do not see themselves" speaks in terms of intelligence. Sages, as mentioned above, just keep the One and have no idea of having seen for themselves, so as people tell them all sorts of things they turn out to be very aware.

Rốt cuộc, nếu không nghèo thiếu, bạn sẽ không dư dả, và nếu không thấp hèn bạn sẽ không cao quý.

"Ít sẽ được thêm." Mặc dù ý là giàu có, câu này vẫn áp dụng cho tất cả sự vật. Khi nghèo thiếu, bạn sẽ làm việc chăm chỉ và cuối cùng sẽ có nhiều.

"Nhiều sẽ hóa mê." Khi giàu có phủ phê, bạn bắt đầu sanh chuyện đủ kiểu, và sẽ mê lâm. Ví dụ, ngay cả trong thi ca, khi học hỏi thi pháp quá nhiều bạn sẽ lẫn lộn vì nhiều tiết mục đa dạng và trở thành một nhà thơ tệ hại. Mặc dù không nghiên cứu thi pháp, nhà thơ hết lòng siêng năng và hiểu biết thi ca mọi mặt, do đó sẽ tài giỏi.

"Nắm giữ cái một." "Nắm giữ" là nắm và giữ lại. "Cái một" là con số nhỏ nhất. "Một" đề cập Đạo của tánh không vô sự. Thánh nhân chỉ buông bỏ tất cả sự vật và giữ Đạo của tánh không, và thành mẫu mực cho thiên hạ.

"Không bằng lòng chính mình" đề cập trí tuệ. Thánh nhân, như nói ở trên, chỉ cần nắm giữ cái Một và không bằng lòng chính mình, vì vậy khi thiên hạ kể đủ thứ chuyện, các ngài lại rất tỉnh giác.

"They do not affirm themselves" speaks in terms of honor. "Pride" is boasting of accomplishments, "conceit" is boasting of abilities. It means boasting of your own capability. "Not being conceited" here means not boasting of your virtue. To "last" means to survive a long time.

"They do not contend" means they have no interest in contention with others. "No one can contend with them" means there's no contention with sages.

"The old saying" refers to the ancient maxim that "The flexible remain whole." "When truthfulness is complete, it resorts to this" means that flexible people can't get beaten; they get back to where they were with body and life intact.

[23]

SPEAKING LITTLE is NATURAL

希言自然。故飄風不終朝，驟雨不終日。孰爲此者？

天地。天地尚不能久，而況於人乎？

故從事於道者，同於道；德者，同於德；失者，同於失。同於道者，道亦樂得之；同於德者，德亦樂得之；同於失者，失亦樂得之。信不足焉，有不信焉。

"Không cho mình là phải" nói về danh. "Khoe công" là khoe khoang về thành tích, "tự phụ" là khoe khoang về tài năng, có nghĩa khoe khoang tài năng riêng của mình. "Không kiêu căng" ở đây là không khoe khoang về đức hạnh của mình. "Hơn người" nghĩa là tồn tại thời gian dài lâu.

"Chỉ vì không tranh" là không quan tâm tranh đua với những người khác. "Không ai tranh với họ" là không tranh chấp với thánh nhân.

"Chỗ người xưa gọi" là câu cổ ngôn rằng "nhu nhuyễn thì lại toàn vẹn." "Nên chân thành gìn giữ sẽ trở về với đạo" là người nhu nhuyễn không bị đánh đổ; trở về nơi mình nguyên vẹn với thân và sự sống.

[23]

ÍT NÓI THÌ HỢP VỚI TỰ NHIÊN

* Hi ngôn tự nhiên. Có phiêu phong bất chung triều, sậu vũ bất chung nhật. Thực vi thử giả? Thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống ư nhân hồ? Có tòng sự ư đạo giả, đồng ư đạo; đức giả, đồng ư đức; thất giả, đồng ư thất. Đồng ư đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi; đồng ư đức giả, đức diệc lạc đắc chi; đồng ư thất giả, thất diệc lạc đắc chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Speaking little is natural.

Thus a whirlwind doesn't last all morning, a rain shower doesn't last all day.

Who does this? Sky and earth.

If even sky and earth cannot go on forever, how indeed can humans?

As for those who follow the Way in practice, with the Way, they are equanimous toward the Way; with virtue, they are equanimous toward virtue; in failure, they are equanimous toward failure.

Those who are equanimous toward the Way are just as happy to attain the Way.

Those who are equanimous toward virtue are just as happy to have virtue.

Those who are equanimous toward failure are just as happy when they experience failure.

When faith is insufficient, there is distrust.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Speaking little is natural" means there is no need for a lot of talk. When you say what the Way is like, the Way cannot be said to be anything to speak of. There's nothing particular to say; there's no need for a lot of talk, no more than to simply say "nature."

* Ít nói thì hợp với tự nhiên (với đạo).

Cho nên gió lốc không thổi suốt buổi sáng, mưa rào không mưa suốt ngày.

Ai làm nên thế ấy? Trời và đất.

Việc Trời đất còn không trường cửu, huống hồ là việc của người?

Cho nên người phục tòng Đạo thì đồng với Đạo; theo đức thì sẽ đồng với đức; theo Mát thì sẽ đồng với Mát.

Người đồng với Đạo thì sẽ vui được Đạo; đồng với đức thì sẽ vui được đức; đồng với Mát thì sẽ vui với Mát.

Tin không đủ, sẽ nghi ngờ.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Ít nói thì hợp với tự nhiên" là không cần thiết phải nói nhiều. Nói Đạo là gì thì Đạo không thể nói và đề cập được. Không có gì đặc biệt để nói; không cần nói nhiều, nói không quá một chữ "tự nhiên".

"A whirlwind doesn't last all morning." Morning is but a while; it doesn't blow all morning long. "A rain shower doesn't last all day." It doesn't shower all day long. "Who does this?"—"this" refers to showers and whirlwinds; "Sky and earth" means these are the doings of sky and earth.

"Cannot go on forever" means not lasting all morning or all day. "How indeed can humans?" means that the gains and losses and successes and failures of the human world are of course uncertain—it's all natural.

"Those who follow the Way in practice" means those who cultivate practice of the Way. "With the Way, they are equanimous toward the Way" and so on means whatever is the Way, they leave it at that; whatever is virtue or failure, they let it be virtue or failure.

"Failure" is the opposite of virtue. It comprises not following the Way, not being virtuous, and not attaining success. Whatever is bad is called "failure."

"They are just as happy to attain the Way" means when they attain the Way they also enjoy the Way. The same applies to virtue.

"Gió lốc không thổi suốt buổi sáng." Có gió buổi sáng nhưng chỉ chốc lát; gió không kéo dài suốt buổi sáng. "Mưa rào không mưa suốt ngày." Mưa rào không kéo dài cả ngày. "Ai làm nên thế ấy?"—"thế ấy" là mưa rào và gió lốc; "Trời và đất" là công việc của trời và đất.

"Không trường cửu" là không kéo dài cả buổi sáng hoặc cả ngày. "Huống hồ là việc của người?" nghĩa là được và mất và thành và bại trong thế gian con người tất nhiên là bất định—tất cả đều tự nhiên.

"Người phục tòng đạo" là người tu tập Đạo. "Phục tòng Đạo, thì đồng (bình đẳng) với đạo" và vân vân nghĩa là Đạo có thế nào, hãy để mặc nhiên; đức có ra sao hay Mất thế nào, hãy mặc nhiên đối với đức hay Mất.

"Mất" là đối nghịch với đức, là không theo Đạo, không phải đạo đức, và không thành đạt. Bất cứ điều gì xấu đều gọi là "mất."

"Sẽ vui được đạo" là khi đạt Đạo đều vui hưởng Đạo. Cũng vậy đối với đức.

"Just as happy when they experience failure" means that if they find no guidance or virtue, they're content with that too. Why? When they lose, they let the loss be. The ultimate sense is whether it be the Way or not the Way, virtue or not virtue, good or bad, benefit or harm, gain or loss, not to take it to heart, not to keep your mind on any of it this is called becoming free of artificiality, or entering into emptiness, in accord with Nature.

However, to be like this it is necessary to really believe in the Way. If that faith is insufficient, it is impossible to comprehend. So it says, "When faith is insufficient, there is distrust."

[24]

ONE ON TIPTOE CAN'T KEEP STANDING

企者不立，跨者不行。自見者不明，自是者不彰，自伐者不功，自誇者不長。其於道也曰：餘食贅行，物或惡之，故有道者不處。

One on tiptoe can't keep standing, one with legs spread cannot walk.

Those who see themselves are not aware; those who affirm themselves are not distinguished.

"Sẽ vui với mất" là nếu không được chỉ giáo hoặc đức hạnh, họ cũng bằng lòng như thế. Tại sao? Khi thất bại, họ mặc nhiên với thất bại. Ý nghĩa rõ ràng là cho dù đó là Đạo hay không phải Đạo, đức hay không phải đức, tốt hay xấu, lợi hay hại, được hay mất, họ không để trong lòng, không giữ trong tâm bất cứ việc gì, đây gọi là vô sự, hoặc thể nhập tánh không, phù hợp với Thiên Nhiên.

Tuy nhiên, để được như thế cần phải thực sự tin tưởng vào Đạo. Nếu niềm tin không đủ, sẽ không thể lĩnh hội. Vì vậy nói, "Tin không đủ, sẽ nghi ngờ."

[24]

NHÓN GÓT CHÂN THÌ KHÔNG ĐỨNG VỮNG

* Xí giả bất lập, khoa giả bất hành. Tự kiến giả bất minh, tự thị giả bất chương, tự phạt giả bất công, tự khoa giả bất trường. Kì ư đạo dã viết: dư thực chuế hành, vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử.

*Nhón chân thì không đứng vững, Xoạc chân ra thì không bước được,

Bằng lòng chính mình thì không sáng. Tự xem là phải thì không chói lợi.

Those who take pride in themselves have no merit; those who are self-conceited don't last.

On the Way, these are called leftovers and abnormal growths.

People may dislike them, so those who have the Way do not stay.

TAKUAN'S COMMENTARY

The first two lines are metaphors. "Standing on tiptoe" is stretching upward. "Can't keep standing" means can't stand long. This is a metaphor meaning that when people extend themselves unreasonably, they don't grow, even if they want to. In the end they tumble.

"One with legs spread cannot walk" is a metaphor for those who want to expand unreasonably. Someone with his legs spread wide can't walk; after all it doesn't work.

Similarly, in regard to intelligence as well, those who presume they've seen for themselves are not aware. As for those who don't see themselves, people bring all sorts of good things, so they become aware.

Tự khoe công thì không công.

Tự khoa trương thì không trường cửu²⁴.

Đối với đạo đó là “Thức ăn dư, hình thành bất thường.”

Ai cũng ghét, vậy, người có Đạo không làm.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Hai dòng đầu là ẩn dụ. "Đứng nhón chân" là nhón lên. "Không đứng vững" là không thể đứng lâu. Đây là ẩn dụ có nghĩa khi tâm rộng mở một cách vô lý, sẽ không phát triển, dù rất muốn, cuối cùng ngã té.

"Xoạc chân ra thì không bước được" là ẩn dụ cho những người muốn tâm rộng mở một cách vô lý. Một người xoạc chân ra thì không bước được; rốt cuộc việc không thành.

Tương tự, với trí khôn, những người bằng lòng chính mình thì không sáng. Đối với người không Bằng lòng chính mình thì sáng, người khác sẽ mang đến những điều tốt đẹp, và họ sẽ tỉnh giác.

²⁴ Chữ 長 có hai âm: "Trường" là bền lâu, và "Trưởng" là người lớn, đứng đầu.

"Those who affirm themselves" refers to arts and abilities. Those who think themselves great do not become famous; it is those who think themselves inadequate and incomplete who become distinguished.

"Taking pride in yourself" means taking pride in virtue. When you take pride in virtue yourself, others detract from it, so it doesn't last long.

"On the Way" means that people who see themselves and affirm themselves, who take pride in themselves and are self-conceited, are called leftovers and abnormal growths on the Way.

"Leftovers" means uneaten food; "abnormal growths" refer to things like wens, lumps, and so on. The point is that on the Way those things are referred to contemptuously in this manner. When you see yourself and consider yourself right with pride, then knowledge and virtue become useless superfluities, which people will find ugly.

Here, "people" are referred to in relation to the leftovers and abnormal growths. To "dislike them" means to find them repulsive. "Do not stay" means not being here. So people who have the Way are claiming no knowledge or virtue or talent for themselves.

"Tự xem là phải" đề cập đến tài khéo và năng lực. Ai nghĩ mình vĩ đại sẽ không nổi tiếng; người nghĩ mình bất toàn và khiêm khuyết sẽ vang danh.

"Tự khoe công" có nghĩa tự hào về đức độ. Khi khoe khoang về đức độ của mình, người khác sẽ gièm pha, vì vậy sẽ không trường cửu.

"Đối với Đạo" có nghĩa người bằng lòng chính mình và tự xem là phải, người luôn tự khoe công, và tự khoa trương thì gọi là thức ăn dư, việc làm thừa hoặc hình thành bất thường trên đường Đạo.

"Thức ăn dư" là thực phẩm ăn rồi còn dư; "việc làm thừa hoặc hình thành bất thường" đề cập khối u, cục bướu, vân vân. Chủ ý là những việc trên đối với Đạo không được tán dương. Khi bằng lòng chính mình và tự xem là phải với lòng khoe khoang, thì trí và đức sẽ thành thừa thải vô dụng, khiến mọi người cảm thấy xấu xa.

"Mọi người" ở đây ý nói có liên quan với thức ăn dư, việc làm thừa. "Ai cũng ghét" là thấy đáng ghét. "Không làm" có nghĩa không thuộc hạng người như thế. Vì vậy, người có Đạo không cho mình là có trí sang hoặc tài năng hoặc đức hạnh.

[25]

THERE is SOMETHING,

AN UNDIFFERENTIATED WHOLE

有物混成，先天地生。寂兮，寥兮，獨立而不改，周行而不殆，可以為天地母。吾不知其名，字之曰道，強為之名曰大。大曰逝，逝曰遠，遠曰反。故道大，天大，地大，人亦大。域中有四大，而人居其一焉。人法地，地法天，天法道，道法自然。

There is something, an undifferentiated whole,
born before sky and earth,

silent and solitary, unique and unchanging,
going everywhere without danger,
thereby being a mother for the world.

I do not know its name, but label it the Way.

Imposing a name on it, I call it great.

"Great" implies travel, travel implies distance,
distance implies return.

Therefore the Way is great, the sky is great, earth
is great, and leadership is great too.

Within the realm are four greats, and leadership
is one among them.

Humans derive laws from earth, earth derives
laws from the sky, the sky derives laws from the
Way, the Way derives laws from Nature.

[25]

CÓ MỘT VẬT HỒN ĐỘN

* Hữu vật hồn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hê, liêu hê, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên địa mẫu. Ngô bất tri kì danh, tự chi viết Đạo, cưỡng vị chi danh viết đại. Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản. Có đạo đại, thiên đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kì nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.

* Có một vật hồn độn thành trước cả trời đất.

Tịch lặng và cô liêu, độc nhất và bất biến,
vận hành khắp nơi mà không nguy,
nhờ đó là Mẹ của vạn vật trong thiên hạ.

Ta không biết tên, tạm đặt là Đạo,
Gượng cho là Lớn.

Lớn thì lưu hành, lưu hành thì đi xa, đi xa thì trở
về (phản hồi).

Cho nên Đạo lớn, trời lớn, đất lớn, người cũng
lớn.

Trong vũ trụ có tứ đại mà người là một.

Người tuân theo đất, đất tuân theo trời, trời tuân
theo đạo, đạo tuân theo Tự Nhiên.

TAKUAN'S COMMENTARY

"There is something, an undifferentiated whole" means that there is something, but when you say what sort of thing it is, it cannot be named, cannot be described, cannot be indicated in any way; it is completely undifferentiated, indistinct.

"Born before sky and earth." This thing has existed since before the separation of sky and earth. "Silent and solitary" means that thing has no color, shape, or smell. It is just silent and solitary.

"Unique and unchanging." There is nothing that can be compared to this, so it is said to be unique. "Unchanging" means it does not alter.

"Going everywhere" means circulating. "Without danger" means there is nothing perilous. When people go to unsuitable places, that's dangerous. For example, if a Confucian goes where Buddhism is popular, that's a type of danger. However, the Way is not like that; though it goes everywhere and anywhere, it's not dangerous.

"A mother for the world" means a parent to all things and beings in the world. There is also some nuance in saying "mother" instead of "parent."

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Có một vật hỗn độn." là có một vật, nhưng khi nói ra là loại vật gì, không thể đặt tên, không thể diễn tả, không cách nào xác định; vật này hoàn toàn hỗn độn, không rõ ràng.

"Thành trước cả trời đất." Vật này hiện hữu từ trước khi trời và đất phân cách. "Tịch lặng và cô liêu" có nghĩa vật này không màu sắc, hình dạng, mùi vị. Vật này chỉ là tịch lặng và cô liêu.

"Độc nhất và bất biến." Không vật nào so sánh được, vì vậy độc nhất. "Bất biến" là không đổi.

"Vận hành khắp nơi" là lưu hành. "Không nguy" nghĩa là không nguy hiểm. Khi chúng ta đến một nơi không thuận lợi thì nguy hiểm. Ví dụ, nếu một nhà Nho đến một địa phương Phật giáo truyền bá phổ biến, đó là một dạng nguy hiểm. Tuy nhiên, Đạo không phải như thế; mặc dù Đạo truyền khắp nơi và bất cứ chỗ nào, vẫn không nguy hiểm.

"Mẹ của vạn vật trong thiên hạ" là bậc cha mẹ của vạn vật và chúng sanh trong thế gian. Ngoài ra nói "mẹ" thay vì "cha mẹ" thì sắc thái hơi khác.

Lao-tzu's Way is based on the Way of the Receptive and makes flexible harmonization its path, so he says "mother."²⁵ This is like when Buddhist writings say that "Faith is the foundation of the path, the mother of virtues."

"I label it the Way." When we say "Way," it seems like it has some form. But if we don't give it a name, we have no means of referring to it. This must be a substitute for the name, as a label takes the place of a name.

"I call it great" means it can only be called great, that is, vast. "Travel" means that in its immensity it can circulate everywhere; circulating everywhere, it is remote, distant. And, while remote, it returns to the origin, so it implies return. When people become free from artificiality, the unshakable stability of this basis is called successful "return."

"Therefore the Way is great" means that though people think leadership is great, sky and earth are greater, and the Way is even greater.

²⁵ This refers to the second symbol of the Chinese classic I Ching, which represents pure yin, commonly symbolized by the female gender, normally used to stand for the quality of flexibility.

Đạo của Lão Tử dựa trên Đạo Kham Nhẫn khiến nhu nhuyễn hài hòa, vì vậy Lão Tử nói "mẹ"²⁶. Cũng giống như khi kinh Phật nói rằng "Tín là nền của đạo, mẹ của đức."

"Tạm đặt là Đạo." Khi nói "Đạo," có vẻ như có hình tướng. Nhưng nếu không đặt tên thì không có cách để nói. Đây là thay cho tên, như nhãn hiệu thay thế tên gọi.

"Gượng cho là lớn" có nghĩa chỉ có thể gọi là thênh thang, rộng lớn. "Lưu hành" là trong cái thênh thang, Đạo có thể lưu hành khắp nơi; vì lưu hành khắp nơi nên Đạo xa xôi cách trở. Và, khi ở xa thì Đạo quay về cội nguồn, vì vậy ngụ ý trở về (phản hồi). Khi con người vô sự, sự ổn định bất động của nền tảng này gọi là "trở về" thành tựu.

"Cho nên Đạo lớn," nghĩa là dù thiên hạ nghĩ rằng người (lãnh đạo hoặc vua) lớn, trời và đất lớn, nhưng Đạo còn lớn hơn.

²⁶ "Mẹ" đề cập biểu tượng thứ hai của Kinh Dịch Trung Hoa, đại diện cho âm tính tinh khiết, thường được biểu trưng là giới tính nữ, hay sử dụng cho tính chất nhu nhuyễn.

"Leadership is great too" is Lao-tzu's way of going about things. Even having realized the greatness of freedom from artificiality and entered into it, this way of proceeding does not abandon the world or destroy it, so the book says leadership is great too. "Within the realm" means in the world.

"Humans derive laws from earth." Leaders are also human. So here, wherever people live, they must depend on the earth for their clothing, food, and drink. This is regarding earth as law.

"Earth derives laws from the sky." Even the earth doesn't produce anything where it is not touched by the sky's rain, dew, frost, snow, and sun, so earth has to take the sky as law.

"The sky and earth take the Way for law." As for the Way, in the sense that it is not something that adds anything artificial at all, he says the Way takes its laws from Nature.

[26]

WEIGHTINESS is THE ROOT OF LIGHTNESS

重爲輕根，靜爲躁君。是以聖人終日行不離輜重。
雖有榮觀，燕處超然。

奈何萬乘之主，而以身輕天下？輕則失根，躁則失君。

"Người cũng lớn" là cách Lão Tử ứng đối với sự vật. Ngay cả khi nhận ra sự cao vĩ của vô sự và được vô sự, phương pháp tiến hành vẫn không từ bỏ hay hủy hoại thế gian, vì vậy Đạo Đức Kinh nói người (lãnh đạo) cũng lớn. "Trong vũ trụ" là thế gian.

"Người người tuân theo luật từ đất." Nhà lãnh đạo cũng là con người. Vì vậy, ở đây, chỗ con người sinh sống, đều phải phụ thuộc vào đất để có y phục, thực phẩm, và nước uống. Đây xem đất là quy luật.

"Đất tuân theo luật từ trời." Ngay cả trái đất không sản xuất bất cứ vật gì nếu không tiếp xúc với mưa, sương, tuyết, từ trời và ánh nắng mặt trời, vì vậy đối với trái đất trời là quy luật.

"Trời và đất tuân theo đạo." Đạo, nếu hiểu là không phải điều gì thêm vào do nhân tạo thì Lão Tử nói Đạo tuân theo Tự Nhiên.

[26]

NẶNG là GỐC RỄ CỦA NHẸ

* Trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân. Thị dĩ thánh nhân chung nhật hành bất li tri 160[13] trọng. Tuy hữu vinh quan, yển xử siêu nhiên. Nại hà vạn thặng chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ? Khinh tắc thất căn, táo tắc thất quân.

Weightiness is the root of lightness, calm is the ruler of activity.

Thus princes travel all day without leaving their supply wagons.

Though they have beautiful views, they abide at peace, transcendent.

How can the master of ten thousand chariots slight the world for personal reasons?

Slightings result in loss of subjects, agitation results in loss of rulership.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Weightiness is the root of lightness" means the inner mind is serious and calm. In everything, the serious can command the frivolous, the calm can command the agitated, so these are called the "root" and the "ruler." In any case, this is said because you can't accomplish anything without being calm and serious. Weighty calm is none other than freedom from artifice.

"Supply wagons" have cargo space and are drawn by oxen, so they are called heavyweight. "Without leaving" refers to saddlebag provisions.

* Nặng là căn nguyên của nhẹ, Tĩnh là vua của động.

Cho nên thánh nhân (tức vua) suốt ngày đi không lia xe chở nặng;

Tuy xem thấy cảnh tượng sang đẹp mà lòng an tĩnh siêu vượt tất cả.

Vua một nước có vạn cỗ xe sao lại có thể lấy thân (tư riêng) mà khinh nhẹ thiên hạ?

Nhẹ thì mất gốc, loạn thì mất chủ.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Nặng là căn nguyên của nhẹ" nghĩa là nội tâm thì nghiêm túc và bình tĩnh. Trong tất cả sự việc, nghiêm túc có thể điều khiển hư vọng, bình tĩnh có thể điều khiển loạn động, vì vậy hai đức tính này được gọi là "căn nguyên" và "vua (lãnh đạo)." Trong mọi trường hợp, không thể thành tựu việc gì nếu không bình tĩnh và nghiêm túc. Bình tĩnh nghiêm túc chính là vô sự.

"Xe chở nặng" phải có chỗ trống để chuyên chở hàng hóa và do trâu bò kéo, vì vậy gọi là chở nặng. "Không lia" ý nói phụ tùng bao yên.

Even a light cavalry pursuing an enemy will inevitably get beaten if it gets separated from its supplies. In the same way, no matter how busy work may be, unless you are serious and calm it won't get done. When you remain serious and calm, work turns out well. "Thus princes travel all day without leaving their supply wagons."

"Beautiful views" means elegant vistas. To "abide at peace" is to live in contentment. "Transcendent" means going beyond. No matter what beautiful vistas they have, they don't gape at them excitedly. Transcending beautiful vistas, they think nothing of beautiful views and so do not lose their gravity and calm. As princes are this way, how can a ruler govern the world while flighty and excitable?

"Loss of subjects" means inability to command the loyalty of the world. "Loss of rulership" means losing the role of ruler.

Reference to "slighting the world for personal reasons" means it is imperative to be more serious than the world.

Ngay cả một đội kỵ binh nhẹ rượt đuổi kẻ thù sẽ không tránh khỏi bị tấn công nếu rời khỏi phụ tùng bảo vệ. Cũng thế, dù công việc bận rộn đến đâu, nếu không nghiêm túc và bình tĩnh sẽ không làm xong. Khi giữ được nghiêm túc và bình tĩnh, công việc hóa ra tốt đẹp. "Cho nên thánh nhân (tức vua) suốt ngày đi mà không lia xe chở nặng."

"Cảnh tượng sang đẹp" là khung cảnh thanh lịch. "Lòng an tĩnh" là sống trong sự hài mãn. "Siêu vượt" là qua khỏi. Dù thánh nhân có thấy cảnh đẹp đến đâu, họ vẫn không đến nỗi buột miệng tròn mắt. Siêu vượt (tức không dính mắc) cảnh đẹp, họ không móng khởi một niệm trước khung cảnh ngoạn mục và vì vậy không mất trạng nghiêm và bình tĩnh. Thái độ của thánh nhân thì như thế, làm sao nhà lãnh đạo cai trị thiên hạ lại hời hợt và dễ bị động?

"Mất gốc" là không đủ khả năng điều khiển sự trung thành của thiên hạ. "Mất chủ" là đánh mất vai trò người cai trị.

Câu "lấy thân (tư riêng) mà khinh nhẹ thiên hạ" nghĩa là bắt buộc phải nghiêm túc hơn so với thiên hạ.

"How can the master of ten thousand chariots slight the world for personal reasons?" implies disregarding oneself to lead the world.²⁷

[27]

GOOD TRAVEL HAS NO RUTS OR TRACKS

善行無轍跡,善言無瑕謫,善數不用籌策,善關鍵而不可開,善結無繩約而不可解.是以聖人常救人,故無棄人;常善救物,故無棄物.是謂襲明.故善人者,不善人之師;不善人者,善人之資.不貴其師不愛其資,雖智大迷.是謂要妙.

Good travel has no ruts or tracks,
good speech has no flaws or faults,
good planning doesn't use calculation;
what is well closed has no key but cannot be opened,
what is well bound has no bonds but cannot be released.

²⁷ Takuan prefaces his commentary, "This chapter is easy to interpret in itself, but the commentaries are extremely distorted, so that it turns out the concluding lines are hard to see." The record of his own reading is confused at the end mainly because of a grammatical problem in the transformation of Chinese to Japanese syntax, something that is not uncommon in Japanese readings of Chinese texts. The notion of leadership being "more serious than the world" can be reconciled with the notion of "disregarding oneself to lead the world," if being more serious than the world is taken to mean being more serious about the world than personal interest in the world.

"Vua một nước có vạn cỗ xe sao lại có thể lấy thân (tư riêng) mà khinh nhẹ thiên hạ" ngụ ý phải xem nhẹ mình để cai trị thiên hạ.²⁸

[27]

KHÉO ĐI THÌ KHÔNG ĐỂ LẠI DẤU XE

* Thiện hành vô triệt tích, thiện ngôn vô hà trích, thiện số bất dụng trừ sách, thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai, thiện kết vô thăng ước nhi bất khả giải. Thị dĩ thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật, thị vị tập minh. Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư; bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tư. Bất qui kì sư, bất ái kì tư, tuy trí đại mê. Thị vị yếu diệu.

* Khéo đi thì không để lại dấu vết; khéo nói thì không khuyết điểm làm lỗi; khéo tính thì không dùng bàn toán; khéo đóng thì không cần khoá mà mở không được; khéo buộc thì không dùng dây mà tháo không được.

²⁸ Trong phần Trạch Am mở đầu lời bình: "Chương này dễ lý giải, nhưng lời bình rất biến dạng, khiến kết luận khó hiểu." Ngữ lục của ngài đoạn cuối không rõ do vấn đề ngữ pháp trong việc chuyển ngữ chữ Nho sang chữ Nhật, do văn phong không phổ biến. Khái niệm về lãnh đạo phải "nghiêm túc hơn so với thiên hạ" có thể thích hợp với khái niệm "xem nhẹ mình để cai trị thiên hạ," nếu nghiêm túc hơn so với thiên hạ nghĩa là nghiêm túc đối với việc thiên hạ hơn là quyền lợi cá nhân.

Thus sages are always good at saving people, so no one is abandoned.

They are always good at saving things, so nothing is abandoned.

This is called concealing understanding.

Therefore good people are teachers of people who are not good;

people who are not good are assistants of good people.

Without respecting the teachers, without cherishing the assistants, even knowledge is great confusion; this is called blocking subtlety.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Good travel" means being able to go anywhere. "No tracks" implies no trail is needed. This means cart and horse are not needed. It is only for physical travel that cart and horse are needed. Those who travel by the uncontrived Way can reach anywhere without traveling bodily, so cart and horse are not needed.

"Flaws" are flaws in gems, "faults" are reprehensible things. These flaws and faults are due to flapping your lips. Those who speak well can explain without using mouth and tongue; because they don't explain vocally, they don't misspeak, and so they say nothing blameworthy.

Cho nên thánh nhân khéo cứu người nên không ai bị bỏ;

thường khéo cứu vật, nên không vật nào bị bỏ.

Gọi là che giấu hiểu biết.

Cho nên người thiện là thầy người không thiện; người không thiện là người phụ tá người thiện.

Không trọng thầy, không thương người phụ tá thì dù hiểu biết cũng là mê lầm lớn. Thế gọi là ngăn chặn sự vi diệu thiết yếu.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Khéo đi" là có thể đi bất cứ nơi nào. "Không để lại dấu vết" ngụ ý không cần dấu vết, có nghĩa xe và ngựa đều không cần. Xe và ngựa chỉ cần cho di chuyển về vật chất. Người đi bằng Đạo vô vi có thể đến bất cứ nơi nào mà không đi với thân, do đó không cần xe và ngựa.

"Khuyết điểm" giống như lỗ hổng trong đá quý, "lỗi lầm" là điều đáng trách. Những khuyết điểm lầm lỗi là do khoa môi múa mép. Người nói hay có thể diễn giải mà không dùng miệng lưỡi; vì không giải thích bằng lời nói, sẽ không khuyết điểm, và do đó, không lầm lỗi đáng trách.

"Closing" means shutting, concealing. For example, when you hide money and jewels, no matter how securely you lock them up, they can be broken into and taken. Those who hide them skillfully don't let anyone know where they put them, so there's no need for lock and key, as there's no way to break in and take them.

"Bound" means tied up tightly. This refers to things like contracts with others, or promises. "Bonds" are ties.

The foregoing are all metaphors. Lao-tzu's meaning here is that those who have become free from artifice do not depend on anything among the traces of form, like not needing tracks, flaws, calculations, keys, or bonds.

"Thus . . ." having become free from contrivance this way, one does not grasp that or reject this, so there is no abandoning people either.

"Concealing understanding" means that distinguishing good and bad is so-called understanding. Being as if not knowing good and bad, not distinguishing good and bad, is therefore called "concealing understanding."

"Đóng" là khép, giấu. Ví dụ, khi giấu tiền và nữ trang, cho dù khóa kín an toàn đến đâu, đồ vật vẫn có thể gãy bể và bị lấy cắp. Người giấu đồ vật khéo léo sẽ không để ai biết cất ở đâu, do đó không cần khóa và chìa khóa, vì không cách nào phá vỡ và lấy cắp.

"Buộc" là trói chặt, đề cập sự việc như kết giao với người khác, hoặc hứa hẹn. "Buộc" là trói.

Trên đây đều là ẩn dụ. Ý Lão Tử ở đây là người vô sự không lệ thuộc vào bất cứ điều gì thuộc về hình tướng, dấu vết, khuyết điểm, tính toán, chìa khóa, hoặc trói buộc.

"Cho nên ..." đã vô vi như thế, chớ chấp dính hay trừ bỏ, vì vậy không ai bị bỏ.

"Che giấu hiểu biết" ý nói phân biệt tốt và xấu gọi là hiểu biết. Như thế không biết tốt xấu, không phân biệt tốt xấu, thế ấy gọi là "che giấu hiểu biết."

"People who are not good are assistants of good people" means that when interacting with people who are not good, they become like them. Because they enable us to understand that bad people are bad and hard to deal with, they are called "assistants."

"Without respecting the teachers, without cherishing the assistants" means you should respect teachers and care about assistants. To do otherwise is great confusion.

As for "blocking subtly," "blocking" means obstructing, obscuring, choking off. This world being what it is, it is to be expected that there is good and there is bad too. Not to abandon them but to make use of them is called subtle function. To discriminate, despise, and reject is called blocking or choking off subtle function.

[28]

KNOWING THE MALE

知其雄，守其雌，爲天下谿；爲天下谿，常德不離，復歸於嬰兒。知其白，守其黑，爲天下式；爲天下式，常德不忒，復歸於無極。知其榮，守其辱，爲天下谷；爲天下谷，常德乃足，復歸於樸。樸散則爲器，聖人用之，則爲官長，故大制十不割。

"Người không thiện là người phụ tá cho người thiện" nghĩa là khi tương giao với những người không tốt, họ sẽ thành giống vậy. Bởi vì không biết người xấu là xấu và khó ứng xử, nên gọi là "người phụ tá."

"Không trọng thầy, không thương người phụ tá nghĩa là nên tôn trọng thầy và quan tâm đến người cộng tác. Làm ngược lại là mê lầm rất lớn.

Câu "ngăn chặn sự vi diệu thiết yếu," "ngăn chặn" là cản trở, che khuất, dập tắt. Thế gian như thị, có tốt và cũng có xấu. Không phải trừ bỏ, mà sử dụng gọi là hoạt dụng yếu diệu. Phân biệt, xem thường, và đoạn trừ gọi là ngăn chặn hoặc dập tắt hoạt dụng vi diệu thiết yếu.

[28]

BIẾT TRÔNG (NAM TÍNH)

* Tri kì hùng, thủ kì thụ, vi thiên hạ Khê; vi thiên hạ Khê, thường đức bất li, phục qui ư anh nhi.

Tri kì bạch, thủ kì hắc, vi thiên hạ thức; vi thiên hạ thức, thường đức bất thối, phục qui ư vô cực.

Tri kì vinh, thủ kì nhục, vi thiên hạ cốc; vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc, phục qui ư phác. Phác tán tắc vi khí, thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trưởng, cố đại chế thập bất cắt.

Knowing the male, keep the female, to be a valley stream for the world.

Being a valley stream to the world, constant virtue inseparable, you return to the state of the infant.

Knowing the white, keep the black, to be a model for the world.

Being a model for the world, constant virtue unchanging, you return to infinity.

Knowing the glorious, keep the ignominious, as a valley for the world, and constant virtue is sufficient, and you return to the state of unworked wood.

When unworked wood is split up, it is made into utensils; when sages use it, they become chiefs of office. So a big chop doesn't splinter.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Knowing the male, keep the female" means you don't show your strength just because you're strong. Even though strong, you keep flexible and yielding.

A "valley stream" is a watercourse through the mountains. It is where the water of two mountains comes down. This means being a resort for the world.

* Biết như con trống (nam tính), giữ như con mái (nữ tính), làm khe nước cho thiên hạ.

Làm khe nước cho thiên hạ, không lìa thường đức, sẽ trở về hạnh anh nhi.

Biết trắng, giữ đen, làm mô thức cho thiên hạ; làm mô thức cho thiên hạ thì thường đức sẽ không biến đổi mà trở về với vô cực.

Biết vinh, giữ nhục, làm hang sâu cho thiên hạ; làm hang sâu cho thiên hạ thì thường đức mới đầy đủ, mà trở về chất phác mộc mạc như gỗ chưa đẽo.

Gỗ chưa đẽo, xẻ ra thành đồ dùng; khi thánh nhân dùng người như thế thì phong làm quan trưởng, cho nên người giỏi trị nước không chia cắt chi li.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Biết như con trống (nam tính), giữ như con mái (nữ tính)" nghĩa là không tỏ lộ sức mạnh chỉ vì mình cường tráng. Dù cường tráng, vẫn giữ nhu nhuyễn và khiêm nhường.

"Khe nước" là dòng nước chảy xuống giữa hai ngọn núi, nghĩa là khu vực thiên hạ nghỉ dưỡng.

"Constant virtue inseparable" means not losing the virtue of normalcy.

"You return to the state of the infant" means going back to the essence of infancy, being like an infant. It is going along with others, but like an infant not being useful. Even while going along with others like an infant, you don't lose the Way or virtue. That is why it says, "constant virtue inseparable."

"Knowing the white, keep the black" means because of clear recognition you stay in the dark. It means remaining ignorant. But being in the dark is not itself enough to be a "model for the world"; being intelligent and aware and yet remaining ignorant is like the example of the ancient sage-king Shun being fond of asking questions.

"Infinity" means ultimate nothingness.

"Knowing the glorious, keep the ignominious" means though wealthy and noble, remaining poor and humble. It means not showing off to others, not being proud of yourself, having no arrogance or conceit at all.

A "valley" represents where everyone in the world returns. "Sufficient" refers to those who have returned to the state of unworked wood.

"Không lia thường đức" là không làm mất đi đức hạnh của tâm bình thường.

"Trở về hạnh anh nhi" là trở về bản chất trẻ thơ, là giống như đứa trẻ. Hạnh anh nhi đồng hành với những người khác, nhưng giống như trẻ nhỏ không hữu dụng. Ngay cả khi đồng hành với người khác như một đứa trẻ, vẫn không mất Đạo hay đức. Đó là lý do tại sao nó nói, "Không lia thường đức."

"Biết trắng, giữ đen" là vì nhận biết rõ ràng mình đang trong bóng tối, tức còn ngu muội. Nhưng trong bóng tối ngu muội thì không tự mình đủ sức để "làm mô thức cho thiên hạ"; có thông minh và hiểu biết nhưng còn mê muội giống như tích vị thánh nhân thời xưa—vua Thuần ưa thích hỏi han.

"Vô cực" là hư vô cùng cực.

"Biết vinh, giữ nhục" có nghĩa mặc dù giàu có và cao quý, vẫn giữ hạnh thanh bần và khiêm tốn, tức là không khoe khoang với người khác, không tự hào, kiêu căng hoặc ngạo mạn.

"Hang sâu" tiêu biểu chỗ thiên hạ quay về. "Đầy đủ" nói đến người đã trở về trạng thái mộc mạc như gỗ chưa đẽo.

"Unworked wood" means simplicity, plainness.

"When unworked wood is split up, it is made into utensils." Because utensils are things made by cutting up raw wood, their basic element is wood. So too of humans: when they go back to the basic like that and act from there, everything works out fine.

"Use it" means using the basic "unworked wood," being humble and not affected.

"Chiefs of office" stand above other people. The idea is that while sages stand above others, they do not put on lofty airs.

"A big chop doesn't splinter" means that magnanimous judgment does not make petty distinctions of good and bad, but just judges by the basics.

[29]

THOSE WHO WOULD WANT TO TAKE THE
WORLD

將欲取天下而爲之，吾見其不得已。天下神器，不可爲也，不可執也。爲者敗之，執者失之。

故物或行或隨，或歔或吹，或強或羸，或挫或隳。
是以聖人去甚，去奢，去泰。

"Gỗ chưa đẽo" nghĩa là giản dị, chất phác.

"Gỗ chưa đẽo, xẻ ra thành đồ dùng." Bởi vì đồ dùng là vật dụng làm ra bằng cách đẽo gọt gỗ thô, chất liệu gốc là gỗ. Cũng vậy đối với con người: khi trở về căn bản như thế và từ đó hành động, mọi việc sẽ tốt đẹp.

"Dùng" là sử dụng "gỗ chưa đẽo," tức là khiêm tốn và không bị ảnh hưởng.

Bậc "quan trưởng" đứng trên người. Ý nói khi đứng trên người, thánh nhân không tỏ vẻ cao ngạo.

"Người giỏi trị nước không chia cắt chi li" có nghĩa phê phán thì rộng lượng không phân biệt nhỏ mọn giữa tốt và xấu, nhưng chỉ phê bình điều cơ bản.

[29]

MUÓN TRỊ THIÊN HẠ

* Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kì bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã, bất khả chấp dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.

Cố vật hoặc hành hoặc tùy, hoặc hư hoặc xuy, hoặc cường hoặc luy, hoặc toả 161[14] hoặc huy. Thị dĩ thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

Those who would want to take the world and contrive to do it, I see that they simply cannot.

For the sacred vessel of the world, artifice will not do. Those who contrive spoil it, those who grasp lose it.

Of all beings, some go, some follow; some puff, some blow; some are strong, some weak; some are supported, some collapse.

Therefore sages avoid extremes, avoid extravagance, avoid arrogance.

TAKUAN'S COMMENTARY

As Lao-tzu's time was one of chaos and civil war contending for the land, this chapter too appears to have been spoken in reference to that.

To "contrive to do it" means doing all sorts of things trying to take the world, having all sorts of preoccupations. This is very much at odds with Lao-tzu's freedom from contrivance.

"I see that they simply cannot." "Simply" means that we don't see anyone who ever succeeded in taking the world by contriving to get it; we only see those who didn't get it.

Muốn nắm thiên hạ mà mưu sự để làm ta thấy tất không được.

Thiên hạ là khí cụ thần linh, không làm theo ý mình được. [Không chấp giữ được]. Hễ làm thì hỏng, hễ giữ thì mất.

Cho nên, chúng sinh hoặc đi, hoặc theo, hoặc phun (cho ẩm), hoặc thổi, (cho nguội), hoặc mạnh, hoặc yếu, hoặc che, hoặc phá.

Cho nên thánh nhân tránh thái cực, tránh hoang phí, kiêu ngạo.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Thời đại Lão Tử đất nước thì hỗn loạn và chiến tranh giành lãnh thổ, chương này có đề cập.

"Mưu sự để làm" là làm tất cả việc cố gắng để trị thiên hạ, với bao mối bận tâm đủ loại. Đây là mâu thuẫn rất lớn đối với tính vô vi vô sự của đạo Lão.

"Ta thấy tất không được." "Tất" có nghĩa chưa bao giờ chúng ta thấy có ai nắm thiên hạ thành công bằng cách mưu sự để được; chỉ thấy họ thất bại.

"The sacred vessel of the world" means that the world is not a human implement, it is an implement of the spirits. "Sacred vessel" is like saying everything in the world. "Artifice will not do" refers to making all sorts of adjustments.

"Those who contrive . . ." means those who contrive to take invariably fail, those who grasp invariably lose. The idea here is that the world is won naturally without taking, and works naturally without contrivance.

In China, the First Emperor of Ch'in and Emperor Wen of Sui are examples of failing by contrivance, losing by grabbing.²⁹ In Japan too, characters like Nobunaga and Shingen were all cases of this.³⁰

²⁹ The First Emperor of China originally united Ch'in and expanded it into an empire in the third century B.C.E. Emperor Wen of the Sui dynasty reunited China in the late sixth century C.E. after it had been divided by conquest for hundreds of years. In both cases the wealth amassed by centralization was squandered by successors on further military ambition, resulting in the early demise of both dynasties.

³⁰ Nobunaga was a warlord who tried to unite Japan in the late sixteenth century C.E. He was particularly fierce in his attempt to destroy Buddhism as a social and political influence, burning down monasteries and killing monks. In the end he was defeated and forced to commit suicide. Shingen was another warlord of the sixteenth century, very famous for having been undefeated in combat throughout his career. Controversy surrounds his death, the exact circumstances of which are uncertain, but Takuan may be referring to a story that Shingen was assassinated by a member or members of his own camp, who feared he was losing his warrior's edge after he took to a luxurious lifestyle in the manner of the aristocrats of old.

"Thiên hạ là khí cụ thần linh" nghĩa là thiên hạ không phải dụng cụ nhân tính, mà là khí cụ tâm linh. "Khí cụ thần linh" cũng giống tất cả sự vật trên thế gian. "Không làm theo ý mình được" nói đến những việc điều chỉnh đủ loại.

"Hễ làm thì..." có nghĩa người mưu sự để làm thì luôn thất bại, người nắm giữ thì luôn thua mất. Ý ở đây là được thiên hạ phải để tự nhiên không cần tranh đoạt, và sẽ thành tựu tự nhiên vô vi.

Ở Trung Hoa, hoàng đế đầu tiên nhà Tần là Tần Thủy Hoàng và Tùy Văn Đế là ví dụ về thất bại do mưu sự, thua mất vì nắm giữ.³¹ Ở Nhật Bản cũng vậy, nhân vật Nobunaga và Shingen thuộc trường hợp này.³²

³¹ Hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc (là Tần Thủy Hoàng) ban đầu thống nhất nhà Tần và mở rộng thành đế chế trong thế kỷ thứ ba trước C.N. Tùy Văn đế thống nhất Trung Quốc cuối thế kỷ thứ sáu sau khi đất nước chia vì chinh chiến hàng trăm năm. Trong cả hai trường hợp, sự giàu có tích lũy tập trung bị những người kế nhiệm có nhiều tham vọng quân sự lãng phí, đã dẫn đến sụp đổ đầu tiên của cả hai triều đại.

³² Nobunaga là vị lãnh chúa đã cố gắng thống nhất Nhật Bản vào cuối thế kỷ thứ mười sáu C.E. Ông nỗ lực khắc liệt tiêu diệt Phật giáo như là một ảnh hưởng xã hội và chính trị, đốt phá tu viện và giết chết sư tăng. Cuối cùng ông bị đánh bại và buộc phải tự tử. Shingen cũng là một lãnh chúa của thế kỷ thứ mười sáu, rất nổi tiếng vì chiến đấu bất bại suốt sự nghiệp của mình. Tranh cãi xung quanh cái chết của ông, những tình cảnh chính xác trong đó không chắc chắn, nhưng Trạch Am có thể đề cập đến một câu chuyện mà Shingen bị một thành viên trong cánh quân mình ám sát, vì sợ mất đi lợi thế chiến binh của mình sau khi theo lối sống sang trọng kiểu quý tộc thời xưa.

"Some go . . ." While there are those who go away and leave, there are those who obey and follow. From here on the sense is that the beings in the world are manifold and various. "Go" means to turn away and leave; "follow" means to conform and come along, to follow admiringly.

"Puffing" is breathing out gently, "blowing" is expelling breath forcefully. "Some puff, some blow" means that there are those who brag and those who boast. There are those who are strong, as well as those who are tired and weak. Some things succeed, and some fail.

"Extremes" refers to extremes in anything; anything odd or weird. Sages defer to nature without contrivance, so they have no such quirks. So it says they "avoid" them.

"Extravagance" is pride in material wealth; "avoiding extravagance" means being frugal in all things. "Avoiding arrogance" means being deferential. "Arrogance" means insolence, haughtiness, imperiousness.

"Hoặc đi..." Trong khi có người ra đi và bỏ cuộc, có người vâng thuận và tuân theo. Từ đây có nghĩa chúng sanh trong thế giới rất đa dạng và khác nhau. "Đi" là bỏ đi và lìa xa; "theo" là phù hợp và đồng hành, vâng theo vì ngưỡng mộ.

"Phun" là thổi ra nhẹ nhàng, "thổi" là thổi ra mạnh. "Hoặc phun, hoặc thổi" ám chỉ có người khoe khoang và có người tự hào. Có người cường tráng, có người mệt yếu. Có việc thành, có việc bại.

"Thái cực" là cực đoan đối với bất cứ điều gì; bất cứ thứ gì kỳ dị hay lạ lùng. Thánh nhân thuận tình với thiên nhiên mà vô vi, vì vậy không mưu mẹo kỳ quặc như vậy. Do đó, nói rằng thánh nhân "tránh" những việc trên.

"Hoang phí" là tự hào giàu có vật chất; "Tránh hoang phí" là thanh đạm trong mọi việc. "Tránh kiêu ngạo" là biết tôn kính. "Kiêu ngạo" có nghĩa xác xược, ngạo mạn, hách dịch.

[30]

THOSE WHO ASSIST HUMAN RULERS BY
MEANS OF THE WAY

以道佐人主者，不以兵強天下。其事好還。師之所處，
荊棘生焉。大軍之後，必有凶年。善者果而已，不敢以取強。
果而勿矜，果而勿伐，果而勿驕，果而不得已，果而勿強。
物壯則老，是謂不道，不道早已。

Those who assist human rulers by means of the
Way do not coerce the world with weapons. In that
business, it is good to go back home.

Where an army camps, brambles grow; after a
major war, there are always bad years.

Therefore the good are efficient, that's all; they
don't presume to use it to grab power.

Be efficient without conceit, efficient without
pride, efficient without indulgence, efficient when
necessary, efficient without forcing.

When beings reach maturity, they age. This they
say is not the Way. What is not the Way is to be
stopped early.

[30]

NGƯỜI GIỮ ĐẠO PHÒ VUA

* Dĩ đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường
(cưỡng) thiên hạ. Kỳ sự hảo hoàn. Sư chi sở xử, kinh
cức sanh yên. Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên.
Thiện giả quả nhi dĩ, bất cảm dĩ thủ cường. Quả nhi
vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu, quả nhi
bất đắc dĩ, quả nhi vật cường (cưỡng). Vật tráng tắc
lão, thị vị bất đạo, bất đạo tảo dĩ.

* Người giữ đạo phò vua thì không dùng binh
lực cưỡng ép thiên hạ. Theo cách này tốt hơn nên
quay trở về.

Binh đóng ở đâu, gai góc mọc đầy. Sau cuộc
chiến lớn, Nhiều năm mất mùa.

Khéo dùng binh có hiệu quả, đạt mục đích thì
thôi, không dám ý mạnh.

Thắng mà không tự phụ, Thắng mà không tự
hào, Thắng mà không tự mãn, Thắng mà bất đắc dĩ,
Thắng mà không cưỡng ép.

Vật tráng kiện ắt già, Ấy là Trái Đạo. Trái Đạo
thì mất sớm.

TAKUAN'S COMMENTARY

The preceding chapter spoke about rulers; this chapter talks about ministers, officials, strategists, and so on. "Do not coerce the world with weapons" means they don't fortify military strength to challenge the world.

"That business" means that manner of action. To "go back home" means to set off to return home. For example, when you kill a lot of people, you may have gained a victory, but your heirs won't last long. When you take a lot of territory from others, your own clan eventually perishes. Therefore people with the Way, knowing this, are able to go back home, and so do not destroy others' nations and do not kill lots of people.

An example of this is Tokugawa Ieyasu. Whereas half the land was against him at the battle of Sekigahara, after unification when everyone surrendered he granted amnesty, and executed no more than four or five men.

"Where an army camps" offers evidence of how bad it is to overpower the world with arms.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Các chương trước đã nói về người cai trị; Chương này nói về những bộ trưởng, quan chức, nhà chiến lược, vân vân. "Không dùng binh lực cưỡng ép thiên hạ" nghĩa là không củng cố sức mạnh quân sự để thách thức thiên hạ.

"Theo cách này" là cách thức hành động. "Quay trở về" là lên đường về nhà. Ví dụ, khi chém giết nhiều người, có thể giành chiến thắng, nhưng những người kế thừa không tồn tại dài lâu. Khi đánh chiếm lãnh thổ người khác, gia tộc của mình cuối cùng sẽ chết. Vì vậy người học Đạo, rõ biết như thế, có thể trở về nhà, và do đó không hủy diệt quốc gia khác và không sát sanh nhiều.

Một ví dụ cho việc này là lãnh chúa Tokugawa Ieyasu. Thời kỳ một nửa lãnh thổ chống lại ông ở trận chiến Sekigahara, sau khi thống nhất mọi người đầu hàng, ông ban hành ân xá, và xử tử không quá bốn hoặc năm người.

"Quân đội đóng ở đâu" là bằng chứng khi áp đảo thiên hạ bằng binh lực sẽ xấu tệ thế nào.

"Where an army camps" means where a military encampment has been for a long time, it ruins the cultivated fields, so they become overgrown with brushes and brambles, and turn into wasteland. This is because when an encampment is there for a long time, there is no planting or plowing.

"After a major war" means after mass human death; "bad years" means famines, epidemics, and the like. These all come about through accumulation of human enmity.

"The good are efficient" means that good people resolve things early. King Wu of Chou warred with King Chou just once.³³ For this reason, he naturally killed few people, and didn't destroy the fields. So the good resolve things early; efficiency means resolving things soon.

"They don't presume to use it to grab power" means they don't grab and exploit military power.

³³ King Wu of Chou was one of the founders of the ancient Chinese Chou (Zhou) dynasty, which supplanted the preceding Shang dynasty in the late second millennium B.C.E. King Chou (Zhou) was the last king of the Shang dynasty, who is portrayed as having been impossibly corrupt, precipitating a revolt of an alliance of subordinate states and tribes led by King Wu of Chou.

"Quân đội đóng ở đâu" nghĩa là nơi một trại binh đóng quân thời gian dài, sẽ tàn phá đất đai canh tác, khiến lùm bụi gai góc mọc đầy, và biến thành đất hoang. Sở dĩ như thế vì khi có trại binh đóng quá lâu, không thể trồng trọt hay cày bừa được.

"Sau cuộc chiến lớn," nghĩa là sau khi người chết hàng loạt; "nhiều năm mất mùa" là nạn đói, bệnh dịch, và tương tự. Những sự kiện trên đều là hậu quả lòng thù hận tích lũy của con người.

"Khéo dùng binh có hiệu quả" là người tốt giải quyết mọi việc nhanh chóng. Vua Vũ Vương nhà Châu giao chiến với vua Trụ chỉ một lần.³⁴ Như thế, dĩ nhiên ông giết ít người, và không hủy hoại ruộng đất. Vì vậy, người tốt giải quyết mọi việc nhanh chóng; hiệu quả nghĩa là sớm giải quyết mọi việc.

"Không dám ỷ mạnh" là họ không sử dụng và khai thác sức mạnh quân sự.

³⁴ Vua Vũ Vương nhà Châu là một trong những người sáng lập của Trung Quốc triều đại cổ xưa, mà thay thế trước đó triều đại nhà Thương trong thiên niên kỷ thứ hai cuối B.C.E. Vua Trụ (Châu) là vị vua cuối cùng của triều đại nhà Thương, được mô tả như là được thì không thể tham nhũng, kết tủa một cuộc nổi dậy của một liên minh của các quốc gia trực thuộc và các bộ tộc do vua Vũ Vương của nhà Châu.

King Wu's acquisition of the realm, for example, was from the beginning never greed for land. He took it when the other [King Chou] had destroyed himself by extreme malfeasance, and therefore he didn't need power and didn't waste time. Even a gourd is hard to pick when it's unripe. When it ripens fully, it pops off the vine without requiring any trouble or time.

"Be efficient without conceit" means don't get conceited from confidence in your own military strength. "Pride" is conceit over one's achievement. It is embellishing upon achievements.

"Indulgence" is being willful and whimsical.

"When necessary" means it's better to act only on the basis of imperative necessity.

"Without conceit" onward repeats the same thing in different words, as a warning.

"Age" implies decline. "What is not the Way is to be stopped early" means that ways of doing things that are not the Way should be stopped earlier rather than later. Stop them immediately, this very day, right now!

Ví dụ vua Vũ Vương thâm đạt vương quốc, ngay từ đầu không bao giờ tham lam đất đai. Vua chiếm đất khi người khác [vua Trụ] tự hủy hoại mình qua hành động hung ác cực đoan, và do đó vua không cần sức mạnh và không lãng phí thời gian. Ngay cả một trái bầu cũng khó chọn lựa khi chưa chín. Khi thật chín, trái bầu sẽ bật ra khỏi dàn giây không phải khó khăn hoặc chờ lâu.

"Thắng mà không tự phụ" là không kiêu ngạo vì tin chắc vào sức mạnh binh lực của mình. "Tự hào" là ngã mạn trên thành tích của mình. Thành tích tô điểm lòng tự hào.

"Tự mãn" vì bướng bỉnh và hay thay đổi.

"Bất đắc dĩ" có nghĩa tốt nhất là hành động chỉ vì cần thiết cấp bách.

"Không tự phụ" lặp đi lặp lại tính chất giống nhau với chữ khác nhau để cảnh báo.

"Già" ngụ ý suy thoái "Trái Đạo thì mất sớm" nghĩa là vì phương thức xử sự kể trên không phải Đạo nên phải dừng sớm kẻo muộn. Ngăn chặn những hành vi này lập tức, hôm nay, ngay bây giờ!

[31]

THOSE WHO WANT WAR

夫佳兵者,不祥之器.物或惡之,故有道者不處.

君子居則貴左, 用兵則貴右.

兵者不祥之器,非君子之器,不得已而用之,恬淡爲上.勝而不美,而美之者,是樂殺人.夫樂殺人者,則得志於天下矣.吉事尚左,凶事尚右.偏將軍居左,上將軍居右,言以喪禮處之.殺人之眾,以悲哀泣之,戰勝以喪禮處之.

Those who want war are instruments of ill omen; people hate them, so those who have the Way do not deal with them.

Thus princes normally value the left, and when at war value the right.

Weapons are instruments of ill omen, not tools of true leaders, who use them only when unavoidable. To be disinterested is best, winning without praising it. For praising it means enjoying killing people.

Those who enjoy killing people cannot get their will in the world. So for felicitous things the left is preferred, for unlucky things the right is preferred.

[31]

NGƯỜI THÍCH CHIẾN TRANH

* Phù giai binh giả, bất tường chi khí. Vật hoặc ô chi, cô hữu đạo giả bất xử. Quân tử cư tắc quý tả, dụng binh tắc quý hữu; [Binh giả bất tường chi khí, phi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi, điềm đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả đắc chí ư thiên hạ hĩ]. Cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu. Thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu, ngôn dĩ tang lễ xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ bi ai khắp chi, chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.

*Ai muốn chiến tranh sẽ là binh khí của việc bất tường (gây họa), thiên hạ đều ghét họ nên người giữ đạo không dùng họ.

Quân tử thường thì trọng bên trái, dụng binh thì quý bên phải.

Binh khí là việc chẳng lành,

Không phải đồ dùng của người quân tử. bất đắc dĩ phải dùng đến, Điềm đạm là hơn. Thắng trận, mà không khen ngợi. Vì khen ngợi là vui giết người,

Phàm vui giết người, không thể vừa ý muốn thiên hạ. Do đó, việc lành thì trọng bên trái, việc dữ thì trong bên phải.

For this reason the assistant commander is on the left, while the top commander is on the right.

This means when in a position of superior power, occupy it mourning.

The people killed are multitudes; weep for them sadly. When you win a war, mourn for it.

TAKUAN'S COMMENTARY

This chapter is also about people in the role of military command. "Those who want war" refers to people who avidly employ or direct armed forces. "Ill omen" is misfortune. They are misfortunes for nations. "People hate them" because they always use disgustingly brutal methods; both their enemies and the majority of people hate them. Not only that, because they like to go to war, even their allies hate them.

"Do not deal with them" means not occupying that position. Taoist dislike for three generations in a family becoming generals is the same idea.

"Normally" means in everyday life, ordinarily. To "value the left" means to make the left the first seat. From "value the right" to "for praising" is one continuum. Since it speaks of "weapons," it repeats the beginning.

Phó tướng ở bên trái, thượng tướng ở bên phải,
Có nghĩa khi quyền lực ở địa vị cao nên xem là
chỗ đứng trong tang lễ.

Nhiều người bị giết hại nên lấy lòng bi ai mà
khóc; chiến thắng thì nên lấy lễ tang mà xử.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Chương này cũng nói về con người trong vai trò
chỉ huy quân sự. "Ai muốn chiến tranh" nói đến
những người say mê sử dụng hoặc chỉ huy binh lực.
"Bất tường" là bất hạnh. Họ là người bất hạnh đối với
đất nước. "Thiên hạ đều ghét họ" bởi vì họ luôn luôn
sử dụng các phương pháp tàn bạo thật ghê tởm; kẻ thù
của họ và mọi người đều ghét họ. Không chỉ có vậy,
vì họ muốn tiến đến chiến tranh, ngay cả đồng minh
của họ cũng ghét họ.

"Không dung họ" là không chiếm dụng vị trí
này. Môn hạ Đạo giáo không thích gia đình nào có ba
thế hệ làm tướng là ý nghĩa trên.

"Thường" là trong cuộc sống hằng ngày, thông
thường. "Trọng bên trái" là chọn ngôi ghế trái ưu tiên.
Từ "quí bên phải" đến "khen ngợi" là một mạch liên
tục. Vì nói về "binh khí," nên lặp lại lúc đầu.

The idea is that it is not only those who like to make war, that is, those who act in the role of commander, who are of ill omen; even the instruments called weapons become implements of misfortune. They are not the tools of true leaders.

"Disinterested" means having no greed, being unaffected. Having no greed, one becomes disinterested.

"Cannot get their will" means they won't attain their ambition and establish great success.

From "So" on reiterates the foregoing. "Felicitous things" are things like celebrations. "The left is preferred" means the left is made the first place, as before.

An "assistant commander" is a supporting role, such as a forward commander. To be "on the left" means to be on the left in the advance.

The "top commander" is the supreme commander. He is "on the right"; the right is behind. In the army, the left is forward, the right to the rear. The point is that this is so in contrast to ordinary manners, where the top commander would be on the left and the assistant commander would be on the right.

Ý là không phải chỉ có những người muốn gây chiến, mà có những người hành động trong vai trò chỉ huy, người của điềm bất tường; ngay cả công cụ gọi là binh khí trở thành dụng cụ của sự bất hạnh. Đó không phải là công cụ của người lãnh đạo chân chính.

"Điềm đạm" là không tham, không bị ảnh hưởng. Không tham, người sẽ vô tư.

"Không thể vừa ý muốn thiên hạ" có nghĩa họ sẽ không đạt được tham vọng và thành công lớn lao.

"Do đó," nhắc lại những điều trên. "Việc lành" là những việc vui mừng như lễ lộc. "Trọng bên trái" là ưu tiên cho bên trái, như đã nói.

"Phó tướng" là vai phụ, như một chỉ huy tiên phong. Ở "bên trái" là cánh bên trái tiên quân trước.

"Thượng tướng" là chỉ huy trưởng cao tột. Vị này "ở bên phải"; cánh quân bên phải thì ở phía sau. Trong quân đội, bên trái tiến trước, bên phải hậu cần. Chỗ này rất trái ngược với cách cư xử thông thường, thượng tướng ở bên trái và phó tướng ở bên phải.

"This means when in a position of superior power . . ." In terms of being in a superior position, the right is preferred as in rites of mourning. It is in mourning that the right becomes valued. The point is to call attention to the fact that war is not an auspicious thing, it is a very bad thing!

"People killed . . . sadly." When many of your allies have died, of course you grieve; but it seems that there also used to be rites of mourning even for enemies after the slaughter of a massive victory.

"When you win a war . . ." This should be read as if it said "this war." Because of killing so many people, you weep sadly. The point is that when you've seen this, even when there's victory in war you mourn for it.

[32]

THE CONSTANT OF THE WAY is NAMELESS

道常無名，樸，雖小，天下莫能臣也。王侯若能守之，萬物將自賓。天地相合，以降甘露，民莫之令而自均。始制有名，名亦既有，夫亦將知止。知所止所以不殆。譬道之在天下，猶川谷之與江海。

"Có nghĩa khi quyền lực ở địa vị cao nên xem là chỗ đứng trong tang lễ...." Vị trí cao thì bên phải được chọn như trong nghi thức lễ tang. Lễ tang thì trọng bên phải. Ở đây cốt yếu nhắc nhở phải để ý đến thực trạng chiến tranh không phải tốt lành, mà tệ hại!

"Giết hại nhiều người ... khóc." Phía mình chết, tất nhiên đau buồn; nhưng vẫn có nghi thức lễ tang đối với bên địch sau trận tàn sát trong chiến thắng lớn.

"Chiến thắng..." nên đọc là "cuộc chiến này." Bởi vì giết rất nhiều người thì khóc lóc buồn bã. Vấn đề là khi đã nhìn thấy như thế, ngay cả khi chiến thắng trong chiến tranh, vẫn phải khóc thương.

[32]

ĐẠO VĨNH VIỄN KHÔNG CÓ TÊN

* Đạo thường vô danh, phác, tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần dã. Vương hầu nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân. Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi linh nhi tự quân. Thủy chế hữu danh, danh diệc kí hữu, phù diệc tương tri chi. Tri sở chi khả dĩ bất đãi. Thí đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cổ chi dữ giang hải.

The constant of the Way is nameless. Though unworked wood is small, the whole world does not presume to subordinate it.

If lords and kings could keep it, everyone would resort to them.

Sky and earth, joining, shower sweet dew; no man commands it, it is naturally equal.

Beginning definition, there are names; once names exist, you must know where to stop. By knowing where to stop, you're not endangered.

The presence of the Way in the world is like streams to the rivers and seas.

TAKUAN'S COMMENTARY

"The constant of the Way." The Way is the reason of the world. If it's the basic constant Way, it can't have any specific name as such and such a path or way. The point is that the "Confucian way," the "Buddhist way," or any such particular "way" is not the fundamental Way. Of course, what Lao-tzu said was not Confucianism or Buddhism. Buddhism, particularly, had not even come to China then. But speaking in terms of principle, this is the idea.

* Đạo thường hằng thì không có tên, tuy chất phác [như gỗ chưa đẽo], nhỏ nhiệm mà thiên hạ không ai thần phục được.

Bậc vương hầu biết giữ, thì vạn vật sẽ tự qui phục.

Trời và đất hòa hợp với nhau cho nước cam lồ rơi xuống, không bắt buộc, mà dân tự quân bình.

Đạo sáng tạo vật rồi thì mới có tên, khi có tên rồi nên biết dừng; vì biết dừng nên không nguy.

Đạo với thiên hạ như sông biển với suối khe.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Đạo thường hằng." Đạo là lẽ phải của thế gian. Nếu đây là Đạo thường hằng căn bản, thì không thể có tên cụ thể như là đường lối này hoặc phương thức thế kia. Chủ yếu là "Đạo Khổng," "Đạo Phật," hoặc một "Đạo giáo" riêng biệt nào thì không phải Đạo căn bản. Tất nhiên, ngôn thuyết của Lão Tử thì không phải Khổng giáo hay Phật giáo. Riêng Phật giáo, thậm chí lúc đó chưa đến Trung Hoa. Nhưng đứng về mặt nguyên lý, đây là ý niệm.

"Though unworked wood is small . . ." Then what is the fundamental Way? "Unworked wood" is the basic Way. Unworked wood is wood that hasn't been planed, that is the pure unfabricated Way, the natural Way. So this unworked wood, having no embellishment, is nothing special, and so it doesn't seem great, but insignificant. It is what has been embellished that seems great.

"Keep" means to preserve the unworked wood. "Resort" means everyone in the world comes following.

"Sky and earth . . ." The whole world coming to join is like sky and earth combining to "shower sweet dew." "Sweet dew" just means rain, dew, frost, snow, and the like. It is not limited to the sweet dew that falls as an auspicious omen. Behold that sweet dew—without any contrivance it moistens evenly everywhere, reaching all things. The Way of unworked wood is like that. This is expressed as "no man commands it, it is naturally equal."

"Beginning definition, there are names" means that the unfabricated, unworked wood gives way to all sorts of craft, and then names come to be.

"Tuy chất phác [như gỗ chưa đẽo], nhỏ nhiệm..." Vậy thì Đạo căn bản là gì? "Chất phác" là Đạo căn bản. Gỗ chưa đẽo là chưa gia công, là Đạo thuần tịnh chưa tạo tác, Đạo bản nhiên. Vì vậy, chất phác, chưa trau chuốt, không gì đặc biệt, và do đó không có vẻ cao vời, mà lại không đáng kể. Điều gì đã tôn tạo thì đáng vẻ như cao vời.

"Giữ" là bảo vệ tính chất phác. "Qui phục" là tất cả thiên hạ đều vâng theo.

"Trời và đất ..." Cả thiên hạ đều tham gia như trời và đất kết hợp "cho nước cam lồ rơi xuống." "Nước cam lồ" chỉ có nghĩa mưa, sương mù, giá băng, và tương tự. Không chỉ giới hạn là sương móc ngọt ngào rơi xuống như điềm cát tường. Hãy nhìn sương móc ngọt ngào—tuy vô vi mà thấm ướt thấm nhuận khắp nơi, khắp vật. Đạo chất phác là như thế. Sự kiện này được diễn tả như "không bắt buộc, mà dân tự quân bình."

"Đạo sáng tạo vật rồi thì mới có tên" nghĩa là chất phác như gỗ chưa gia công sẽ mở đường cho đủ loại thủ công kỹ xảo, về sau danh xưng mới đến.

"Once names exist" means that once names such as Confucianism and Buddhism have already come about, then names cannot be dispensed with entirely, so this is not saying to abandon or reject them all. "You must know where to stop" means that if names cannot be dispensed with, just know where to stop. If you know where to stop, even if there are names, you do not forget the nameless unworked wood, so you don't get trapped in names, because you're not in peril. If you don't know where to stop, then you fall into danger and are imperiled.

All things in the world are like the water of streams to rivers and seas. All streams lead to rivers and seas; all things, all names, wind up on the Way. So as long as you know where to stop, even with names there's no difference from unworked wood.

[33]

THOSE WHO KNOW OTHERS ARE
INTELLIGENT

知人者智, 自知者明. 勝人者力, 自勝者強. 知足者富,
強行者有志. 不失其所者久, 死而不亡者壽.

"Khi có tên rồi" là một khi đã có danh xưng như Khổng giáo và Phật giáo, rồi thì không thể không triệt để lạm dụng, vì vậy đây không nói phải từ bỏ hoặc từ chối tất cả danh tính. "Nên biết dừng" là có tên không thể tránh lạm dụng, chỉ cần biết đến mức độ nào phải dừng. Nếu biết chỗ để dừng, ngay cả khi có tên, cũng đừng quên tính chất phác vô danh, như thế sẽ không mắc bẫy vào danh xưng, vì sẽ không lâm nguy. Nếu không biết chỗ để dừng, sẽ rơi vào hiểm nghèo.

Tất cả sự vật trên thế gian đều giống như nước của sông biển suối khe. Tất cả dòng nước đều chảy ra sông và trôi ra biển; tất cả sự vật, tất cả danh tính, rốt cuộc quy về Đạo. Vì vậy, bao lâu biết được chỗ để dừng lại, thậm chí có danh xưng đều không khác với tính chất phác như gỗ chưa gia công.

[33]

AI BIẾT NGƯỜI LÀ NGƯỜI TRÍ

* Tri nhân giả trí, tự tri giả minh. Thắng nhân giả lực, tự thắng giả cường. Tri túc giả phú, cường [hoặc cường] hành giả hữu chí. Bất thất kì sở giả cử, tử nhi bất vong giả thọ.

Those who know others are intelligent, those who know themselves are lucid.

Those who conquer others have power, those who conquer themselves are strong.

Those who are content are wealthy, those who act strongly have will.

Those who do not lose their places last.

To die without perishing is longevity.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Those who know others are intelligent." Knowing the good and bad in others is called intelligence. Knowing yourself, that is, knowing your limitations, is called "lucidity." People who know others often don't know themselves. People well aware of their own limitations don't talk about others.

"Those who conquer others . . ." Those who like to prevail over others do not know how to overcome themselves. "Conquering yourself" means overcoming selfishness, eliminating haughty and arrogant thoughts. Someone like that doesn't think of conquering others.

* Ai biết người là người trí, ai tự biết mình là người sáng.

Thắng được người là có sức lực, thắng được mình là kiên cường.

Ai tri túc (biết đủ) là người giàu; ai hành động mạnh mẽ là người có ý chí.

Không rời chỗ của mình [tức đạo] thì trường cửu; chết mà không mất [đạo] thì trường thọ.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Ai biết người là người trí." Biết người khác tốt và xấu gọi là người trí. Biết mình, tức là biết mặt hạn chế của mình, gọi là "người sáng." Người nào biết được người khác thường không biết chính mình. Người nào rõ biết những mặt hạn chế của chính mình sẽ không nói về người khác.

"Thắng được người ..." Những ai muốn thắng lướt người khác thì không biết làm thế nào để siêu vượt chính mình. "Thắng được chính mình" là vượt qua ích kỷ, loại bỏ suy nghĩ kiêu căng và ngạo mạn. Người như thế không nghĩ đến thắng lướt người khác.

"Those who are content are wealthy." Even if you have a huge hoard of gold, as long as you're not content you still have a craving heart, so you're poor. But even if you haven't got a single piece of gold, if you yourself are satisfied, then you are rich.

"Those who act strongly have will." No matter how much determination you may have, if you regress, that is not "will," so acting strongly without regressing is called "will."

"Those who do not lose their places" means finding peace in your place. It means not losing yourself. To "last" means to continue unchanging. Those who cannot be at peace in their place eventually change.

"Die without perishing" means there is something that does not pass away. As such, don't seek it outside but only seek it in the inner mind.

The line "To die without perishing is longevity," as it says even in the annotations, is not something that can be interpreted in words. It is reasonable to say it is subjectively experienced and subjectively realized. But this phenomenon is not just one thing—it applies to everything.

"Ai tri túc (biết đủ) là người giàu." Nếu thậm chí có một kho vàng lớn lao, bao lâu chưa vừa lòng mà còn thèm muốn, vẫn nghèo thiếu. Nhưng chưa có một mẻo vàng, nếu hài lòng thì giàu có.

"Ai hành động mạnh mẽ là người có ý chí." Không phải quyết tâm nhiều ít, nếu thoái lui, không phải có "ý chí", vì vậy hành động mạnh mẽ mà không suy thoái gọi là "có ý chí."

"Không rời chỗ của mình [tức đạo]" là tìm an bình nơi đang ở, là không đánh mất mình. "Trường cửu" là tiếp tục không thay đổi. Người không thể an bình nơi đang ở tất có thay đổi.

"Chết mà không mất [đạo]" là có một điều không hoại. Như vậy, không tìm bên ngoài mà chỉ tìm vào nội tâm.

Câu "Chết mà không mất [đạo] thì trường thọ," như đã nói trong chú thích, không phải việc có thể giải thích bằng lời. Rất hợp lý nếu nói phải tự mình chứng nghiệm và tự mình nhận biết. Nhưng hiện tượng này không chỉ là một—mà áp dụng cho tất cả.

Hygienists say this refers to spiritual immortals not dying, but in view of the preceding sayings of this chapter, it doesn't look like it refers to the art of not dying and not aging. The emphasis of these sayings is simply on reason.

[34]

THE GREAT WAY is UNIVERSAL

大道汎兮，其可左右。萬物恃之而生而不辭，
功成而不有。衣養萬物而不主。常無
欲，可名於小；萬物歸焉而不主，可名爲大。
以其終不自爲大，故能成其大。

The Great Way is universal; it can be left or right.

All beings are born depending on it, and it does not refuse.

Accomplishment complete without dwelling on it, it covers name and existence, accepts and nurtures myriad beings without acting as master.

Therefore, always being without desire, it can be called small; all beings resort to it, yet it does not act as master, so it can be called great. This is how sages are able to attain that greatness, by not aggrandizing themselves; therefore they can attain that greatness.

Nhà dưỡng sinh nói việc này đề cập những vị thần bất tử không chết, nhưng theo quan điểm những câu trước của chương này, không phải đề cập thuật không chết và không già. Sự nhấn mạnh của những câu này chỉ trên lý luận.

[34]

ĐẠO LỚN TRÙM KHẮP

*Đại đạo phiếm hê, kì khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất tử, công thành nhi bất hữu, y dưỡng vạn vật nhi bất chủ. Thường vô dục, khả danh ư tiểu; vạn vật qui yên nhi bất chủ, khả danh vi đại. Dĩ kì chung bất tự vi đại, cố năng thành kì đại.

*Đạo lớn trùm khắp không ở bên trái thì cũng ở bên phải. Đạo sinh ra vạn vật mà không khước từ,

Thành công rồi mà [không trụ trước], Che phủ tên tuổi; nuôi dưỡng vạn vật mà không làm chủ.

Thường vô dục, nên có thể bảo là nhỏ; muôn vật qui phục mà không làm chủ, nên có thể bảo là lớn. Vì thế thánh nhân, cho đến ngày cùng, không cho mình là lớn. Cho nên mới thành tựu việc lớn.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Universal" does not merely mean extensive; what is "universal" is not something limited, like Lao-tzu says, not something crooked or winding. This is to be found to the "left" and to the "right."

"Depending on it" means being born due to the Great Way. "It does not refuse" means the Great Way does not refuse to produce life because it's hard work.

"Without dwelling" means not abiding in the realm of reputation claiming credit for its own accomplishments. "Covers" means that the blessings of the Great Way cover all beings. "Without acting as master" means there is no domineering, no possessiveness. Therefore it is called desireless.

"It can be called small" means that being desireless and unassuming as stated above, it appears small, and could be called small. "It does not act as master" means that there is no sense of being the boss, so "it can be called great."

"This is how . . ." This idea has been expressed any number of times. Not aggrandizing yourself means not considering yourself great or making yourself out to be great.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Trùm khắp" không chỉ đơn thuần là sâu rộng; điều gì "trùm khắp" thì không hạn cuộc, như Lão Tử nói, không phải quanh co hoặc cong vạy, mà sẽ phát hiện không ở bên "trái" thì cũng ở bên "phải."

"Nhờ Đạo" nghĩa là do Đại Đạo sinh ra. "Không khước từ" là Đại Đạo không từ chối sinh tạo cuộc sống bởi vì đó là việc gian khó.

"Không trụ trước" là không trụ vào danh lợi từ sự thành tựu của chính mình. "Che phủ" có nghĩa phước lành của Đại Đạo trùm khắp chúng sinh. "Không làm chủ vạn vật" nghĩa là không độc đoán, không sở hữu. Vì vậy gọi là vô dục.

"Có thể bảo là nhỏ" có nghĩa vô dục và khiêm tốn như đã nêu ở trên, Đạo thể hiện nhỏ nhiệm, và có thể gọi là nhỏ. "Không làm chủ" là không chỉ huy quyền hành, "nên có thể bảo là lớn."

"Vi thể thánh nhân..." Ý này đã nhắc lại nhiều lần. Không đề cao mình là không xem mình cao siêu hoặc tự tôn mình lớn lao.

HOLDING ON TO UNIVERSAL LAW

執大象，天下往。往而不害，安平太。

樂與餌，過客止。道之出口，淡乎其無味，視之不足見，聽之不足聞，用之不足既。

Holding on to universal law, going everywhere in the world, going without harm, it is safe, peaceful, easy.

Music and food go to guests, then stop.

Verbal expressions of the Way are so bland they're flavorless.

When you look at it, it isn't visible. When you listen for it, it isn't audible. When you use it, it's inexhaustible.

TAKUAN'S COMMENTARY

"Universal law" refers to the Way of Nature, the Way of emptiness.

No thing is bigger than sky and earth, but even they have form, so they have limits. But this Way has no limits, so it goes everywhere in the world.

In the affairs of the world, sometimes you encounter things that are right, and sometimes you encounter things that aren't right.

GIỮ ĐẠO LỚN

* Chấp đại tượng, thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại, an bình thái. Nhạc dĩ nhị, quá khách chi. Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kì vô vị, thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc kí.

* Giữ đạo lớn thì đi khắp thiên hạ; mà không nguy hại, an toàn, bình yên thư thái.

Nhạc và bánh làm khách qua đường dừng lại;

Đạo nói ra miệng thì nhạt nhẽo, vô vị; nhìn thì vô tướng, nghe thì vô thanh, nhưng ứng dụng thì vô tận.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Đạo lớn" là đạo Trời, đạo của tánh không.

Không vật gì lớn hơn trời và đất, cho dù có hình tướng, vẫn có giới hạn. Nhưng Đạo vô lượng vô biên, vì vậy đi khắp trong thiên hạ.

Trong việc này việc nọ của thiên hạ, đôi khi gặp điều đúng, và điều không đúng.

Only this Way of naturalness and emptiness goes everywhere without any disharmony, so there is no getting hurt. So it is safe, peaceful, easy.

"Music and food go to guests, then stop." Nothing is more pleasing to the ear than music, but when you listen for a long time it comes to seem noisy. Nothing is more palatable than food, but afterward you don't even want to eat. So both music and food are provided just once, and stopped when the guests have gone.

"Verbal expressions of the Way" means when you try to express the Way in words. "Bland" means nondescript, nothing particular. When you look, it's not something visible, not a sight to see, nothing splendid. It's not something fun to listen to, like music. Nevertheless "it's inexhaustible" eventhough flavorless, invisible, and inaudible, it performs extremely profound and subtle functions, without exhaustion.

The sense of this chapter is hard to express in words.

Chỉ có Đạo của bản nhiên và tánh không đi khắp nơi mà không có bất hòa, vì vậy không bị tổn hại. Vì vậy, an toàn, bình yên thư thái.

"Nhạc và bánh làm khách qua đường dừng lại." Không có gì dễ chịu hơn với tai bằng âm nhạc, nhưng nghe lâu dài thì ồn ào. Không có gì dễ chịu bằng thực phẩm, nhưng sau đó bạn không muốn ăn nữa. Vì vậy, cả âm nhạc và thực phẩm nên cung cấp chỉ một lần, và ngưng lại khi khách ra đi.

"Đạo nói ra miệng" là khi cố gắng thể hiện Đạo qua ngôn ngữ. "Nhạt nhẽo" có nghĩa không cần thiết, không có gì đặc biệt. Nhìn thì Đạo không phải vật thấy được, không phải cảnh để xem, không có gì lộng lẫ. Đạo không phải nghe thích thú, như âm nhạc. Tuy nhiên Đạo thì "vô tận" cho dù vô vị, vô tướng, và vô thanh, Đạo hoạt dụng cực kỳ thâm sâu và tinh tế, không bao giờ hết.

Ý nghĩa của chương này khó diễn tả ra lời.

IN ORDER TO GATHER

將欲歛之，必固張之。將欲弱之，必固強之。將欲廢之，
必固舉之。將欲奪之，必固與之。是謂微明。柔弱勝剛強。

魚不可脫於淵，國之利器不可以示人。

In order to gather, you must extend.

In order to weaken, you must strengthen. In
order to eliminate, you must promote. In order to
take, you must give.

This is called concealing understanding. The
flexible overcome the adamant, the yielding
overcome the forceful. Fish cannot leave the water.

A nation's weaponry shouldn't be shown to
people.

TAKUAN'S COMMENTARY

The word for "gather" has the same sense as
"attract," "to draw to oneself," meaning to gather. To
begin with, if you want to gather people, if all you do
from the outset is try to recruit them, then people
won't join. Therefore, if you want to gather people,
first you have to network widely; otherwise no one
will join.

MUỐN THU THẬP

* Tương dục hấp chi, tất cố trương chi. Tương
dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi,
tất cố cử chi. Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi. Thị vị
vi minh. Nhu nhược thắng cương cường.

Ngư bất khả thoát ư uyên; quốc chi lợi khí bất
khả dĩ thị nhân.

* Muốn thu thập thì hãy mở rộng.

Muốn cho yếu đi thì hãy làm cho mạnh lên.
Muốn phế bỏ thì hãy đề cử. Muốn lấy thì hãy cho.

Như vậy là hiểu biết kín đáo sáng suốt. Vì nhu
nhuyễn thắng cương, khiêm nhường thắng cường.

Cá không thể thoát khỏi vực sâu. Lợi khí nước
nhà không nên khoe cho dân thấy.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

"Thu thập" đồng nghĩa với "thu hút," "thu về
mình." Trước tiên, nếu muốn tập hợp mọi người, nếu
ngay từ đầu tất cả việc làm là cố gắng chiêu mộ, mọi
người sẽ không tham gia. Vì vậy, nếu muốn tập hợp
mọi người, đầu tiên phải mở rộng mạng lưới nối kết;
nếu không sẽ không ai tham gia.

The next lines up to "you must give" all express this same idea. They each refer to all matters, not just one thing.

So everything up to "you must give" is allegorical. Since the world is all this way, the point is to realize that if you are not flexible you can't overcome the adamant, and if you are not yielding you can't overcome the forceful. The allegories are for the purpose of expressing these two lines.

"Concealing understanding" is hiding enlightenment. The foregoing descriptions are of hiding enlightenment. Anyway, the flexibility and yielding of which Lao-tzu speaks are different from the softness and weakness ordinarily spoken of. What Lao-tzu has in mind is this empty, natural Way with no artificiality.

"Fish cannot leave the water." Just as fish cannot live outside of water, people should not depart from the Way for any reason. This implies that we should be thus flexible and yielding, without artificiality.

"Weaponry" pertains to military matters. "Show" means show off. This being so in any case, the idea is not to contend militarily.

Câu tiếp theo đến "hãy cho" ý nghĩa đều giống nhau, đề cập tất cả, không phải một vấn đề.

Vì vậy, nguyên câu cho đến "hãy cho" đều thuộc về ngụ ý. Vì thế gian đều như thế, điểm chánh ở đây là nhận biết nếu không nhu nhuyễn sẽ không thắng người cương quyết, và không khiêm nhường sẽ không thắng người mạnh bạo. Những ngụ ý trên mục đích diễn tả hai dòng này.

"Hiểu biết kín đáo sáng suốt" là giác ngộ ẩn nhiệm. Sự mô tả ở trên là giác ngộ ẩn nhiệm. Dù sao, nhu nhuyễn và khiêm nhường Lão Tử đã nói khác với tính mềm mại và yếu đuối thường tình. Trong tâm Lão Tử Đạo là tánh không, bản nhiên vô sự.

"Cá không thể thoát khỏi vực sâu." Chỉ vì cá không thể sống ngoài nước, dân không nên xa Đạo bất cứ lý do gì. Điều này ngụ ý chúng ta nên nhu nhuyễn và khiêm nhường, vô sự.

"Lợi khí" liên quan đến binh bị. "Khoe cho dân thấy" là bày lộ ra. Phải như vậy trong mọi trường hợp, Quan điểm này không phải tranh đua về mặt quân sự.

[37]

THE WAY is ALWAYS FREE FROM
CONTRIVANCE

道常無爲而無不爲，侯王若能守之，萬物將自化。
化而欲作，吾將鎮之以無名之

樸。(無名之樸)。夫亦將無欲。不欲以靜，天下將自定。

The Way is always free from contrivance, but
there's nothing it doesn't do.

If lords and kings could keep to it, all people
would be naturally won over. Having been won over,
if they wanted to act, I would stabilize them with
nameless plainness. Nameless plainness does not even
desire.

Calmed by not desiring, the world will correct
itself.

TAKUAN'S COMMENTARY

The constant Way is the fundamental Way. The
Way is as is, so it is not something thought up. In any
case, when being as such with nothing to do, in spite
of doing nothing there's nothing that cannot be done.
Because a path that involves deliberately doing
something is dealt with in one way, there's always
some other way it doesn't work, something that can't
be done.

[37]

ĐẠO THƯỜNG HẰNG THÌ VÔ VI

* Đạo thường vô vi nhi vô bất vi, hầu vương
nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa. Hóa nhi
dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác. (Vô
danh chi phác). Phù diệc tương vô dục. Bất dục dĩ
tĩnh, thiên hạ tương tự định.

* Đạo thường hằng thì vô vi, nhưng không gì
mà không làm; bậc vua chúa giữ đạo thì vạn vật
(thiên hạ) sẽ tự hóa (tuân phục). Trong quá trình tự
hóa (tuân phục), tư dục phát tác thì ta sẽ trấn áp hiện
tượng đó (họ) với tính chất phác vô danh (tức bản
chất của đạo) khiến vạn vật (họ) không còn tư dục.

Điềm tĩnh vì không còn tư dục thì thiên hạ sẽ tự
an định.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Đạo thường hằng là Đạo nền tảng. Đạo là như
thị, do đó không phải nghĩ ngợi. Trong mọi trường
hợp, khi vô vi, mặc dù vô sự nhưng không gì mà
không làm. Bởi vì phương thức bao hàm việc cố tình
tạo tác tức là xử sự theo một cách thức nào đó thì luôn
luôn có một cách thức khác không tác dụng, một điều
gì không đạt.

"Keep to" means to manage to keep to the constant Way. To be "won over" means to be influenced to submit and follow. "Having been won over, if they wanted to act" means that if it is done badly, after being won over they will try to rise up. Then they blunder. Therefore, at such a time, plainness without artificiality, simplicity without striving, is used to stabilize them.

This is an interesting phenomenon, which is in all things. As mentioned before, all of Lao-tzu's writing is general, not about one specific thing, so, like a phantom or a shadow, it cannot be easily grasped. But if we apply it to something ourselves, it works.

For example, when people are won over, if we take advantage of that, we may get fixated on that too and ultimately forget the Way.

Suppose there is someone who almost knows the Way, and people are won over and follow along; already a school is formed. This is acting on being won over.

If it is someone who really does have the Way, when people come to know that, they will eventually be won over.

"Giữ được" nghĩa là vận dụng để giữ Đạo thường hằng. "Tự hóa (tuân phục)" là chịu ảnh hưởng để phục tùng và tuân theo. "Trong quá trình biến hóa, tư duy phát ra" nghĩa là nếu thực hiện tồi tệ, sau khi tuân phục thiên hạ sẽ cố gắng để vươn lên. Rồi thì họ sai lầm. Vì thế, vào lúc đó, sử dụng tính chất phác vô sự, giản dị mà không cần phấn đấu, để ổn định họ.

Đây là một hiện tượng thú vị, xảy ra trong tất cả sự vật. Như đã nói, tất cả văn bản của Lão Tử là tổng quát, không phải về một điều cụ thể, như vậy, giống một bóng ma hay hình bóng, có thể không lĩnh hội dễ dàng. Nhưng nếu chúng ta áp dụng vào việc gì cho mình, sẽ có tác dụng.

Ví dụ, khi thiên hạ đã tuân phục, nếu chúng ta có tâm lợi dụng, cũng có thể chấp dính và cuối cùng quên Đạo.

Giả sử có người gần như biết Đạo, và mọi người đã tuân phục và cùng theo; vậy là một trường học hình thành. Đây là hành động tuân phục tức tự hóa.

Nếu một người thực sự biết Đạo, khi ai cũng nhận thấy, tất nhiên họ sẽ dần dần tuân phục.

Being "won over" doesn't mean giving in; it just means not getting otherwise involved. That is called "stabilizing with nameless plainness."

For example, in Song dynasty China, the partisans of Master Chu Hsi were called the Lo Faction, while the partisans of Su Tung-p'o were called the Shu Faction.³⁵ Better people would see to it that factions would not develop this way. Once a trend is established and a faction forms, bad things naturally come from it.

Also, even governing a nation or empire, good people who have the Way will prevent the establishment of a regime of rites and music. If established, these multiply. Not only that, if it looks like any sort of bureaucratic business is going to develop, they use inaction to see to it that it doesn't come about.

Master Chu was from Lo, Su Tung-p'o was from Shu, so their followers were named the Lo Faction and the Shu Faction. "Nameless plainness" means there is no artificial contrivance. "Does not even desire" means that nameless plainness is desireless.

³⁵ Chu Hsi (Zhu Xi) (1130-1200) and Su Tung-p'o (Su Dongp'o) (1037-1101) were neo-Confucian scholars.

"Tự hóa (tuân phục)" không có nghĩa nhượng bộ; chỉ có nghĩa không dính líu. Đó được gọi là "trấn áp với tính chất phác vô danh."

Ví dụ, trong thời nhà Tống Trung Quốc, phe ủng hộ Chu Hy gọi là phái Lạc, trong khi phe ủng hộ Tô Đông Pha gọi là phái Thục.³⁶ Người đảng hoàng sẽ thấy phe phái không phát triển được. Khi thiết lập một khuynh hướng và thành lập phe phái, điều xấu tự nhiên xảy đến.

Ngoài ra, ngay cả cai trị một đất nước hay một đế quốc, người tốt biết Đạo sẽ ngăn chặn việc thành lập một chế độ theo lễ và nhạc. Nếu đã thành lập, sẽ nhân lên thập bội. Không chỉ vậy, nếu phát triển giống như bất kỳ loại hình kinh doanh quan liêu, người biết Đạo sẽ sử dụng bất động để đối phó khiến không xảy ra.

Chu Hy từ đất Lạc, Tô Đông Pha từ đất Thục, người theo học với họ được đặt tên là Phái Lạc và Phái Thục. "Chất phác vô danh" nghĩa là vô vi. "Không còn tư dục nữa" tức là chất phác vô danh chính là vô dục.

³⁶ Chu Hy (1130-1200) và Tô Đông Pha (1037-1101) là những học giả tân Nho giáo.

When you do not desire, you have no prejudices, no thought at all, so you are spontaneously calm; thus the world too straightens out.

[38]

HIGHER VIRTUE isn't VIRTUOUS

上德不德,是以有德;下德不失德,是以無德.

上德無爲而無以¹⁷⁸[1]爲;下德無爲而有以爲.

上仁¹⁷⁹[2]爲之而無以爲;

上義爲之而有以爲.上禮爲之而莫之應,則攘臂而扔之.故失道而後德,失德而後仁,失仁而後義,失義而後禮.夫禮者,忠信之,而亂之首.前識者道之華,而愚之始.是以大丈夫處其厚,不居其薄,處其實,不居其華.故去彼取此.

Higher virtue isn't virtuous; thereby it has virtue. Lower virtue does not fail to be virtuous; so it has no virtue.

Higher virtue is uncontrived, and has no reason to contrive. Lower virtue does something, and has a reason to do it.

Khi vô dục, sẽ không có thành kiến, không khởi niệm, vì vậy tự nhiên điềm tĩnh; do đó thiên hạ cũng tự an định.

[38]

NGƯỜI ĐỨC CAO THÌ KHÔNG CÓ Ý CẦU ĐỨC

* Thượng đức bắt đức, thị dĩ hữu đức; hạ đức bắt thất đức, thị dĩ vô đức. Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi; hạ đức vô vi³⁷ nhi hữu dĩ vi.

Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi; thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi. Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhượng tí nhi nhượng chi. Cổ thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ. Phù lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ. Tiên thức giả đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy. Thị dĩ đại trượng phu xử kì hậu, bất cư kì bạc, xử kì thực, bất cư kì hoa. Cổ khứ bỉ thủ thủ.

* Người đức cao thì không có đức, nên có đức; người đức thấp thấy có đức, nên không có đức.

Người có đức cao thì vô vi, và không tác ý; Người có đức thấp vô vi³⁸, mà có tác ý.

³⁷ Thay vì “vô vi” có bản ghi là “vi.”

³⁸ Chánh văn là “vi” dịch “Người có đức thấp thì hữu vi, và có tác ý.”

Higher benevolence does something, but with no motive for acting.

Higher duty does something, and has a reason to do it.

Higher courtesy does something, but if no one responds, still makes the effort to go on.

So after losing the Way there's virtue;
after losing virtue there's benevolence;
after losing benevolence there's duty;
after losing duty there's courtesy.

Manners are thinness of trust and the beginning of disorder.

Knowledge of precedent is a flower of the Way, yet is the beginning of ignorance.

Therefore great people stay with the thick and don't take the thin, stay with the fruit and not the flower. Thus they eliminate that and take this.

TAKUAN'S COMMENTARY

If you read it according to the annotations, "Higher virtue isn't virtuous" should be read "Higher virtue doesn't consider it virtuous." That means with higher virtue you don't think yourself virtuous.

Người có lòng nhân cao làm mà không tác ý;
Người có nghĩa cao làm mà tác ý;
Người có lễ cao thì giữ lễ, và nếu không được
đáp lại vẫn bắt người ta phải giữ lễ như mình.

Cho nên mất Đạo rồi mới có Đức,
mất Đức rồi mới có Nhân,
mất Nhân rồi mới có Nghĩa,
mất Nghĩa rồi mới có Lễ.

Lễ chỉ là cái vỏ mỏng của lòng trung tín; mà
cũng là đầu mối của hỗn loạn.

Dùng trí thức dựa trên tiền lệ, thì chỉ là hoa
(hào nháng) của đạo, cũng là gốc của ngu si.

Cho nên bậc đại trượng phu ở chỗ dày (giữ
trung hậu thành tín), không ở chỗ mỏng (trọng lễ
nghĩ), Chuộng trái (giữ đạo), không chuộng hoa
(dùng trí xảo). Nên bỏ đây mà giữ kia.

LỜI BÌNH của TRẠCH AM

Nếu đọc theo chú thích, "Người đức cao thì
không có đức" phải hiểu là "Người đức hạnh cao
không cho là có đức," tức là có đức hạnh cao, sẽ
không thấy mình có đức.

But that is the import of Confucian books, and does not accord with Lao-tzu's meaning. To read it "Higher virtue isn't virtuous" is Lao-tzu's intent. The idea is that the very highest virtue is nothing special at all, so it has nothing called "virtue."

For example, a person should just be called a person. There's no reason there should be a label of "virtue" in addition to that. Therefore the highest, original virtue has no so-called virtue. So this is called a virtuous person.

"Lower virtue does not fail to be virtuous." Lower virtue does not refer to unexceptional ordinary people; it means there is certainly some so-called virtue there. This is not failing to be virtuous. So, because there is something superimposed on the nothing-special of higher virtue, this has no virtue.

"Uncontrived, and has no reason to contrive" means because higher virtue is something that is not fabricated, there's nothing to contrive with it. "No reason to contrive" means there's no such thing as doing thus and so for such and such a reason. To have a motive to act is to have intent.

Nhưng đây là ảnh hưởng của Khổng thư, và không phù hợp với ý của Lão Tử. Hiểu "đức hạnh cao thì không phải là đức" mới đúng ý Lão Tử, tức là đức hạnh cao tột thì không có gì đặc biệt, vì vậy không có điều gì gọi là "đức."

Ví dụ, người chỉ nên gọi là người. Không có lý do gì cần thêm vào một nhãn hiệu là "đức." Do đó, đức hạnh nguyên thủy cao nhất không có cái gọi là đức. Vì vậy, đây gọi là một người đạo đức.

"Người đức thấp thấy có đức, nên không có đức." Đức thấp không nói đến những người thường tình không đặc biệt; nghĩa là chắc chắn có vài đức tính gọi là đức hạnh. Đây không hẳn là không có đức. Bởi vì có điều gì thêm vào đức hạnh cao tột không-có-gì-đặc-biệt, nên không có đức.

"Vô vi³⁹, và không tác ý" là vì đức cao tột là điều gì không phải tạo tác, không có gì để mưu tính. "Không tác ý" là không có những việc tạo tác thế này thế nọ, với lý do thế ấy thế kia. Có động cơ để hành động tức có ý định.

³⁹ "Vô vi" ý nói đức hạnh dù "có làm" hay "không làm", tức "không dính mắc". (D.G.)

To have no motive to act is like hearing due to sound entering because you have ears, like smelling due to scents entering because you've got a nose. It means it is not done intentionally.

"Lower virtue does something." To "do something" means there's something to do. "Has a reason to do it" means doing thus and so because such and such occurred, doing something for a certain reason.

"Higher benevolence does something . . ." Benevolence is lower than virtue. Virtue cannot be defined, be it as compassionate or as dutiful. Benevolence is already defined as compassionate, so it is lower than virtue. "Does something" means that when you act compassionately, this is created. However, as long as it is higher benevolence, there is no such thing as doing it for a particular motive. Therefore it has "no motive for acting."⁴⁰

"Higher duty does something, and has a reason to do it." Duty is somehow uneasy, so it is lower than benevolence. Therefore it has reasons for what it does.

⁴⁰ That is, no ulterior motive, no personal ambition. In Buddhism this is called objectless compassion.

Hành động không có động cơ giống như nghe do âm thanh vào vì có tai, như ngửi do mùi hương vào vì có mũi. Nghĩa là không phải cố ý tác động.

"Người có đức thấp thì hữu vi⁴¹, và có tác ý." "Hữu vi" là có việc để làm. "Có tác ý" là làm như vậy, và như vậy bởi vì có xảy ra thế này thế nọ, có làm việc vì có lý do.

"Người có lòng nhân cao làm ..." Lòng nhân thì thấp hơn so với đức hạnh. Đức không thể xác định, có thể là từ bi hoặc là hiếu nghĩa. Lòng nhân định nghĩa là từ bi, vì vậy thấp hơn so với đức. "Làm" có nghĩa khi hành động từ bi thì có tạo tác. Tuy nhiên, bao lâu có lòng nhân cao, sẽ không có việc làm vì một động cơ rõ rệt. Vì vậy "làm mà không tác ý."⁴²

"Người có nghĩa cao làm mà tác ý." Nghĩa là không yên tâm, vì vậy thấp hơn so với lòng nhân. Do đó có lý do để làm.

⁴¹ Xem chú thích 39.

⁴² Tức là, không có động cơ che đậy, không bản ngã. Phật giáo gọi là vô duyên từ.

"Higher courtesy does something, but if no one responds, still makes the effort to go on." Ritualized manners are completely artificial, totally made up. Therefore something is done, and something done in return. If there is no accord, then you roll up your sleeves, withdraw, and go. Because manners involve definite ways in which one has to do things, when others don't respond accordingly, it is necessary to induce them to do so.

Anyway, here it speaks of higher and lower virtue, but only the higher when it comes to benevolence, duty, and courtesy. Lao-tzu's meaning is that even higher benevolence, duty, and courtesy are thus, so lower benevolence, lower duty, and lower courtesy are completely fabricated and not worth talking about. So he doesn't mention them earlier either.

"So after losing the Way . . ." If we try to express the unsurpassed Way, the natural state is itself the Way. It is reason. Since what has something to be preserved is called virtue, that is already lower than the naturalness of the Way. Even so, just speaking of preserving it does not yet define virtue. When it comes to benevolence, it has a definite form, called compassion, so it is lower than virtue.

"Người có lễ cao thì giữ lễ, và nếu không được đáp lại vẫn bắt người ta phải giữ lễ như mình." Cư xử có lễ nghi thì hoàn toàn hữu sự, hoàn toàn tạo tác. Do đó có việc được làm, và có việc làm đáp lại. Nếu không thỏa thuận, sau đó sẽ xắn tay áo, rút lui, và bỏ đi. Bởi vì cách cư xử liên quan sự xác định việc phải làm, khi họ đáp ứng không như ý, thì phải bắt họ làm.

Dù sao, ở đây nói về đức cao và đức thấp, nhưng chỉ người đức cao mới có nhân, nghĩa, và lễ. Ý của Lão Tử là người có lòng nhân cao, nghĩa và lễ cao phải như vậy, do đó có lòng nhân, nghĩa và lễ thấp thì hoàn toàn tạo tác và không đáng đề cập. Vì vậy Lão Tử trước đó cũng không nói đến.

"Cho nên mất Đạo rồi ..." Nếu cố gắng thể hiện Đạo vô thượng, trạng thái bản nhiên chính là Đạo. Đây là lý do. Vì điều gì được duy trì gọi là đức hạnh, tức là đã thấp hơn so với Đạo bản nhiên. Dù vậy, chỉ nói về giữ gìn cũng chưa xác định đức hạnh. Khi nói đến lòng nhân thì có một hình tướng nhất định, gọi là từ bi, vì vậy thấp hơn so với đức hạnh.

Benevolence is compassion, so it is better than duty; duty has definite indications, and so it is lower. Hence the text runs them down step-by-step, saying that after losing the Way there's virtue, after losing duty there is courtesy.

"Thinness of trust" means trust has diminished; this is the beginning of chaos. As for the sense of this passage, there are all sorts of manners, but to speak in terms of one instance, between father and son they are summed up in familiarity. Rustics are like this, but leaving them aside, we can see the so-called courtesies between parents and children are all bribes.

Also, in the rites of mourning, when a parent dies, for three days you think of the winter wind and begin to weep. After that, you weep a certain number of times over a certain number of days. Past that, you weep morning and night. This is the sort of thing the text is talking about. These betoken slightness of trust, so they may be expected to turn into sources of trouble, beginnings of disturbance.

"Knowledge of precedent" means broad knowledge of events of yore, or what we now call scholarship. This means intellectual activity. True knowledge that is not fabricated is fine, but knowledge based on precedent is inconsistent.

Lòng nhân là từ bị, vì vậy cao hơn so với nghĩa; nghĩa có xác định cụ thể, và do đó thấp hơn. Vì thế mạch văn đi từng bước hạ thấp, nói rằng sau khi mất Đạo rồi mới có Đức, mất Nghĩa rồi mới có Lễ.

"Vô mông của lòng trung tín" là niềm tin đã giảm; đây là khởi đầu của hỗn loạn. Ý nghĩa đoạn văn này bao gồm tất cả loại cư xử, nhưng lấy một ví dụ, giữa cha và con tóm gọn trong tình gia đình. Dân giả như thế, nhưng để qua một bên, chúng ta có thể thấy lễ nghi giữa cha mẹ và con cái đều là mua chuộc.

Ngoài ra, trong các nghi thức lễ tang, khi cha mẹ qua đời, trong ba ngày nghĩ về cơn gió mùa đông và bạn bắt đầu khóc. Sau đó, bạn khóc vài lần trong vài ngày. Sau đó, bạn khóc buổi sáng và ban đêm. Đây là thể loại bản văn đề cập. Những sự kiện này báo trước niềm tin loãng nhẹ, vì vậy có thể từ đó phát xuất sự cố, bắt đầu xáo trộn.

"Dùng trí thức dựa trên tiền lệ" có nghĩa dùng kiến thức rộng về các sự kiện xa xưa, hoặc điều chúng ta gọi là thông thái, tức là hoạt động tri thức. Chân kiến thức mà không tạo tác thì tốt, nhưng kiến thức dựa vào tiền lệ thì không nhất quán.

In the past, such and such happened, but so-and-so also happened; so is this right, is that wrong, which is better—in this way thoughts diverge, so it's the beginning of ignorance.

As long as the fundamental is clear, then knowledge is clear even if you don't look up a single word. Lao-tzu's time was one of chaos, when they made all sorts of pretenses of ritualized manners and intellectual knowledge, so it is reasonable that he spoke in this way.

"The thick" means cultivating the Way and virtue. In "don't take the thin," following on the foregoing, "thin" means manners.

The "fruit" is the Way and virtue; the "flower" is knowledge of precedent. The idea of these two lines is that great people practice the Way and virtue, while those with knowledge of precedent and thinness of trust do not.

"Thus they eliminate that and take this." Here, "that" means ritualism and intellectualism; "this" means the Way and virtue. "The Way" and "virtue" refer to the natural Way with no fabrication.

Trong quá khứ, có việc như thế và như thế xảy ra, nhưng chuyện này và chuyện nọ cũng có xảy ra; như vậy cái này đúng, cái kia sai, thế này tốt hơn—thế là tư tưởng phân tán, vì vậy vô minh bắt đầu.

Chừng nào nền tảng là sáng suốt, sau đó kiến thức sẽ sáng suốt ngay cả khi không nói ra một lời một chữ. Thời đại của Lão Tử là một trường hỗn loạn, khi người ta làm đủ kiểu ra vẻ cư xử theo lễ nghi và có kiến thức học thuật, vì vậy thật hợp lý khi Lão Tử giáo thuyết như trên.

"Chỗ dày" là tu tập đạo và đức. Trong câu "không ở chỗ mỏng," tiếp theo trên, "mỏng" là cách cư xử.

"Quả" là đạo và đức; "hoa" là kiến thức của tiền lệ. Ý nghĩa hai dòng này là bậc đại trượng phu tu tập đạo và đức, trong khi những người có kiến thức tiền lệ và niềm tin mỏng nhẹ thì không như thế.

"Nên bỏ đây mà giữ kia." Câu này, "đây" là lễ nghi và trí thức; "kia" là đạo và đức. "Đạo" và "đức" tức là Đạo bản nhiên không tạo tác.

